

**PHẬT GIÁO VÀ GIÁO DỤC**  
**THÍCH VIÊN LÝ**

**PHẬT GIÁO VÀ GIÁO DỤC**  
**Thích Viên Lý**

Bodhi Wisdom DN Publishing  
xuất bản tại California, Hoa Kỳ  
In lần thứ Nhất, 2019

Hình bìa:  
Di tích trường Đại Học cổ Nalanda ở Ấn Độ

Trình bày bìa và dàn trang:  
Lê Giang Trần

Tác giả giữ bản quyền  
Copyright © 2019 - Thích Viên Lý

THÍCH VIÊN LÝ

PHẬT GIÁO  
VÀ GIÁO DỤC

# MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu	13
Toát Yếu	15

## *CHƯƠNG 1* DẪN NHẬP

Bối Cảnh Phật Giáo	17
Sự Truyền Bá Phật Giáo	20
Phật Giáo ở Phương Tây	22
Những Vấn Đề Nghiên Cứu	23

## *CHƯƠNG 2* PHƯƠNG PHÁP HỌC

Đề Án Khảo Sát	25
Nghiên Cứu Bậc Nhì	27
Độ Tin Cây, Độ Hiệu Lực Và Độ Phổ Quát	27
Độ Hiệu Lực	28
Độ Phổ Quát	29

## *CHƯƠNG 3* DỮ KIẾN BẬC NHÌ

### - ĐỀ ÁN KHẢO SÁT KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Kinh Tạng	31
Luật Tạng	33
Luận Tạng	34
Đối Tượng của Giáo Dục Phật Giáo	36
Sự Tiếp Cận Giáo Lý của Đức Phật	38
Phật Giáo là một nền Giáo Dục và không phải là ...	40
Giáo Dục Phật Giáo tại Anh Quốc	42
Giáo Dục Phật Giáo tại Hoa Kỳ	51
Mục Tiêu về Giáo Dục Hoa Kỳ và Phật Giáo	54

**CHƯƠNG 4**  
**PHÂN TÍCH**  
 (trang 57)

**CHƯƠNG 5**  
**KHUYẾN NGHỊ**

Mô Hình Dung Hợp về Giáo Dục	62
Khuyến Nghị cho Những Nghiên Cứu trong Tương Lai	63

**CHƯƠNG 6**  
**GIÁO DỤC PHÙ HỢP VỚI PHẬT PHÁP**

Rèn Luyện Tâm	69
Trường Đạo Pháp Ở Quốc Gia Phật Giáo Sri Lanka	70

**CHƯƠNG 7**  
**GIÁO DỤC PHẬT GIÁO GIÚP ĐẠT ĐƯỢC**  
**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Dẫn nhập	73
Mục tiêu phát triển bền vững	74
Giáo dục là mục tiêu phát triển bền vững	78

**CHƯƠNG 8**  
**MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO**

Phật giáo và giáo dục	84
Mục tiêu của giáo dục Phật giáo	85
Hệ thống giáo dục hiện đại theo quan điểm Phật giáo	88
Kết luận	90

**CHƯƠNG 9**  
**LỊCH SỬ THÀNH LẬP HỆ THỐNG TRƯỜNG**  
**PHẬT PHÁP Ở SRI LANKA**

Công Đức Về Giáo Dục Của Nhà Sáng Lập	
Hội Thông Thiên Học Henry Steel Olcott	93
Thiết Lập Hệ Thống Trường Phật-Pháp	94

**CHƯƠNG 10**  
**HENRY STEEL OLCOTT THÀNH LẬP**  
**TRƯỜNG PHẬT GIÁO**  
**Ở ẤN ĐỘ VÀ SRI LANKA**

Tiểu Sử Đại-Tá Henry Steel Olcott	101
Lập Hệ Thống Trường Học Miễn Phí ... Ở Ấn Độ	104
Thành Lập Hệ Thống Trường Phật Pháp Ở Sri Lanka	105
Kết Luận	107

**CHƯƠNG 11**  
**ĐẠI HỌC PHẬT GIÁO NALANDA THỜI XƯA**

Đại Sư Huyền-Trang Hành Hương Nalanda	110
Đại Sư Nghĩa Tịnh Ở Nalanda	111
Nghệ Thuật Kiến Trúc Kỳ Diệu	112
Thời Sơ Khai Của Nalanda	113
Nalanda Phát Triển Trong Triều Đại Gupta	113
Thời Kỳ Hậu Gupta	114
Đại Học Nalanda Trong Triều Đại Pala Gặp Đại Họa	115

**CHƯƠNG 12****DI TÍCH ĐẠI HỌC NALANDA THỜI XƯA  
THÀNH LẬP ĐẠI HỌC NALANDA MỚI**

Tìm Thấy Di Tích Đại Học Nalanda Thời Xưa	119
Dự Án Thành Lập Tân Đại Học Nalanda	121
Đại Học Nalanda Gồm Có 4 Phân Khoa Chính Yếu	123
Phân Khoa Nghiên Cứu Lịch Sử	123
Phân Khoa Nghiên Cứu Sinh Thái Và Môi Trường	124
Phân khoa Nghiên Cứu Phật Giáo, Triết Học Và...	125
Phân Khoa Ngôn Ngữ, Văn Chương và Các Môn...	126

**CHƯƠNG 13****ĐẠI SƯ HUYỀN TRANG ĐI ẤN ĐỘ THỌ GIÁO  
Ở ĐH NALANDA VÀ CHIÊM BÁI THÁNH ĐỊA**

Lưu Lại Xứ Kashmir	130
Thăm Viếng Những Thánh Địa Ở Ấn Độ	130
Đại Sư Huyền Trang Ở Đại Học Nalanda	131
Đại Sư Huyền Trang Hồi Hương...	134
Đại Sư Huyền Trang Từ Biệt Ấn Độ Và Hồi Hương	135

**CHƯƠNG 14****ĐẠI SƯ HUYỀN TRANG & PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA**

Cố Vấn Cho Triều Đình	142
Sơ Lược Tiểu Sử Đại Sư Huyền-Trang	144

**CHƯƠNG 15****ĐẠI HỌC PHẬT GIÁO NAROPA  
Ở TIỂU BANG COLORADO**

Sứ Mạng Và Những Tiêu Chuẩn Của Naropa University	153
Tuyên Ngôn Sứ Mạng Của Naropa University	153
Những Tiêu Chuẩn Của Naropa University	154

**CHƯƠNG 16****ĐẠI HỌC UNIVERSITY OF THE WEST**

Lịch Sử Thành Lập	160
Tiểu Sử Hòa Thượng Tinh Vân...	161
Thu Học Phí Thấp	164
Những phân khoa chủ yếu của UWest	166

**CHƯƠNG 17****ĐẠI HỌC SOKA UNIVERSITY OF AMERICA**

Du Học Ngoại Quốc	172
Lịch Sử Thành Lập Soka University of America	174
Bành Trưởng Trong Tương Lai	177

**CHƯƠNG 18****ĐẠI HỌC SOKA UNIVERSITY Ở NHẬT BẢN**

Triết Lý Giáo Dục Của Soka University	182
Ba nguyên tắc căn bản của Soka University	183
Cơ sở cao nhất để thụ huấn giáo-dục nhân bản	184
Cái nôi của một nền văn hóa mới	184
Thành trì bảo vệ hòa bình cho nhân loại	185
Trao Bằng Tiến Sĩ Danh Dự Cho Những Nhân Vật...	187

**CHƯƠNG 19****ĐẠI CƯƠNG VỀ PHƯƠNG CÁCH  
DẠY PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM**

Làm Gương Cho Trẻ Em	191
Nhắc Nhở Trẻ Em Về Đức Phật	192
Những Ngày Lễ Phật Giáo	192
Lịch Sử Phật Giáo	193
Giải Giải Giáo Lý	193
Học Thuộc Lòng	196
Đạo Phật Là Tôn Giáo Của Tình Thương	197



Theo gương Đức Phật	197
Tìm hiểu Cá tánh của Các Con	198
Tránh cho Trẻ em bị Ảnh hưởng từ Những...	198
Tinh Thần Trách nhiệm Đối với Bản Thân	199

### CHƯƠNG 20

#### TRƯỜNG PHẬT GIÁO THIẾU NHI SARAHÀ Ở OREGON

Giới Thiệu Trường Thiếu-Nhi Saraha	204
Mục Tiêu Chủ Yếu	206
Giáo Dục Thiếu Nhi Phù Hợp Với Truyền Thống...	207
Học Phí Mỗi Niên Khóa	209
Những Điều Kiện Khả Năng của Thầy Giáo	209
Thu Nhận Học Sinh Không Phân Biệt Tôn Giáo	210

### CHƯƠNG 21

#### TRẠI HÈ MẠN-ĐÀ-LA TRÊN NÚI

Trại hè có những mục tiêu chủ yếu sau đây:	214
Sơ Lược Về Sinh Hoạt của Trại	214
Những Giám Thị và Thầy Giáo	218
Điều Lệ Tham Dự	218

### CHƯƠNG 22

#### NỀN GIÁO DỤC CỦA PHẬT GIÁO LÀ NỀN GIÁO DỤC TOÀN GIÁC

Tiêu đích giáo dục (cứu cánh)	221
Phương tiện giáo dục	226
Ưu tiên hóa giáo dục	227
Phương Pháp Giáo Dục	228
Hiệu năng giáo dục	230

## LỜI GIỚI THIỆU

*Phật Giáo và Giáo Dục* là một tác phẩm không chỉ giá trị về mặt triết lý giáo dục mà còn bao gồm cả hệ thống giáo dục và thành quả giáo dục ưu việt có khả năng thích ứng cao với mọi quốc độ và thời đại. Tác giả đã dẫn chứng một cách cụ thể những lời dạy của Đức Phật, những nhân vật đặc trưng và một số ngôi trường đã đạt được những thành tích giáo dục tiêu biểu.

Tác giả của *Phật Giáo và Giáo Dục* là dịch và tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng; đã tốt nghiệp Tiến sĩ Tôn Giáo Học tại Đại học University of The West ở tiểu bang California, Hoa Kỳ và được xem như một học giả - hành giả uy tín hiện nay.

Với tất cả sự trân trọng, chúng tôi xin giới thiệu đến chư liệt vị tác phẩm *Phật Giáo Và Giáo Dục* của Hòa Thượng Thích Viên Lý.

Hoa Kỳ 2019

Nhà xuất bản Bodhi Wisdom.



## TOÁT YẾU

Giáo dục vào thế kỷ thứ 21 là hướng đến sự thu thập kiến thức, đặc biệt là kiến thức về thông tin truyền thông. Thời đại mà kỹ thuật áp đặt lên hệ thống giáo dục để đào tạo ra nhiều chuyên viên tốt nghiệp hơn trong các ban ngành kỹ thuật, mà tất cả được trang bị chỉ bằng những X và O cùng với thiết bị và dụng cụ tối tân của họ.

Tuy nhiên, điều thiếu sót trong phương pháp sư phạm hiện nay là sự hiểu biết về cái bản ngã và, sự phát triển về cả hai năng lực thân và tâm để có thể tạo thành một cá nhân biết sống hài hòa với chính họ và với thế giới chung quanh họ. Đáng buồn thay, phần lớn các học viện giáo dục ngày nay đã quên dạy điều tối ưu quan trọng trong cuộc sống như lòng từ bi và sự thương cảm đối với đồng loại và muôn loài chúng sanh, đồng thời phải có bốn phạm và hành động giúp giảm đi sự khổ đau của nhiều bằng hữu và người lân cận với mình. Những người tốt nghiệp và học viên ngày nay, phần lớn, chỉ nhắm vào mỗi một việc là làm sao để kiếm tiền, làm sao để kiếm thật nhiều lợi nhuận cho mình để có thể mua

sấm mọi thứ vật thực kể cả danh vọng trong cuộc sống mà họ mong ước. Trong tiến trình này, nó chính là cái bản ngã mà người ta tôn quý, mà quên đi trách nhiệm của họ đối với người khác cũng như môi trường mà sự sống đang rất cần đến.

Không có cùng định hướng về tinh thần thủ chấp được xuất phát từ cái tôi; nền giáo dục Phật Giáo đưa ra một khuôn mẫu khác. Trong hệ thống giáo dục này, cả kiến thức hữu hình và quan trọng hơn nữa, kiến thức vô hình được truyền từ vị thầy đến học trò của mình. Người thầy đóng vai trò như là cha mẹ, nuôi dưỡng và hướng dẫn người học trò để người ấy có thể đạt đến khả năng tối đa của họ và, dùng khả năng ấy để giúp ích cho xã hội và thế giới muôn loại. Kiến thức này, kết hợp với sự thực hành đường lối Trung Đạo, sẽ giúp cho cá nhân người ấy làm chủ được tâm thức, kiểm chế được hành vi của mình, tránh xung đột với người khác và giải quyết mọi vấn đề mà cả hai phía đều thật sự lợi lạc qua sự đồng thuận, hoan hỷ.

Tóm lại, nghiên cứu trong tác phẩm này với chủ đích đưa ra một khuôn mẫu về giáo dục dựa trên hệ thống giáo dục Phật Giáo khả dĩ có thể dễ dàng đem ra áp dụng và khai triển bởi bất kỳ học viện giáo dục nào trên toàn thế giới.

# CHƯƠNG 1

## DẪN NHẬP

### **Bối Cảnh Phật Giáo**

Tiến trình phát triển của Phật Giáo đã được thiết đặt nền móng vào khoảng giữa thế kỷ thứ 7 và thứ 5 trước Tây Lịch, khi giai cấp tăng lữ của Bà La Môn giáo trong các vương quốc Ấn Độ đã tiến đến địa vị có uy quyền, thậm chí còn cao hơn cả vua chúa và giới quý tộc. Tôn giáo nổi bật vào thời kỳ đó là Vệ Đà, một tôn giáo đa thần nhấn mạnh đến sự kỳ vọng về đời sau sẽ là cõi thiên đàng, đã được nêu rõ trong các giáo lý của kinh Vệ Đà. Siddhartha Gautama, vị hoàng tử sinh vào khoảng 556 trước Tây Lịch, đã từ bỏ hoàng cung vào lúc 19 tuổi để theo đuổi một đời sống đơn sơ và khổ hạnh. Sau thời gian 6 năm khổ hạnh, Ngài đã tu tập bằng con đường Trung Đạo, được hiểu như một cuộc sống trung dung giữa hai thái cực về sự khổ hạnh và sự lợi dưỡng thế tục.

Đấng Siddhartha Gautama, người đã bị ngăn cản không cho thấy sự nghèo đói và khổ đau vào thời kỳ non trẻ, đã dốc hết thời gian để tìm ra giáo lý Trung Đạo vì ngài đã chứng kiến bốn sự thấy biết về đau khổ: một người già, một người bệnh, một xác chết và một tu sĩ - những sự thấy biết này đã làm cho tâm tư ngài ngập tràn tư duy và khổ não và, do đó đã thúc đẩy ngài quyết tâm đi tìm con đường thoát khổ. Ban đầu, ngài tu theo phương pháp khổ hạnh, nhưng do ý thức rõ khổ hạnh không đưa dẫn đến giải thoát giác ngộ, do vậy ngài quyết định giải thoát khổ đau bằng chính sự tập trung quán chiếu. Ngài cũng đã quyết định đi theo đường lối Trung Đạo, vì ngài tin rằng, thân và tâm có sự tương liên và, khi mà hoàn toàn khổ hạnh thì làm cho cơ thể bị suy kiệt vì thiếu dinh dưỡng, do đó đưa tới tâm trí bị suy kém. Mặt khác, nếu người ta quá nuông chiều bản ngã, thì cơ thể và tâm trí cũng đều sẽ bị hư hỏng. Cho nên, Trung Đạo là đường lối mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã hành trì, đạt ngộ và khai thị cho những đệ tử của ngài.

Trong suốt 49 ngày đêm thiền định, thái tử Siddhartha đã đạt được sự toàn giác dưới cội cây Bồ Đề. Đức Phật biết rõ toàn bộ đời sống thuộc về nhiều kiếp quá khứ của mình và toàn bộ chu kỳ sinh và tái sinh (Túc Mạng Minh). Ngài cũng chứng được Thiên Nhân Minh và Lưu Tận Minh, chấm dứt mọi khổ đau, phiền não và, truyền bá giáo pháp mẫu nhiệm do ngài chứng ngộ để giúp cho mọi loài giải thoát khổ đau.

Bài pháp đầu tiên mà Đức Phật đã thuyết giảng cho

5 anh em Tôn giả Kiều Trần Như là giáo pháp *Tứ Diệu Đế*. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý mẫu nhiệm gồm có:

1. **Khổ đế:** Thực trạng khổ đau của đời sống gồm có Tam khổ và Bát khổ;
2. **Tập đế:** Nguồn gốc đưa dẫn đến khổ đau gồm có 12 nhân duyên hay nói gọn là do vô minh tham dục;
3. **Diệt đế:** Chấm dứt khổ đau – cảnh giới giải thoát niết bàn;
4. **Đạo đế:** Con đường chấm dứt khổ đau. Bằng cách thực hành Bát Chánh Đạo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

Toàn bộ kinh điển của Phật Giáo được gọi là “*Tam Tạng Kinh Điển*”, có nghĩa là “*ba cái giỏ*”, chứa đựng giáo pháp của Đức Phật. Tam Tạng Kinh điển này được chia thành ba tạng chính:

1. **Sutta** (Kinh Tạng);
2. **Vinaya** (Luật Tạng);
3. **Abhidhamma** (Luận Tạng).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện niết bàn năm ngài 80 tuổi và những đệ tử của ngài tiếp tục lưu bố giáo pháp của ngài đến khắp mọi nơi. Tuy nhiên, trên mặt bản môn thì Đức Phật đã thành đạo từ vô lượng kiếp quá khứ và ngài vẫn có mặt nơi cõi ta bà này để giáo hóa độ sanh như Phẩm thứ 16 của Kinh Pháp Hoa đã ghi rõ.



## Sự Truyền Bá Phật Giáo

Giáo pháp của Đức Phật đã được lưu bố khắp xứ Ấn Độ sau khi Đức Phật thị hiện nhập niết bàn. Tuy nhiên, giáo pháp vi diệu của Ngài đã truyền bá sang các quốc gia khác là do công đức của vua Asoka. Sau cuộc chinh phục vương quốc Kalingas đã khiến cho hơn một trăm ngàn người Kalinga bị giết chết, Đại đế Asoka (A Dục Vương) đã vô cùng hối hận, do vậy ông đã cải đạo và trở thành một Phật tử thuần thành vào thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch. Vua Asoka đã phát tâm bảo trợ Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần thứ 3 và phát tâm trùng kiến, xây dựng các tự viện Phật Giáo cũng như áp dụng Phật pháp vào chính sách trị quốc để nâng cao đức tin và giúp cho đất nước phồn thịnh, dân chúng có một đời sống đạo đức, hạnh phúc, an lạc.

Sau giai đoạn này, Phật Giáo đã được truyền bá trên khắp Ấn Độ và vượt xa hơn nữa trên nhiều quốc gia. Trong quá trình này, một số trường phái mới bắt đầu triển khai đến những vùng đất khác nhau bên ngoài Ấn Độ. Hình thức nguyên thủy nhất của Phật Giáo, được gọi là *Phật Giáo Nguyên Thủy* (Theravada), được truyền bá khắp vùng Đông Nam Á, nơi đây Phật Giáo Nguyên Thủy vẫn còn được thực hành cho đến ngày nay như tại Tích Lan, Miến Điện, Lào, Cam Bốt, Thái Lan, Việt Nam... Phật Giáo Nguyên Thủy nhấn mạnh đến việc Đức Phật là một nhân vật lịch sử có thật, không mang sắc thái tôn giáo. Trường phái thứ hai, *Phật Giáo Đại Thừa* (Mahayana). Phật giáo Đại Thừa cho rằng, Đức Phật Thích Ca (Gautama – Cồ Đàm) là đời Phật gần

nhất của nhiều thế hệ Phật. Tiêu biểu gồm 7 Đức Phật như sau:

1. **Phật Tỳ Bà Thi:** Nhập Niết Bàn cách đây chín mươi một kiếp, thọ tám vạn tuổi.
2. **Phật Thi Khí:** Nhập Niết Bàn cách đây ba mươi một kiếp, thọ bảy vạn tuổi.
3. **Phật Tỳ Xá Phù:** Nhập Niết Bàn cách đây ba mươi một kiếp, thọ sáu vạn tuổi.
4. **Phật Câu Lưu Tôn:** Xuất hiện vào kiếp thứ sáu trong hiện kiếp, thọ bốn vạn tuổi.
5. **Phật Câu Na Hàm Mâu Ni:** Xuất hiện vào kiếp thứ bảy, thọ ba vạn tuổi.
6. **Phật Ca Diếp:** Xuất hiện vào kiếp thứ tám, thọ hai vạn tuổi.
7. **Phật Thích Ca Mâu Ni:** Xuất hiện vào kiếp thứ chín thọ 80 tuổi.

Giáo phái này theo đường bộ, truyền từ Bắc Ấn Độ đến A Phú Hãn, đến Trung Hoa qua ngã Con Đường Tơ Lụa, tiếp tục đến Việt Nam, Trung Hoa, Tây Tạng, Đại Hàn, Nhật Bản... Một giáo phái Phật Giáo khác đó là *Phật Giáo Kim Cương Thừa* (Vajrayana), hay *Phật Giáo Tây Tạng*, đã tiến hóa từ thế kỷ thứ 4 cho đến thế kỷ thứ 6 với việc thiết lập các trung tâm tu học Phật Giáo ở vùng Đông Bắc Ấn Độ. Trường phái Phật Giáo này bao gồm nhiều sự tu tập và sinh hoạt qua nghi thức tâm linh và, nhấn mạnh đến khả năng của con người dùng năng lực tâm-vật lý của họ để đạt đến sự tỉnh giác cao xa hơn.

Một khía cạnh đáng ghi nhận trong sự truyền bá Phật Giáo qua đường bộ là làm cách nào mà Con Đường Tơ

Lụa đã giúp tạo điều kiện cho việc này. Con Đường Tơ Lụa, như chúng ta biết, đã tạo nên mối dây thương mại giữa Âu Châu và Phương Đông. Con đường ấy bắt đầu từ Nam Tư, xuyên qua Ấn Độ, và chia ra làm hai lối tiến về phương Đông dọc theo biên giới của xứ sa mạc Taklamakan, cuối đường là đến vùng tây bắc Trung Hoa. Con đường này được dùng từ thế kỷ thứ 2 trước Tây Lịch đến thế kỷ thứ 15 sau Tây Lịch, hay cho đến khi các tuyến đường biển trở thành lộ trình chính trong việc thương mại và du hành từ Âu Châu sang Phương Đông. Tơ lụa từ Trung Hoa được gửi sang Ý, nho và rượu nho được đưa vào Á Châu, nhưng điều quan trọng hơn nữa là, việc Phật Giáo bắt đầu được truyền bá dọc theo Con Đường Tơ Lụa ngay từ khi có các nhà thương buôn và người lữ hành trên lộ trình này. Các Tăng sĩ Phật Giáo sống dọc theo con đường trong các hang động có khắc hình tượng Đức Phật.

Vào năm 67 sau Tây Lịch, Hoàng Đế nhà Hán ở Trung Hoa bắt đầu quan tâm đến Phật Giáo và mong muốn chuyển dịch kinh điển Phật Giáo từ tiếng Phạn sang tiếng Hoa. Vào thời kỳ này, đã có rất nhiều tự viện Phật Giáo được thiết lập rải rác dọc theo Con Đường Tơ Lụa. *Thiền Tông Phật Giáo* phát triển mạnh ở Việt Nam, Trung Hoa và sau này khi truyền sang Nhật Bản thì được gọi là *Thiền Phật Giáo* (Zen).

### *Phật Giáo ở Phương Tây*

Vào thế kỷ thứ 19, Phật Giáo đã được đưa vào Hoa Kỳ do những người di dân Trung Hoa và Ấn Độ mong

thoát khỏi cảnh nghèo túng và sự khủng bố tại mẫu quốc của họ. Hai vị Phật tử đáng ghi nhận đó là Ngài Dharmapala từ Tích Lan và Ngài Soyan Shoku, một thiền sư từ Nhật Bản, đã lôi cuốn hấp dẫn thính giả trong kỳ Hội Nghị Tôn Giáo Thế Giới ở Chicago vào thế kỷ thứ 19. Nhiều thành viên của khối thính giả này đã cảm thấu được những gì mà hai vị diễn giả này đã nêu lên và, điều này đã mở đường cho việc bắt đầu nghiên cứu Phật Giáo tại nhiều trung tâm học thuật ở Hoa Kỳ. Sự phát triển của ngành du lịch và thương mại cộng với dòng nhập cư vào Hoa Kỳ trong đó có chư Tăng Việt Nam đã giúp mở đường cho Phật Giáo thăng hoa tại Hoa Kỳ một cách tốt đẹp.

## Những Vấn Đề Nghiên Cứu

Các câu hỏi được nêu ra dưới đây hy vọng để có được những trả lời là:

1. Phật Giáo có thể được coi như là một hệ thống giáo dục mà trong đó học viên được dạy để hiểu lấy chính họ trong bối cảnh của sự hiểu biết về những chúng sinh khác trong vũ trụ hay không?
2. Làm thế nào để Phật Giáo có thể được hiểu như là một công cụ (phương tiện) hiện đại của giáo dục trong thế giới ngày nay?

Những ghi nhận được đặt ở phần đầu của tác phẩm này là, Phật Giáo chắc chắn là một cách sống có tầm quan trọng cho sự giáo dục của con người, giải thoát họ ra khỏi những ràng buộc của vô minh và khổ đau.

Phật Giáo không mâu thuẫn với bất kỳ một triết lý sống cổ đại hoặc hiện đại nào, Phật Giáo cũng không đi ngược với bất cứ truyền thống văn hóa tốt đẹp nào mà là một đạo tiêu biểu cho sự thương yêu và hiểu biết, được thế giới công nhận là đạo của hòa bình, từ bi và trí tuệ và, vì vậy có thể đem ra áp dụng vào cuộc sống thiết thực của chúng ta ngay trong bối cảnh hiện nay và tương lai.

## CHƯƠNG 2

# PHƯƠNG PHÁP HỌC

### **Đề Án Khảo Sát**

Công cụ nghiên cứu chính sẽ được sử dụng trong chương này là phương pháp đề án khảo sát. Phương pháp đề án khảo sát là một hình thức nghiên cứu sớm nhất bắt nguồn từ thời Đức Phật. Xuyên qua quá trình thiền quán, Đức Phật đã liễu triệt vô lượng kiếp quá khứ (Túc Mệnh Minh), thấu triệt như thật mọi hiện tượng bao gồm hữu vi và vô vi (Thiên Nhân Minh) và, đoạn tận mọi vô minh minh lậu hoặc (Vô Lậu Minh). Sau này Phương pháp đề án khảo sát được ứng dụng tại Âu Châu, đặc biệt là ở Pháp. Tại Hoa Kỳ, học viện tiên phong với phương thức đề án khảo sát này là Phân Khoa Xã Hội Học tại Đại Học Chicago vào năm 1935. Học viện Chicago sau đó được coi như là học viện đầu tiên sử dụng phương pháp đề án khảo sát. Tuy nhiên, với sự gia tăng trong việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu

định lượng, việc sử dụng phương pháp đề án khảo sát đã mất đi chỗ đứng qua một thời gian. Trong các lãnh vực, lãnh vực xã hội học là lãnh vực thường hay kết hợp với phương pháp này nhiều nhất.

Các nhà phê bình cho rằng sự lệ thuộc của nhà nghiên cứu về một trường hợp đơn độc không thể đưa ra một nhận định toàn diện của vấn đề đang được nắm giữ. Điều này nghịch lại với thực tế rằng, nhiều nghiên cứu dùng phương pháp này để tạo nhiều trường hợp như thế làm những mô thức cho sự kiện được quan sát và ghi chép và; những mô thức này sau đó làm mạnh thêm lý thuyết hoặc giả thuyết ban đầu. Việc sử dụng nhiều trường hợp cũng cho phép đạt phương pháp tam giác trong ý nghĩa là các mô thức được kiểm chứng bằng phép chéo góc giữa các sự kiện đang nắm giữ.

Do đó, phương pháp đề án khảo sát có thể được mô tả như là một cuộc điều tra thực nghiệm mà quan sát vào sự kiện môi trường sống thực sự của nó, giúp cho các nhà nghiên cứu hiểu rõ một sự kiện hay đối tượng phức tạp, và vì vậy, phương pháp này giúp làm tăng thêm những gì đã biết đối với các vấn đề hoặc những sự kiện (Yin, 2003, 23-25).

Trên trang web của Đại Học Nova Southeastern có viết rằng, phương pháp đề án khảo sát của sự nghiên cứu cho ra sự tham cứu một phương pháp tiếp cận đa dạng mà nhà nghiên cứu có thể cho những người trong nhóm đề án khảo sát một tiếng nói và, những sự diễn đạt cũng như các mối quan hệ và tương tác phức tạp giữa những người trong nhóm đề án khảo sát này.

Trong sự phân tích những số liệu và dữ kiện sự đề án khảo sát, nhà nghiên cứu phải có khả năng đưa ra một mẫu phân tích. Chẳng hạn như, để thu thập số liệu dữ kiện, nhà nghiên cứu có thể sử dụng các công cụ như lược đồ, phương thức, bảng liệt kê sự thường xuyên của các sự kiện, hoặc người ấy có thể tận dụng khả năng ghép nối các mô thức của các sự kiện được tìm thấy trong mỗi trường hợp trong tay. Giá trị của sự khảo sát được nâng cao khi các mô thức đồng dạng, hoặc có xu hướng như vậy. Ngoài ra, nếu các mô thức dự đoán mà thích nghi với những gì có trong giả thuyết ban đầu của sự khảo sát, thì giá trị tổng quát có thể gắn cho sự kiện, vấn đề hay đối tượng đang nghiên cứu.

### **Nghiên Cứu Bậc Nhì**

Nhằm tìm kiếm các dữ kiện có thể hỗ trợ hoặc vô hiệu hóa các phát biểu của luận án trên, nghiên cứu bậc nhì cũng sẽ phải được thực hiện trên cùng một đề tài. Vì vậy, nghiên cứu bậc nhì là cần thiết để kiểm chứng chéo góc và xác định các kết quả. Ngoài ra, cũng có thể có những phát hiện trong nghiên cứu bậc nhì sẽ mâu thuẫn hay vô hiệu hóa các phát hiện ban đầu và, vì thế chúng có thể trở thành cơ sở cho những khuyến cáo cho các nghiên cứu trong tương lai.

### **Độ Tin Cậy, Độ Hiệu Lực Và Độ Phổ Quát**

Phẩm chất dữ kiện của các vấn đề cũng phải được nêu ra một vài sự chú ý để bảo đảm độ tin cậy của nghiên



cứu. Những gì sau đó là những điều sẽ được thực hiện trong nghiên cứu liên quan đến độ tin cậy, tính hiệu lực và sự phổ quát của công trình nghiên cứu. Nó cũng bao gồm một vài thử thách đối với thành quả trên ba khía cạnh.

Độ Tin Cậy có nghĩa là, nếu một nghiên cứu có một chỉ số hoặc mức độ đáng tin cậy, thì nó sẽ cho ra cùng kết quả mỗi lần cùng với một sự vật được đo lường miễn là đối tượng đo lường không thay đổi (*Neuman, 1994*). Đó là mối quan tâm chính của sự tái lập lại nghiên cứu bởi các nhà nghiên cứu khác.

Nhằm cải thiện độ tin cậy của công trình nghiên cứu, đề án khảo sát cần phải được đọc trước một cách kỹ lưỡng qua những kinh điển có sẵn trên tuyến mạng hay các thư viện gần nhất. Chỉ sau khi hiểu rõ kinh điển thì sự so sánh độ tin cậy mới có thể thiết lập giữa hệ thống giáo dục của nhiều quốc gia và hệ thống giáo dục được coi như là giới luật của Phật Giáo.

## **Độ Hiệu Lực**

Độ hiệu lực thì liên quan với những phát hiện thực sự là những gì chúng được đề cập đến (*Saunders et al., 2003*). Jankowicz (2005) đã khẳng định rằng, các phép đo lường được thực hiện là có hiệu lực nếu chúng chính xác và phản ảnh những chi tiết trong các dữ kiện không lệch lạc. Độ hiệu lực thường cũng được thiết lập bằng cách kiểm tra xem các thông tin ấy có đồng nhất với những phương pháp đo lường khác hay không. Nội dung

độ hiệu lực của nghiên cứu này cũng được thiết lập bằng cách kiểm chứng các kết quả của các nghiên cứu tương tự và so sánh chúng với các dữ kiện có được.

### **Độ Phổ Quát**

Điều này đề cập đến mức độ mà người ta có thể rút ra kết luận từ các dữ kiện (*Saunders et al, 2000*). Tuy nhiên, với số lượng mẫu lấy từ những quá trình thu thập các dữ kiện dùng trong nghiên cứu này, lần các đề xuất của nghiên cứu được tin cậy rằng, các phát hiện có thể được áp dụng tương đương với những nghiên cứu khác trong cùng một lãnh vực.



## CHƯƠNG 3

# DỮ KIỆN BẬC NHÌ - ĐỀ ÁN KHẢO SÁT KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Kinh điển chính chứa đựng trọng tâm giáo lý của Phật Giáo là Kinh Tạng Pali và Sankrits. Ba giỏ chính, hay Tam Tạng trong đó gồm Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng.

### **Kinh Tạng**

Kinh tạng gồm nhiều ngàn bộ kinh hay bài giảng được truyền thừa từ Đức Phật cho các đệ tử thân cận và thính chúng khi ngài thuyết pháp. Cũng có những bài giảng được đề cập bởi một số thành viên của Tăng Đoàn. Có năm bộ chính của Kinh Tạng.

Bộ đầu tiên là *Trường Bộ (Digha Nikaya)* hay các bài thuyết giảng dài cấu thành 34 bộ kinh, đó là những bộ kinh dài nhất. Chủ đề của các bộ kinh này có bản chất khác nhau, từ sự thảo luận về các sinh vật trong

những thế giới khác và, thậm chí có những hướng dẫn về thiền. Mục đích chính của Kinh Tạng là để lôi cuốn những người mới đọc, hoặc làm cho Phật Giáo thêm thú vị cho những người không phải là Phật tử.

Bộ thứ hai là **Trung Bộ** (*Majjhima Nikaya*), hay là bộ kinh trung bình, bộ này cấu thành bởi 152 bộ kinh, mô tả những cảm xúc và tình cảm của con người liên quan đến luật nhân quả. Được biết rằng, những bộ kinh này khó đọc và khó hiểu nhất, vì chúng bao gồm những giới cấm trọng và những luật lệ sâu xa.

Bộ thứ ba là **Tương Ưng Bộ** (*Samyutta Nikaya*), gồm những nhóm giáo thuyết. Bộ này gồm có 2889 bài kinh ngắn trong số 56 bộ kinh có cùng chủ đề.

Bộ thứ tư là **Tăng Chi Bộ** (*Angguttara Nikaya*), hay là các bài giảng để “*thêm nhân tố*”, số lượng vài ngàn, xếp thành 11 *nipatas* tùy theo số lượng trong các đề tài Phật Pháp chứa trong mỗi bài kinh. Thí dụ như bộ *Eka-nipata* được biết như là mỗi bài kinh có chứa một nguyên tắc của Giáo Pháp.

Bộ cuối cùng là **Tiểu Bộ** (*Khuddaka Nikaya*), hay là bộ kinh nhỏ, chứa nhiều loại câu chuyện (*Manne*, 1990. 29-87).

Ngoài 5 Bộ **A Hàm** còn có nhiều Bộ Kinh Khác như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Đại Bát Nhã, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh A Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Di Giáo, Kinh Kim Quang Minh, Kinh Kim Cang v.v...

## Luật Tạng

Phần đầu của Tam Tạng là Luật Tạng chứa đựng khuôn khổ căn bản mà cộng đồng Tăng sĩ tức Tăng Đoàn được hình thành. Giới luật và quy tắc chính yếu trong đời sống của một tỳ kheo và tỳ kheo ni được nêu chi tiết trong đó. Cũng bao gồm luôn các phép tắc và uy nghi hay nghi thức cần phải tuân thủ như quan hệ một cách hài hòa và thân thiện giữa các tăng sĩ với nhau cũng như giữa tăng sĩ và cư sĩ Phật tử...

Khi Đức Phật thành lập Tăng Đoàn đầu tiên, cộng đồng này sống hài hòa với nhau mà không có một quy luật đạo đức hay quy tắc ứng xử nào vì tất cả đều phạm hạnh, thanh tịnh. Khi Tăng Đoàn bắt đầu gia tăng số lượng, tự nhiên, một vài hay một số thành viên của cộng đồng có những hành vi thiếu bình thường, vì thế cho nên khi có trường hợp như vậy thì Đức Phật đã quyết định vài hình thức xử phạt nào đó như sám hối chẳng hạn để bảo đảm rằng những người phạm tội cam kết sẽ không tái phạm nữa. Kinh điển ghi rằng, khi Đức Phật quở phạt hay thuyết giảng về các hành vi phạm tội, dù ngài rất từ bi, ôn tồn, ái ngữ nhưng rất nghiêm khắc và cương quyết.

Ngay thời điểm mà các giới luật, nghi thức và truyền thống trong Luật Tạng được các hành giả Phương Tây cho là quá nghiêm khắc, không còn thích hợp cho Phật Tử ở thế giới ngày nay. Tuy nhiên, các Phật tử thuần thành cho rằng, nếu không có những giới luật trong Luật Tạng, thì sẽ không có sự truyền thừa hay chuyển tiếp

các những giáo pháp vi diệu của Đức Phật. Chính sự nghiêm túc của giới luật đã duy trì truyền thống giáo lý Phật giáo tồn tại suốt hơn 2600 năm qua.

Đối với người cư sĩ Phật tử, học *Luật Tạng* để giúp họ nhận ra những bài học rất quan trọng về bản tánh của con người, cũng như làm thế nào để sống trong cộng đồng một cách hài hòa và thanh tịnh. Quan trọng nhất đó là, *Giới Luật* có thể tác động đến ngay cả những người bình thường sống cuộc đời tại gia qua lối sống tri túc để khám phá ra làm thế nào để sống đời sống đúng theo Chánh Pháp từ đó có thể mang lại hạnh phúc, an lạc chân chính.

## **Luận Tạng** **(Vi Diệu Pháp Tạng – Thắng Pháp Tạng)**

Luận Tạng thảo luận, phân tích các kinh điển và giới luật để kiểm soát tiến trình của thân và tâm. Đức Phật đã bắt đầu thuyết giảng Thắng Pháp Tạng vào tuần lễ thứ tư sau khi ngài Giác Ngộ và, ngài đã có thể truyền giảng giáo pháp trong cả cõi trời và cõi người. Phần này của kinh điển Phật Giáo được kết tập vào thời kỳ Kết Tập lần thứ III vào năm 250 trước Tây Lịch, thiết lập phần thứ ba và cũng là phần cuối cùng của Tam Tạng. Thắng Pháp Tạng có thể hình thành và quy kết thành một khuôn mẫu bán-khoa học của tâm thức, và vì thế được coi là một khuôn mẫu giảng luận có trình độ trí thức cao (*Bodhi, 2000, p. 31*). Luận tạng cũng bao gồm những luận giải của chư Tổ liễu đạo qua nhiều bộ Luận lớn trải qua nhiều thời kỳ.

Khi nói đến Kinh Tạng, có một bộ kinh rất thú vị, có thể nói đây là bộ kinh thú vị nhất trong Kinh Tạng nhằm mục đích gọi ra cho người đọc về “*những kết quả trong đời sống chánh niệm*” đó là **Sa Môn Quả Kinh**, người đọc bộ Kinh này chắc chắn sẽ có được ý niệm về hình ảnh trung thực của sự rèn luyện trong lộ trình hướng đến giác ngộ giải thoát.

Đó là câu chuyện vua A Xà Thế (Ajatasattu), người bảo trợ cho kỳ *Kết Tập Kinh Điển lần thứ I*. Vua rất lưu tâm đến cuộc sống của chư Tăng đang hành hoạt và, quyết định hỏi thăm về những gì mà quý ngài thu nhận được từ đời sống chánh niệm. Bài giảng mang bản chất hùng hồn, như nhà vua đã hỏi rất nhiều chuyên gia để giúp ngài trả lời chỉ vấn đề này, nhưng ngài không thể tìm ra câu trả lời thỏa đáng nào. Sau cùng, chính Đức Phật đã giúp cho ngài trả lời được sự thắc mắc. Chính bản thân vua mới có thể trả lời về thực tế là một Tăng sĩ luôn luôn có được với sự an toàn, tự vệ và bảo vệ. Tăng sĩ cũng có thể phát triển mối quan tâm đến an sinh của người khác và, không lấy những gì mà không được trao cho. Tăng sĩ sống cuộc đời độc thân và không phạm vào những lời nói giả dối, thô bỉ hay mắng nhiếc, không dính líu vào những hành vi tội ác, không đánh bạc, không làm trò múa hát, không đeo những đồ trang sức và không làm những hành vi bất xứng tương tự khác... Thay vào đó, nhà vua thấy ra từ sự quán sát của mình rằng, một Tăng sĩ có hạnh nguyện cao, đời sống phạm hạnh, rất thông tuệ, không thấy có chướng ngại, không ham muốn vật chất, không muốn bất cứ ai gặp bất kỳ bất



hạnh nào. Cuối cùng nhà vua xác định được 4 loại thiên định hay lợi lạc trong đời sống chánh niệm khi thông suốt được phẩm tính như vậy. Họ có được một niềm hạnh phúc, an lạc khó tả vì sự buông bỏ những hạng mục thế gian; hạnh phúc thâm sâu là do sự hợp nhất thể chất với thế giới chung quanh, khả năng tỉnh thức và sự minh mẫn trong mọi thời và, sự thuần khiết luôn ở bên trong. Một Tăng sĩ giác ngộ có sự sáng suốt và tuệ giác tuyệt vời, có sức thần thông, biết được suy nghĩ của người khác, biết được đời sống quá khứ của người khác cũng như của chính mình.

## **Đối Tượng của Giáo Dục Phật Giáo**

Vì giáo dục là một công cụ (phương tiện) thì phải giúp để bảo đảm sự trưởng thành xứng đáng của con người, giáo dục Phật Giáo giúp con người thăng tiến trên căn bản của tiêu chí giáo dục lý tưởng đó. Đứa trẻ trở thành người trưởng thành thì phải có khả năng làm những gì có ý nghĩa và hòa giải mọi nhân tố để kiến tạo một môi trường lành mạnh mang tính chất an lạc, hòa hợp.

Ngày nay, rõ ràng rằng, tuy có sự tiến bộ đối với nền giáo dục, nhưng nhiều người trẻ hầy còn gặp khó khăn, chẳng hạn như, một số nhà trường không còn là trung tâm học hỏi, mà trở thành là một nơi khiến trẻ em trở nên lạc lối và vướng vào các tệ nạn như ma túy, tình dục v.v...

Nền giáo dục Phật Giáo tin rằng, vai trò đích thực của giáo dục trong đời sống của một đứa trẻ xuất phát

từ tâm thức và làm tăng trưởng khả năng hiểu biết chân chính. Nhiều ngôi trường hiện nay không dưỡng dục tâm trí của người trẻ với những nhân tố của sự học hỏi cần thiết cho sự phát triển lành mạnh.

Giáo dục hiện nay ở nhiều trường học đã trở thành thương mại hóa mà không nhận ra những nhiệm vụ đích thực của giáo dục. Các trường học này chỉ dạy cho các học viên làm thế nào để thu hoạch lợi nhuận thật nhiều từ các doanh nghiệp mà họ buộc phải khởi đầu. Vì vậy, rõ ràng là giáo dục hiện nay sẽ phải đưa giáo lý Phật Giáo vào để sinh viên biết đến đường lối *Trung Đạo* mà trong đó họ được hưởng sự cân bằng giữa một cơ thể khỏe mạnh, một tâm thức trong sáng và, một xã hội mang tính vật chất. Do đó giáo dục Phật Giáo mong đạt đến sự hội nhập của những giáo lý Trung Đạo vào sự giáo dục một cách thường xuyên và như thế thì tiềm năng của học viên mới được phát triển theo chiều hướng lợi-lạc mà Đức Phật mong muốn.

Vì vậy, một nền giáo dục Phật Giáo đích thực nhằm thẩm thấu các giá trị mà Đức Phật tuyên dương và vun trồng gốc rễ của trí tuệ tâm linh và tinh thần cao thượng, dẫn đến sự chuyển hóa nhân cách của học viên và, đặc biệt là sự thành tựu của trí tuệ – đó là trọng tâm của nền giáo dục Phật Giáo (*Bodhi 1997*).

Do vậy, rõ ràng là nền giáo dục Phật Giáo cung cấp một vài hình thức của sự chuyển hóa hướng đến sự đạt thành trí tuệ cho mọi học viên, như thế là các sinh viên có khả năng thụ đắc mọi giá trị mà Đức Phật đã thụ đắc.

## Sự Tiếp Cận Giáo Lý của Đức Phật

Các thức giả về giáo lý của Đức Phật đều thừa nhận rằng, ngài đã sử dụng năm phương pháp tiếp cận tổng quát để giảng dạy:

Phương pháp thứ nhất là tiệm tiến tiếp cận. Phương pháp này đòi hỏi các giáo lý đơn giản hoặc căn bản nhất phải được dạy trước tiên. Sau khi học viên tiếp nhận được giới luật hoặc nguyên lý cơ bản nhất, thì đó là lúc mà các nguyên lý kế tiếp được giảng dạy. Tiến trình này là từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến các giáo lý vi diệu hơn. Thí dụ, như các khái niệm cụ thể hơn có thể được giảng dạy trước khi dạy những khái niệm trừu tượng. Các hiệu quả có thể được nhận thấy, có lẽ được dạy, trước các nguyên nhân mà không dễ gì nhận thấy và hay biết.

Phương pháp tiếp cận thứ hai để dạy đã được áp dụng từ Đức Phật là phương pháp thích nghi tiếp cận. Phương pháp này dùng sự thích nghi với tình trạng và hoàn cảnh, mà là một năng lực khế cơ của Đức Phật – ngài hiểu rõ trình độ của học viên, vì vậy ngài biết ngay là phải nói gì. Ngài đưa vào những ý tưởng truyền thống để làm cho bài giảng của ngài thích hợp với tình hình lúc đó.

Phương pháp tiếp cận thứ ba là phương pháp tiếp cận giải thích. Phương pháp này sử dụng các phương tiện của văn học như pháp tương tự, pháp thí dụ, pháp ẩn dụ và pháp ngụ ngôn để giúp chuyển đạt thông điệp đến học viên. Ví dụ, có một câu chuyện nổi tiếng liên quan đến việc khi Đức Phật dạy người chơi đàn là Trưởng Lão Sona Kolivya – Đức Phật bảo ngài rằng, chỉ khi nào

dây đàn không quá căng hay quá chùng thì đánh mới hay. Đây là sự tương tự giữa chơi đàn và sự áp dụng phương pháp đường lối Trung Đạo trong đời sống của con người.

Phương pháp tiếp cận thứ tư là phương pháp phân tích. Phương pháp này được sử dụng cho các học viên biết phân tích và thông minh hơn. Những học viên biết phân định sẽ thực hiện tốt nếu dạy qua phương pháp này. Bước đầu tiên sẽ là phân tích bản chất của đối tượng và, sau đó đưa họ vào sự thảo luận và tranh luận sống động. Bằng cách này, người học viên sẽ có thể phát triển khả năng phân tích, đó là: khả năng phân tích *ý nghĩa* (altha), *suy luận* (dhamma), *phương tiện giáo dục* (nirutti) và *năng khiếu trí thức* (patibhaana). Trong phương pháp này, người thầy cũng giải thích và làm sáng tỏ đối tượng chủ đề.

Phương cách tiếp cận thứ năm là cách tiếp cận thực nghiệm. Trong phương pháp này, khả năng và năng khiếu của học viên được phát triển. Vì vậy, phương pháp tiếp cận này sử dụng chu trình là vừa giảng dạy vừa thực hành, nhằm tìm ra sự kết hợp tốt phù hợp với học viên. Đức Phật muốn tất cả những người lắng nghe ngài trước hết phải kiểm chứng những lời dạy của ngài trước khi chấp nhận như vậy. Vì vậy, chân lý và giác ngộ có thể đạt được bằng cách noi theo và thực hành từ những giáo lý của Đức Phật. Đức Phật không lấy làm thất vọng nếu một học viên muốn trải nghiệm các giáo pháp của ngài trước thực hành (Indr, 2000).

Cũng cần phải nói rằng, Đức Phật là một đấng khuyến khích nghiêm túc về nguyên tắc giáo dục tương tục. Sau một thời gian dưới sự dạy dỗ của ngài, những đệ tử sáng giá của ngài đã đi cùng khắp các nơi để truyền dạy những nguyên tắc giống hệt này. Sau thời gian khoảng chín tháng hoằng hóa khắp nơi, cũng là những đệ tử đó quay trở lại với Đức Phật để thụ đắc sự chỉ dẫn khó khăn hơn, tham dự vào những cuộc thảo luận và, chia sẻ những phản ứng và hiểu biết sâu sắc trong việc dạy dỗ với Đức Phật và các bạn đồng đạo của mình trong 3 tháng an cư kiết hạ. Đây là thời gian mà Tăng Đoàn vừa thúc liễm thân tâm vừa tăng trưởng giới đức nhưng đồng lúc cũng nâng cao trí giác cần có dưới sự hướng dẫn của Đức Phật.

### **Phật Giáo là một nền Giáo Dục và không phải là một Tôn Giáo nhưng cũng là một Tôn giáo**

Giới luật của Phật Giáo xét thấy cần thiết để tất cả các tín đồ Phật Giáo nhìn vào như là một lộ trình bao quát của cuộc sống, hơn là một tôn giáo được hiểu theo nghĩa phổ quát. Vì mục đích của Phật Giáo là tiến tới và đạt được trí tuệ tối thượng, chính vì thế mà Phật Giáo là một hình thức giáo dục. Tuy nhiên, một cách tổng quan, Phật giáo bao gồm mọi lĩnh vực trong đó có tôn giáo. Người Phật Tử tin rằng, tất cả mọi người đều có khả năng đạt đến trí tuệ chân chánh hay giác ngộ, như đã có trong bản chất của mỗi một con người chúng ta. Vì vậy, nếu chúng ta thiếu trí tuệ, chúng ta có xu hướng hành xử một cách vô lý và điên rồ, và do đó, chúng ta

không chỉ bị khổ đau từ những hậu quả của sự thiếu khôn ngoan, mà nhiều người khác cũng bị ảnh hưởng trong chiều hướng tiêu cực.

Cần phải nhấn mạnh rằng, Đức Phật đề cập đến ba lãnh vực giảng dạy chính: Giới luật là cần thiết để có được đại định; Thiền định là tiến trình để đạt đến sự giác ngộ hay trí tuệ thực sự và, trí tuệ là mục tiêu tối thượng của Phật Giáo.

Bộ Giáo Dục ban đầu cho Phật Giáo có tên là *Nalanda* – một Đại học nhưng cũng là một tu viện tàng trữ rất nhiều kinh điển và, Bạch Mã Tự – Ngôi chùa không phải để thờ phụng, mà là nơi dùng làm thư viện với số lượng phong phú đa dạng kinh điển, luận giảng Phật Giáo được soạn dịch bởi các học giả Phật Học đương thời. Do đó, ý nghĩa chính xác của một tự viện Phật Giáo là phù hợp với một học viện đại học, nơi mà người ta có thể được sự hỗ trợ trong việc tìm kiếm mà thu nhận một loại kiến thức đặc biệt.

Ngày nay, một số hình tượng của chư vị Bồ Tát được xem như là thần linh – nhưng trên thực tế thì chư vị Bồ Tát này tượng trưng cho đức hạnh mà người ta cần noi theo. Chẳng hạn như Đức Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng cho lòng Từ Bi Vô Lượng, hơn là được xem như một vị thần. Cũng tương tự như vậy, Đức Phật là một bậc đại giác ngộ và, chư vị Bồ Tát là kết quả của tuệ giác và lòng từ bi do sự áp dụng lời dạy của Đức Phật vào đời sống thực tế. Vì vậy, người ta có thể xem những bức tượng như là những phương tiện trợ huẩn trong tiến trình đạt đến trí tuệ và giác ngộ chân thực.

Phật Giáo là một hệ thống giáo dục trong tự chính nó, vì sự liên hệ giữa Đức Phật và tín đồ của ngài là mối quan hệ giữa thầy và trò. Không có sự xung đột giữa Phật Giáo và bất kỳ một tín ngưỡng nào lý do là vì, đây là mối quan hệ có được giữa Đức Phật và những người tuân theo giới luật do chính ngài chế định. Nếu có sự xung đột thì đó không phải là xung đột giữa Phật Giáo và các tín ngưỡng mà chính là giữa cá nhân hay một nhóm do vì thiếu sự thâm nhập kinh điển được khai thị bởi Đức Phật vì người thật sự khai ngộ là người không còn tham sân si...

## **Giáo Dục Phật Giáo tại Anh Quốc**

### *Sức Đẩy của Chính Phủ Anh*

Năm 1994, chính phủ Anh tuyên bố một sự cải tổ của họ đối với nền giáo dục tôn giáo. Đối với tất cả học sinh tuổi từ 5-16, họ được yêu cầu cho học Thiên Chúa Giáo, nhưng thêm vào đó, học sinh cũng được yêu cầu cho học thêm một tôn giáo khác nữa được chọn từ Phật Giáo, Ấn Độ Giáo, Hồi Giáo, Do Thái Giáo và đạo Sikhism. Quỹ Giáo Dục Phật Giáo (Buddhist Education Foundation) ở Anh Quốc chăm lo sự hoằng dương và truyền bá giáo lý, giới luật Phật Giáo ở đất nước này. Nhắm vào việc giúp đỡ các trường học một khi họ chọn dạy Phật Giáo như là một môn học nhiệm ý về nghiên cứu tôn giáo và, cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho những trường này. Đào tạo giáo chức là một dự án mà gần đây họ đã tham dự vào (*Buddhist Education Foundation, 2004*).

### *Đại Học Oxford*

Đại Học Oxford, một trong những học viện cao đẳng trong nước, có trung tâm riêng để nghiên cứu Phật Học. Trung tâm này tham dự vào việc nghiên cứu kinh điển Phật Giáo và làm thế nào có thể giúp cho việc duy trì hòa bình và hòa hợp trong thế giới ngày nay của chúng ta. Theo những giáo lý đã phân tích trong kinh điển Phật Giáo, trung tâm cũng có thể phân ra trong các ngành và lãnh vực khác nhau của nghiên cứu để phát triển sự phân tích của các kinh điển này. Ngành nghiên cứu trong lãnh vực Phật Học cũng được xúc tiến mạnh tại trung tâm này.

Những kinh sách Phật Giáo cũ và cổ thì có liên quan đến tình trạng hiện nay của các dự án hiện tại của họ. Một lãnh vực nghiên cứu đã nhận được nhiều sự chú ý là vai trò của kinh điển Phật Giáo trong sự thúc đẩy mối quan hệ quốc tế. Trái ngược với phương pháp tiếp cận theo định hướng xung đột hiện nay đối với mối quan hệ quốc tế, trung tâm đã tìm cách khởi xướng những gì được dạy trong kinh điển và dùng những kinh điển này làm nền tảng để giao dịch giữa các quốc gia và các nền văn hóa, như vậy hòa bình và hòa hợp được xúc tiến trên khắp trái đất. Trung tâm với niềm tin trên thực tế hiện nay trong mối quan hệ quốc tế, giáo lý về sự duy trì mối giao hảo trong tinh thần hòa bình có thể được lấy ra từ kinh sách Phật Giáo và áp dụng vào đó. Những gì quan trọng hiện nay để có thể truyền bá, giảng dạy là làm thế nào để học viên về các mối bang giao quốc tế có thể nhìn vào thực trạng ngày nay và, giải quyết những thực trạng này mà không có sự xung



đột xảy ra. Trung tâm đã thực hiện điều này bằng cách khởi xướng dự án có tình huống tương tự. Ngoài ra, các nghiên cứu về nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa Phật Giáo cũng được vun bồi ở đây.

Ngoài những hoạt động nêu trên, Trung Tâm cũng rất bận rộn với các ấn phẩm của các nghiên cứu liên quan đến Phật Giáo, phối hợp với Trung Tâm Numata cho sự tài trợ của tổ chức từ thiện trong những nghiên cứu Phật Giáo và, phối hợp trong các chuyến viếng thăm trao đổi với các chuyên gia. Trung Tâm cũng phối hợp với những tổ chức Phật Giáo khác trên toàn thế giới qua những dự án và vận động cho những nỗ lực giáo dục khác.

Xuyên qua các phần còn lại của Đại Học Oxford, Trung Tâm cũng đã giúp thực hiện hai khóa học liên quan với Phật Giáo trên mạng: “*Phật là gì?*” và “*Phật Giáo ở Tây Tạng*”, mà gần đây được cung ứng như là một phần của chương trình giáo dục ở xa của họ.

Như vậy, điều quan trọng là các sinh viên của Trung Tâm nhận thức rằng, có một sự hội nhập giữa Phật Học và sự thực hành mối bang giao quốc tế. Vì vậy, trong ý nghĩa này, Trung Tâm mong muốn các quốc gia tham gia vào việc thực hành Phật Giáo vì lợi ích của sự tạo ra một trật tự xã hội mà trong đó sự xung đột có thể tránh được. Trên căn bản của giáo pháp *Duyên khởi*, quan điểm Phật giáo cho rằng, tất cả chúng ta liên đới với nhau – do đó, những gì ảnh hưởng đến một người thì ảnh hưởng đến tất cả là một nguyên tắc cơ bản có thể được áp dụng trong cách ứng xử của bang giao quốc tế (*Oxford Centre for Buddhism Studies, 2007*).

### ***Hội Phật Giáo Luân Đôn***

Hội Phật Giáo Luân Đôn là một tổ chức đã có từ 70 năm qua với mục quảng bá giáo lý của Đức Phật. Họ tuyên bố rằng, Phật Giáo không chỉ là một tôn giáo mà là một cách sống mang lại an lạc, hài hòa và hòa bình. Họ tìm cách khuyến khích việc thực hành giáo lý của Đức Phật xuyên qua những cuộc hội thảo, giảng luận và, bằng cách phối hợp giữa các ban ngành về Thần Học của các học viện cao đẳng. Họ cũng làm việc với các trường đệ nhất, đệ nhị cấp khác nhau như là cố vấn cho các trường có sự chọn lựa để dạy Phật Giáo như là đức tin khác trong chương trình GCSE.

### ***Đại Học Britol***

Đại Học Bristol là một học viện cao đẳng tại Anh Quốc đang hoạt động trong công việc đề xướng Phật Học cũng với các nguyên lý truyền thống Phật Giáo. Đó là cộng tác viên và phối hợp viên chính thức trong những ngành học này ở miền tây-nam nước Anh. Phân khoa *Thần Học và Tôn Giáo* của đại học này cung ứng nhiều khóa học về Phật Giáo như sau:

1. THRS 11005 Phật Giáo
2. THRS 11018 Nghệ Thuật Phật Giáo và Nền Văn Hóa Vật Chất
3. THRS 11014 Hội Thảo về Ấn Độ Giáo
4. THRS 10019 Pali Nhập Môn 1
5. THRS 10020 Pali Nhập Môn 2
6. THRS 20031 Cơ Sở Tư Tưởng và Thực Hành Phật Giáo

7. THRS 20032 Đại Thừa Phật Giáo
8. THRS 20074 Đạo Giáo
9. THRS 30017 Tâm Lý và Triết Lý trong Vi Diệu Pháp Phật Giáo
10. THRS 30020 Phật Giáo đến Tây Tạng
11. THRS 30021 Thực Hành Tôn Giáo Tây Tạng
12. THRS 30060 Thiền Phật Giáo

Mục tiêu hiện tại của Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo tại Đại Học Bristol là nghiên cứu để có thể ghi lại các truyền thống Phật Giáo hiện nay trên toàn cầu. Tại thời điểm này, dự án tiêu biểu là *Dự Án Nghiên Cứu Nghi Thức Tang Lễ* của Phật Giáo tại Bristol, do Tiến Sĩ Paul Williams hướng dẫn. Các vấn đề nghiên cứu chính liên quan đến việc khám phá ra sự tương đồng, (nếu có), giữa các nghi thức tang lễ Phật Giáo của một số quốc gia Đông Nam Á và Tích Lan. Sự tương tác giữa các thành viên trong tang lễ được nghiên cứu và ghi chép kỹ lưỡng.

Một vấn đề nghiên cứu khác có thể để xác định mức độ tham dự của chư Tăng đã thọ giới cụ túc trong tang lễ ở Lục Địa Trung Hoa. Tang lễ cũng được coi một cơ hội tốt để xem xét và quan sát kỹ lưỡng sự tương quan giữa chư Tăng và người cư sĩ, như các mối quan hệ về kinh tế, các điểm xung đột.

Như vậy có thể nói rằng, mục tiêu chính của Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo tại Đại Học Bristol là để có thể hiểu được những khía cạnh khác nhau của Phật Giáo (trong trường hợp của dự án, tang lễ) và ghi chép các mục đích của các sự liên kết này với lối thực hành

Phật Giáo ở nơi khác và, để khám phá ra, nếu các nghi lễ này đã được đưa vào những sự thực hành của các truyền thống không-Phật Giáo khác trên toàn thế giới (*The University of Bristol, 2007*).

### *Phật Giáo trong Giáo Dục Tiểu Học*

Trường Phật Pháp ở Brighton đã được thành lập vào năm 1994 để có thể cung ứng cho học sinh tiểu học với sự hướng dẫn mà đặt cơ sở trên các nguyên tắc Phật Giáo. Trường đã tồn tại mà không cần sự trợ giúp của chính phủ và phụ thuộc vào sự đóng góp của tư nhân cũng như các khoản đóng góp của cha mẹ. Một số học viên đã nhận được những học bổng tư nhân.

Nguyên tắc của nhà trường được đặt trên giá trị của toàn thể trẻ em và, nhằm vào mục đích nuôi dưỡng tinh thần, tình cảm và phẩm chất đạo đức của đứa trẻ. Nhà trường cũng coi trọng các mối tương quan giữa các yếu tố sinh thái và con người trong vũ trụ, chẳng hạn như các mối tương quan thuận nghịch trong tự nhiên. Vì vậy, ở giai đoạn ban đầu của cuộc sống, đứa trẻ phải sẵn sàng cho những thách đố mà thế giới hiện thực sẽ cung ứng cho họ trong tương lai. Với sự khôn ngoan có được từ trường học, họ có thể đối phó với bất cứ thách đố nào, mà đó là thực tế trong thời đại có quá nhiều áp lực xã hội này. Đứa trẻ tốt nghiệp từ trường học thì có sự lạc quan đối với đời sống và, cảm nhận được sự tương quan với mọi vật và mọi người trên trái đất (*The Dharma School, 1997*).

### *Mục Tiêu của Bộ Giáo Dục và Kỹ Năng tại Anh Quốc*

Sự thúc đẩy hiện tại của Dfes của chính phủ Anh Quốc đang mở rộng sự tham gia cho tất cả mọi người, đặc biệt bao gồm luôn cả những người ngoài lề, những người thuộc các sắc tộc khác, như những học viên dưới tiêu chuẩn và khó khăn về kinh tế để được tiếp cận với sự giáo dục cao hơn. Chính phủ có sự tin tưởng rằng, những học viên tốt nghiệp bậc đại học có thể dễ dàng tìm được công việc có lương cao, do đó ngăn ngừa được những người trẻ bước vào con đường tội phạm và, làm người công dân giúp ích thật sự cho quốc gia.

Thêm vào đó, tiếp cận với nền giáo dục cao hơn sẽ giúp thu hẹp khoảng cách giữa các tầng lớp xã hội, có nghĩa là thành tích giáo dục cũng như sự thay đổi trật tự xã hội cũng đạt được; với mọi người, đều có cơ hội bình đẳng xã hội và kinh tế trong cuộc sống.

Chính phủ nhắm đến sự hoàn thành mục tiêu này bằng cách tăng cường chương trình giáo dục mầm non của quốc gia. Cách để thực hiện điều này là thu hút sự hỗ trợ của phụ huynh, giúp họ tích cực tham gia vào việc giáo dục con cái của họ và mở rộng sự hỗ trợ tài chánh cho học sinh nghèo có ước vọng tiếp tục học bậc đại học. Đối với người lớn đã bỏ học từ lâu, chính phủ cũng mang đến những học bổng cho những ai mong muốn con đường đại học. Để nâng cao ước vọng của các em, chương trình tư vấn cũng sẽ được tung ra qua nhiều trường trên toàn quốc (*Dfes, 2006*).

### *Mục Tiêu Giáo Dục Anh Quốc và Phật Giáo*

Do đó, mục đích của hệ thống giáo dục Anh Quốc nhằm tạo các cơ hội bình đẳng cho giáo dục cao hơn, phản ảnh tinh thần từ bi và tôn trọng đối với nhân dân của họ có thể được cho là hài hòa với những nguyên lý Phật Giáo trên cùng một lý tưởng.

Trong một bài phát biểu được nêu ra vào năm 1996, một nhà Phật Học đã nói rằng, “*bản chất và hình thức đều bình đẳng, cũng như hiện tượng và nguyên tắc, chúng sinh và phi-chúng sinh*”. Do đó Phật Giáo tuyên dương rằng, tất cả chúng sinh đều bình đẳng và, sự bình đẳng này có thể thấy được khi nào chúng ta tôn trọng lẫn nhau. Chính Đức Phật đã dạy rằng, ngay cả bốn con sông lớn, khi đổ vào biển, cũng mất tên của chúng và trở thành một. Khi bốn giai cấp thể nhập vào Phật Giáo thì, không có biên giới giữa các đẳng cấp nữa.

Cũng nên biết rằng, không có một cuộc chiến tranh nào là nhân danh Phật Giáo. Một hành giả thuần thành với con đường này trong đời sống, nhìn vào những người khổ đau với tấm lòng thương xót và từ bi và, thường cảm thấy một cảm giác cấp bách để giúp đỡ người khác thoát khỏi sự đau khổ của họ. Theo kinh Phật, chúng ta phải luôn xem xét vị thế của người khác trước khi xem xét vị thế của riêng mình và, quán tưởng rằng, hoàn cảnh của họ như là của chính mình. Anguilimalika muốn sát hại Đức Phật, nhưng sau này ông đã dành sự tôn kính và phát tâm quy y với ngài chính là nhờ vào năng lực từ bi bao la của Đức Phật.

Trong kinh Phật, câu chuyện căn nhà cháy được đề cập mà trong đó người đàn ông mù và người què đã có thể thoát khỏi ngọn lửa bởi vì họ giúp đỡ lẫn nhau, trong khi đó con rắn tự hào với cái đuôi của nó đã bị đốt trong ngọn lửa, vì cái đuôi không hợp tác với cái đầu.

Kinh *Pháp Hoa* dạy rằng, tất cả mọi sự vật trong vũ trụ đều là những hiện tượng được tạo thành bởi các sự kiện và điều kiện tương quan và liên kết với nhau và, do vậy, sự tồn tại của một người ảnh hưởng và phụ thuộc vào sự tồn tại của những người khác. Ngoài ra, một cái nhìn sâu sắc được học từ Kinh *Pháp Hoa* là trên thực tế không có sự khác biệt giữa một và nhiều. Như với bốn con sông lớn, cuối cùng đều đổ vào đại dương và không còn tên gọi riêng, theo lời dạy Đức Phật, thật ra không có sự khác biệt nào giữa mọi người trên trái đất này và do đó, chúng ta phải đối xử với nhau bằng tình thương và sự tương kính. Nếu chúng ta làm như vậy, thì hòa bình và hòa hợp luôn có mặt trên trái đất (*Buddhist Light International Association, 1996*).

Đức Phật cũng nhấn mạnh rằng, *Bi Tâm* là một trong Tứ Vô Lượng Tâm của sự sống cùng với lòng Từ, Hỷ và Xả.

Vì vậy, khi so sánh những giáo lý trong Kinh *Pháp Hoa* và sự mong muốn của Bộ Giáo Dục của Vương Quốc Anh để mở ra nền giáo dục cao hơn cho những người hầu như không có khả năng, thì người ta mới có thể thấy rằng, các khái niệm thì tương tự như nhau. Tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người, không kể địa vị xã hội hay kinh tế trong cuộc sống theo đúng những gì mà Đức

Phật đã dạy về lòng từ bi và đối xử với người khác một cách tôn trọng và bình đẳng là yếu tố vô cùng quan yếu trong đời sống.

## **Giáo Dục Phật Giáo tại Hoa Kỳ**

### ***Luật ‘Không Có Con Trẻ Nào Bị Bỏ Quên’*** ***[No Child Left Behind Act]***

Bộ luật này được ký thành luật bởi Tổng Thống George W. Bush vào ngày 8 tháng giêng năm 2002. Đạo luật này có mục tiêu chính của nó là cải thiện học đường bằng cách giúp họ tập trung vào trách nhiệm để đạt tới các kết quả mong muốn và, cho phép các bậc phụ huynh có sự linh hoạt để họ có thể chọn ngôi trường mà họ nghĩ là thích hợp nhất cho con em của họ. Trong luật này, cũng chú trọng về cách tập đọc, do đó giúp khả năng của các em được tăng trưởng. Tương tự, đạo luật kêu gọi việc sử dụng “*chiến lược khoa học trong việc giảng dạy*” và, cũng tập trung vào sự nâng cao kết quả học hành của những em có hoàn cảnh khó khăn (*Bộ Giáo Dục, 2007*).

Đã có sự quan tâm của các viên chức giáo dục tại Hoa Kỳ rằng, có khoảng cách khá xa giữa thành tích học hành của học sinh người thiểu số và không thiểu số và, do vậy mà mục tiêu khác của đạo luật này sẽ thu hẹp khoảng cách vừa nêu, bằng cách chuyển những nguồn tài nguyên cần thiết cho những trường cần có những nguồn tài lực này nhất.

Đối với sự giáo dục cao hơn, vấn đề có vẻ tương tự như của Anh Quốc. Công việc làm tốt là cần phải có cấp



bằng đại học, nhưng dựa trên sự thống kê hiện tại, chỉ có một phần ba người Mỹ là có khả năng và hoàn tất một cấp bằng. Vì vậy, Bộ Trưởng Giáo Dục, Bà Margaret Spellings, đã quyết định mở rộng một vài lãnh vực trong Bộ Luật ‘*Không Có Trẻ Em Nào Bị Bỏ Quên*’ đưa đến cho sự giáo dục cao hơn. Sự giáo dục bậc đại học là một phần của hiện thân giác mơ Hoa Kỳ, nên phải làm sao để những ai mong ước có được sự giáo dục cao hơn có thể tham gia và thụ đắc. Người thiếu số và những người có lợi tức thấp đóng khung trong những học sinh rời khỏi bậc trung học phải có đủ khả năng bảo đảm cho mình nền học vấn cao hơn.

Do đó, Bộ Trưởng Giáo Dục đã đề ra một kế hoạch bao gồm những việc sau đây: chuẩn bị cho học sinh cấp hai tiến lên bậc đại học bằng cách tiếp nối việc học cấp hai với việc học bậc đại học và ngăn ngừa việc tăng học phí không hợp lý trong đại học. Bà cũng sát cánh làm việc với các cơ quan trợ cấp tiểu bang để có thể cung ứng sự trợ giúp cơ bản cần thiết cho tất cả những người cần đến (*Spelling, 2006*).

### ***Đại Học Naropa***

Đại học Naropa là một viện đại học có trụ sở tại Colorado. Nó được thành lập vào năm 1974 bởi Chogyam Trungpa, một tăng sĩ Phật Giáo. Ngày nay, đại học này cung ứng các lớp bậc đại học cũng như cao học trong nhiều lãnh vực khác nhau. Chủ yếu giáo dục của đại học này là giáo dục thiền quán, trong đó, mọi sinh viên phát triển kinh nghiệm về sự tỉnh thức của họ

và, cũng phát triển lòng từ bi đối với chính họ cũng như đối với người khác. Khả năng quán sát sâu sắc vào bên trong và có sự hiểu biết thâm sâu về tâm ý, bản ngã và tha nhân là một đặc điểm khắc sâu trong tâm trí của sinh viên trong đại học. Trên tất cả, nhà trường mong muốn truyền đạt cho sinh viên của mình rằng, họ phải có khả năng thẩm thấu tất cả các bài học của họ bằng cách áp dụng trí tuệ và sự sáng suốt mà họ có và dùng chúng qua các hình thức của hành động hữu ích và sáng tạo để tạo ra những kết quả tốt đẹp (*Đại Học Naropa, 2007*).

### *University of the West (UWest)*

Trường Đại học Tư thục, là một chi nhánh của Hiệp Hội Các Trường Đại Học và Cao Đẳng phương Tây (Affiliations Western Association of Schools and Colleges)

University of the West (UWest) Được công nhận bởi WASC Senior College và Ủy ban Đại học. Mặc dù được thành lập bởi một tổ chức Phật giáo, UWest không phải là một trường đại học Phật giáo. Sinh viên UWest không bắt buộc phải ghi danh tín ngưỡng Phật giáo hoặc thực hành Phật giáo dưới mọi hình thức.

Đại học UWest có các Phân khoa như: kinh doanh, tiếng Anh, tâm lý học, triết học, Phật học, ngôn ngữ Trung Quốc, Tôn giáo học, Tuyên Úy Phật giáo. Đại học UWest đã thu hút sinh viên từ hơn 40 quốc gia trên thế đến ghi danh trong đó có khoảng 40% sinh viên là công dân Mỹ hoặc thường trú nhân.

### *Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo tại Đại Học UCLA*

Khi số lượng người di dân Phật Giáo đến Hoa Kỳ tiếp tục gia tăng, Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo tại UCLA được hình thành để hướng dẫn các học viên Mỹ về Phật Giáo và văn hóa đi kèm và, tích cực thúc đẩy nghiên cứu trong các ngành học về Phật Giáo. Trung tâm cũng có một danh sách lớn các ấn phẩm về thực hành, truyền thống, cũng như phân tích và các hình thức khác về Phật Giáo.

### **Mục Tiêu về Giáo Dục Hoa Kỳ và Phật Giáo**

Từ những điều nêu trên, chúng ta thấy rằng, mong muốn giúp đỡ những nhóm người thiểu số và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn khó mà có đủ khả năng giáo dục đàng hoàng để có thể được coi như là *hạnh bố thí* (*dana*). Trong cuộc đàm luận của Ratnaghosa, có nói rằng, một đời sống chánh niệm và tâm linh chân thực có thể bắt đầu bằng hạnh bố thí. *Đàn-na* hay *bố thí* đã có mặt ngay từ sự bắt đầu của cuộc sống và sẽ hiện hữu trong suốt toàn bộ đời sống tâm linh. Khi đã đạt đến giác ngộ, bố thí (*dana*) sẽ trở thành Maha-Karuna, hay Đại Từ Bi Tâm. Sự rộng lượng (bố thí) là thành phần chính cần thiết cho việc làm giúp chúng ta đối đầu với sự vui thích hay mối bất hòa phóng túng của người khác. Cảm giác mong muốn để cho ra là sự bắt đầu trong việc thiết lập năng lượng tích cực giải thoát mà người khác sẽ nhận được (*Ratnaghosa, n.d.*).

Sự mở rộng khả năng tiếp cận với nền giáo dục cao đẳng đối với các ngành trong xã hội có thể được giải thích qua hình thức của tinh thần vị tha, đó là một phần của Tám Điều Giác Ngộ của Đạo Phật – đó là cái ngã trong vòng sinh tử liên tục và, chỉ xuyên qua trí tuệ và giác ngộ người ta mới có thể giải thoát vòng luân hồi sinh diệt này. Sự thực chứng minh rằng, thân thể của con người là vô thường và từ đó phải từ bi và vô ngã là khí cụ để giải thoát vòng sinh tử luân hồi triền miên bất tận (*Melkonian và Tam, 1987*).

Mặc dầu sự đột phá của Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ đang hướng tới sự cung cấp giáo dục cho những ai hầu như không có khả năng, điều này vẫn còn là một dấu hiệu cho thấy chính phủ vẫn có lòng thương xót đối với những thành phần trong xã hội mà khó-ép và cảm thấy bị cô lập vì họ không thể thụ đắc sự giáo dục cao đẳng.

Đây thực sự là một hình thức của lòng *từ bi*, hay *dana*, mặc dù từ một thực thể chính phủ đối với các nhóm dân chúng. Điều tốt ở đây là việc này có thể là một bước đệm cho những lãnh vực khác của xã hội để lấy cùng những triết lý như bố thí và từ bi để tất cả những ai cần đến sự trợ cấp và giúp đỡ không những chỉ đối với giáo dục, mà còn đối với công ăn việc làm, hay ngay cả tình thân hữu, có thể nhận được sự trợ cấp và giúp đỡ như vậy.

Người ta muốn tham dự vào các hành động như là bố thí và từ bi có thể thấy được sự thoải mái trong lời nói của Tiến Sĩ Gene Reeves, một học giả Phật giáo nổi

tiếng, khi ông nói rằng:

*“Trong hành động đơn thuần của lòng tốt, chúng ta có thể trở thành tay và chân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây là một thông điệp cốt lõi của Kinh Pháp Hoa. Chúng ta tin vào sự sống vĩnh cửu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Điều này có nghĩa là cuộc sống của ngài đang là một trong vô số hóa thân vào tay và chân của chúng ta. Đây là một trong những lý do rất quan trọng là tại sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn đang có mặt trong thế giới ngày nay. Kinh Pháp Hoa khuyến khích chúng ta hãy thọ trì Bồ tát hạnh bằng cách đối xử tốt với bạn bè, láng giềng của chúng ta và, đối với mọi người. Đó là chân lý mang đến niềm an lạc cho tâm hồn của mọi loài chúng sinh!”* (Reeves, 2007).

## CHƯƠNG 4

# PHÂN TÍCH

Giáo dục được coi là sự tích lũy kiến thức xuyên qua việc học hành và xuyên qua sự hướng dẫn của thầy giáo. Năng khiếu và kiến thức nhất định và cụ thể là những gì được dạy trong quá trình này (Đại học Princeton, 2007). Vì vậy, rõ ràng là Phật Giáo, tự nó, là một khái niệm và là một cách của cuộc sống qua hình thức của giáo dục. Thầy giáo là các Tăng sĩ truyền đạt phương tiện để đạt đến giác ngộ và, hướng dẫn học trò của mình trong sự chuyển hóa từ vô minh đến trí tuệ và giác ngộ.

Tất cả các quốc gia trên thế giới xuyên qua chính phủ của họ đều có hệ thống cấu trúc giáo dục riêng, và điều này bao gồm luôn khuôn khổ cho sự tham gia của cả chính phủ lẫn các lãnh vực tư nhân. Chính phủ ngưng hiện diện khi họ không cung cấp phương tiện và phương thức để giáo dục công dân của họ. Giáo dục trong bối cảnh này phải được xem là không những chỉ ở cách chính thức, như ở các đại học và các trường cao

đẳng, nhưng giáo dục cũng có thể không chính thức – như trong sự giảng dạy các cô gái trẻ làm thế nào để phụ giúp gia đình và trong các công việc gia đình, hoặc dạy các bà mẹ trẻ cho con bú và tắm rửa trẻ con cũng như chăm sóc trẻ con với tất cả lòng thương yêu của một người từ mẫu. Miễn là một số kiến thức được truyền đạt cho học viên, khi đó chúng ta mới có thể nói rằng giáo dục đã thực sự diễn ra.

Như đã được đề cập ở trên, trong phần nói về các mục tiêu của giáo dục Phật Giáo là mỗi cá nhân phải được hỗ trợ để trải qua một quá trình chuyển hóa như vậy thì cuối cùng họ học là để hiểu lấy chính mình, phát triển lòng từ bi đối với người đồng loại và những chúng sinh khác trong vũ trụ và, học làm thế nào để tất cả các nhân tố trong vũ trụ được tương quan tương kính lẫn nhau. Từ đó việc cứu xét các chương trình giáo dục khác nhau của các quốc gia được nêu trong nghiên cứu này sẽ được so sánh với những ý nghĩa gì về nền giáo dục Phật Giáo chân chính.

Tại Anh Quốc và Hoa Kỳ, trọng tâm của ngành giáo dục tương ứng của họ là cung ứng sự tiến đến nền giáo dục có phẩm chất cho mọi người, đặc biệt là các thành phần ngoài lề của xã hội – điều này bao gồm trẻ con dân tộc thiểu số và từ những thành phần có mức thu nhập thấp trong xã hội. Các gia đình của các trẻ em chỉ có thể đủ khả năng để đủ sống và do đó, hầu như sẽ không đủ điều kiện để họ theo đuổi nền giáo dục có phẩm chất cao hơn. Cả hai chính phủ hy vọng về việc thực hiện các chính sách giáo dục của mình. Ví dụ như đạo luật

“*No Child Left Behind (Không Có Trẻ Em Nào Bị Bỏ Quên)*” của Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ đã nhận được nhiều lời chỉ trích từ những người liên quan đến giáo dục và, ngay cả những người hoàn toàn không có việc gì với các hệ thống giáo dục của đất nước. Từ quan điểm của Phật Giáo, hình như có điều gì thiếu cụ thể trong sự hài hòa và hòa hợp giữa các bên có liên quan trong việc thực hiện đạo luật này.

Hệ thống giáo dục của Anh Quốc cũng như Hoa Kỳ dường như có phần yếu kém trong việc giáo dục về mặt tâm linh – đó là, nền giáo dục tập trung vào việc đạt được những kiến thức về kỹ thuật và rất hiện thực, mà không phản ánh gì về tình trạng của bản ngã và làm thế nào người ta có thể trở thành một người tốt hơn về lòng từ bi và nhân đạo. Trong Phật Giáo, giáo dục một đứa trẻ thì hoàn chỉnh hơn – bởi vì sự giáo dục về tâm hồn cũng được bao gồm trong khuôn khổ giáo dục. Các giới luật Phật Giáo cho phép đứa trẻ khám phá ra bản chất chân thật của mình và nhận ra khả năng của mình, như thế tất cả năng lượng của nó được lấy ra để hiểu lấy chính mình, đồng loại của mình và thế giới xung quanh mình.

Đạo luật “*No Child Left Behind (Không Có Trẻ Em Nào Bị Bỏ Quên)*” đòi hỏi nhiều kinh phí của quốc gia để có thể hỗ trợ tài chính cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình này. Năm 2005, người ta ước tính khoảng 64 tỷ Mỹ Kim được chêm vào các chương trình này; do đó, người ta có thể xem nó như một ống cống tài chính của ngân khố Mỹ (*Democracy Now, 2004*).



Cần lưu ý rằng, Đại Học Oxford phải được ca ngợi về những nỗ lực của họ trong việc khảo cứu về Phật Giáo và làm thế nào để nó có thể liên quan đến việc khảo cứu mỗi bang giao quốc tế cách tốt đẹp. Các nguyên tắc của Phật Giáo rõ ràng là những gì có thể mang lại các mối bang giao quốc tế thù thắng, đặc biệt là giữa các quốc gia – xã hội trong sự xung đột với nhau để đạt được sự thiết lập mối thân thiện.

Những giáo lý trong “*Kết Quả của Đời Sống Chánh Niệm*” có thể được áp dụng đặc biệt trong trường hợp này. Sự thực chứng của những gì mà cá nhân có khả năng một khi họ đạt đến giác ngộ là điều gì cần thiết trong mỗi bang giao quốc tế. Đặt mình vào vị trí của người khác, có thể nói, có thể giúp tạo ra các cuộc thảo luận giữa các quốc gia và xã hội đang xung đột hiểu rõ tình trạng khó khăn của nhau như thế nào để các sự thoả thuận hòa giải mới đạt được. Trong các thoả thuận này, hai bên mâu thuẫn đều là người chiến thắng trong ý nghĩa rằng, cả hai bên đều có lợi trong hiệp ước và, các mối quan hệ thân thiết giữa họ kéo dài như các xã hội đều được toàn vẹn.

## CHƯƠNG 5

# KHUYẾN NGHỊ

Điều gì là đặc sắc về Phật Giáo cho thấy rằng, có thể kết hợp các hệ thống học vụ Phật Giáo với các hệ thống giáo dục cao đẳng hiện hành như được biết và thực hành trên khắp thế giới. Các giới luật của Phật Giáo cho rằng trí tuệ tự trong chính nó không phải là xấu; nhưng đó cũng phải đạt được trí tuệ liên quan đến sự hiểu biết về bản chất thật sự của bản ngã và thế giới xung quanh bản ngã. Nếu hai loại trí tuệ được kết hợp, thì chắc chắn sẽ không có vấn đề nào nữa trong việc thực hiện giáo dục ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

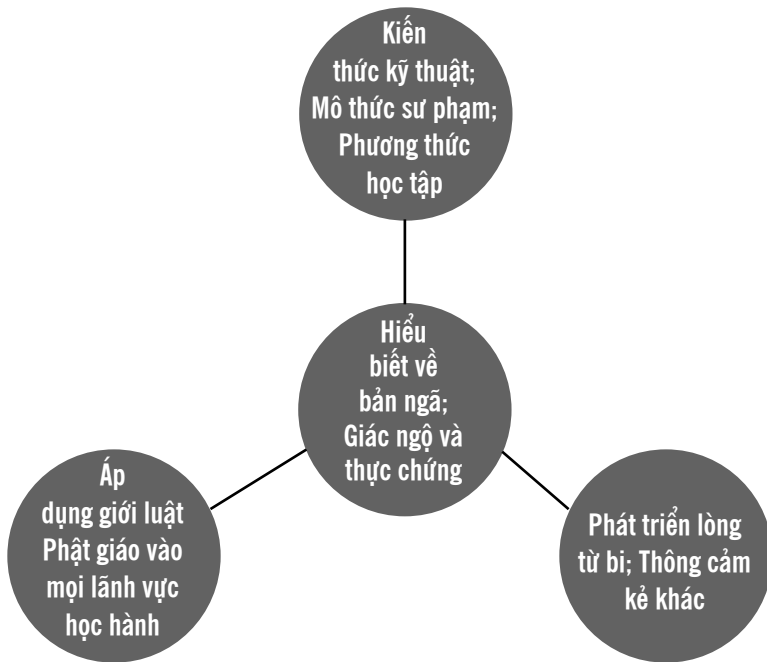
Giáo lý của Đức Phật không phải là khó thực hiện, cũng không phải là khó hiểu. Cần lưu ý rằng, nhiều vị cao tăng đã luôn nhấn mạnh rằng, Phật Giáo không phải là một tôn giáo; nó không quy kết việc thờ cúng bất cứ thần linh nào; nhưng đúng hơn, nó là sự quy định làm như thế nào để hưởng cuộc sống đến, như thể một người có thể trở nên thông tuệ và từ bi – nhân đạo – hai phẩm

chất thực sự khó khăn để tìm thấy trong con người ngày nay. Vì vậy, người ta có thể là một Kitô hữu nhưng cũng thực hành được đường lối Trung Đạo – niềm tin của cả hai quan niệm đều tương tự và song hành với nhau. Người ta có thể là Hồi giáo nhưng cũng có thể áp dụng con đường Trung Đạo của Phật giáo. Hồi giáo quy định *zakat*, hoặc sự bố thí của bố thí, như một cách để giảm thiểu sự đau khổ của những người đang gặp kinh tế khó khăn trong cuộc sống và giúp họ ra khỏi tình trạng khó khăn vào lúc này.

Một mô hình Phật Giáo về giáo dục, khi kết hợp với hệ thống giáo dục hiện đại đã thực hiện tại hầu hết các nước phương Tây và thậm chí ở nhiều vùng ở châu Á và các nước đang phát triển, có thể được biểu thị qua mô hình sau đây:

### **Mô Hình Dung Hợp về Giáo Dục**

Đơn giản chỉ cần thiết đặt sự kết hợp của hệ thống giáo dục phương Tây cũng như cách thức học và hành của Phật Giáo thì sẽ không tạo ra bất kỳ xung đột tư tưởng nào; tuy nhiên, nền giáo dục cơ bản phải bắt đầu với học viên đối với sự phát triển một hiểu biết về bản ngã là vô ngã và, sau đó tất cả các khía cạnh sâu sắc khác của việc học hành sẽ tiếp nối. Cuối cùng, hệ thống sẽ sản sinh những học viên tốt nghiệp có lòng từ bi sẽ sẵn sàng làm tất cả những gì mà họ có thể để giúp đỡ những người kém cỏi hơn trong cuộc sống và, giúp đỡ trong việc cải thiện hoàn hảo cuộc sống của họ. Bằng



cách này, giáo pháp Trung Đạo và những giới luật của Phật Giáo có thể được coi như là nhân tố quan yếu khác của một hệ thống giáo dục mà bản thân của chính nó sẽ hiện thực hóa những gì cao đẹp hơn đó chính là đóng góp cho một nền hòa bình và hòa hợp đích thực trên toàn thế giới và, xa hơn, giải thoát muôn loài ra khỏi vòng sinh tử khổ đau.

### **Khuyến Nghị cho Những Nghiên Cứu trong Tương Lai**

Đây chỉ là bề mặt của những gì có lẽ có thể được thực hiện theo hướng cách thực hành của Phật Giáo và

công nhận nó như là một hệ thống giáo dục có thể được dung hợp với thực tiễn giáo dục hiện nay. Nó sẽ thực sự thú vị để tìm hiểu như thế nào, đặc biệt là giới luật có thể được dung hợp vào những gì đang được thực hiện ngày hôm nay tại các tổ chức giáo dục khác nhau trên khắp thế giới. Nghiên cứu trường hợp cụ thể mà có thể được thực hiện tại các cơ sở đặc biệt có thể thực hiện, để mở rộng sự hiểu biết về khái niệm khả thể này và, làm thế nào để những cơ sở giáo dục khác có thể cạnh tranh trên nền tảng lành mạnh – thương yêu và hiểu biết.

## CHƯƠNG 6

# GIÁO DỤC PHÙ HỢP VỚI PHẬT PHÁP

Nói một cách đại cương thì giáo dục là phương cách chủ yếu để rèn luyện và đào tạo các thiếu nhi từ những trẻ em vô học thức trở thành những con người thành niên có học thức và căn bản đạo đức. Tuy nhiên, ngày nay ở khắp nơi trên thế giới – từ những nước giàu đã phát triển cho tới những nước nghèo đang phát triển – chúng ta đều thấy rằng ngành giáo dục chính thức đang gặp nhiều vấn đề cần phải cải tiến. Phương cách giáo huấn trong phần lớn các lớp học trở thành nhàm chán đến nỗi nhiều học sinh coi lớp học của chúng như là nơi để tập luyện đức tánh kiên nhẫn chứ không phải là nơi để học hỏi và thu thập kiến thức.

Ngay cả những học sinh rất thông minh và siêng năng cũng dễ cảm thấy không ham thích đi học, và một số bị lôi cuốn vào những con đường đi tìm thú vui chơi có khi nguy hiểm, như dùng ma túy và rượu, hoặc thí nghiệm

tình dục, hoặc có những hành động bạo lực, hoặc căng thẳng hay trầm cảm. Các thầy giáo cũng lâm vào những tình cảnh lưỡng nan: Họ bất mãn đối với hệ thống giáo dục hiện đại và công việc hàng ngày mà họ đang làm, nhưng không có lựa chọn nào khác xứng đáng hơn.<sup>1</sup>

Một nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đáng buồn này là sự thiếu vắng viễn kiến liên quan tới những tiêu chí của giáo dục. Từ ngữ tiếng Anh “*education*” (giáo dục) bắt nguồn từ chữ La-tinh “*educare*” và chữ La-tinh này có thể được dịch sang Việt ngữ là “*đưa ra*” hoặc “*đem ra*” – như vậy từ ngữ này ngụ ý rằng trọng trách của giáo dục là “*khai thác*” từ tâm trí con người tiềm năng bẩm sinh ham muốn tìm hiểu mọi điều xung quanh.

Sự khao khát muốn học hỏi để hiểu biết những sự vật là một đặc điểm căn bản của loài người. Sự khao khát đó là điều thiết yếu đối với tâm trí con người cũng giống như sự khao khát thức ăn và nước uống đối với thân thể của chúng ta. Tuy nhiên, trong thế giới đầy rối loạn hiện đại, sự khao khát học hỏi thường bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong xã hội nói chung. Chẳng hạn như sự mong muốn được ăn thực phẩm lành mạnh đã bị khai thác bởi kỹ nghệ “*thức ăn nhanh*” (fast-food industry), với những món ăn ngon miệng nhưng không bổ ích về dinh dưỡng; vì vậy, trong những trường học hiện đại tâm trí của học sinh không được nuôi dưỡng bằng những thức ăn tinh thần bổ ích và cần thiết cho sự

---

1 Theo bài khảo luận “*Aims of Buddhist Education*” của Thượng Tọa Bhikkhu Bodhi đăng trên website: [https://www.accesstoinight.org/lib/authors/bodhi/bps-essay\\_35.html](https://www.accesstoinight.org/lib/authors/bodhi/bps-essay_35.html)

phát triển lành mạnh của họ. Thông thường, trong giáo dục hiện đại, học sinh được đào tạo qua những chương trình thụ huấn đã được tiêu chuẩn hóa với mục đích biến họ thành những tôi tớ (servant) làm việc đắc lực trong một hệ thống xã hội để mưu sinh. Tuy rằng một nền giáo dục như vậy có thể là điều cần thiết để giúp cho guồng máy xã hội ổn định, nhưng nó không giúp cho chúng ta đạt tới những trình độ cao hơn để soi sáng tâm trí bằng những ngọn đuốc của chân lý.

Một nguyên nhân chủ yếu của những vấn nạn trong ngành giáo dục thời hiện đại là nó đã bị “*thương mại hóa*”. Mô hình phát triển của những xã hội kỹ nghệ hóa, chú trọng vào kinh tế và tài chánh, đã lan tràn đến những xứ nông nghiệp ở Á Châu, khiến cho hệ thống giáo dục ở những nơi này cũng phải đào tạo học sinh trở thành những công dân có năng lực sản xuất trong một hệ thống kinh tế chú trọng vào mục tiêu đạt tới mức lợi nhuận tối đa. Mục tiêu giáo dục thiên cận chỉ coi trọng vật chất như vậy thật là không phù hợp với những nguyên tắc cố hữu của Phật Giáo.

Trong những chủ trương về giáo dục của Phật Giáo đương nhiên cũng có những mục tiêu thực tế về phát triển kinh tế; vì Phật Giáo được định hướng bởi giáo nghĩa trung đạo, với sự nhìn nhận rằng, những khát vọng cao đẹp của chúng ta tùy thuộc vào sự lành mạnh của thể xác và một xã hội thịnh vượng, thái hòa. Nhưng Phật Giáo chủ trương rằng, phương diện thực tiễn của giáo dục (nhằm đào tạo những công dân phục vụ đắc lực cho guồng máy xã hội) cũng phải đan kết với những



nhu cầu phát triển tâm linh phù hợp với những giáo lý của Đức Phật.

Trước hết, một chính sách giáo dục phù hợp với những nguyên tắc của Phật Giáo thì phải nhắm mục đích rèn luyện cho giới trẻ thấm nhuần những giáo lý từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha và bình đẳng được cấu trúc trên nền tảng của Giới, Định, Tuệ, song song với chương trình của những môn học thông thường. Đường lối giáo dục như vậy không những giúp phát triển xã hội và đào tạo những công dân đặc lực trong các ngành kỹ nghệ và thương mại mà còn giúp cho học sinh và sinh viên vun trồng những hạt giống tâm linh cao thượng biết cống hiến tài năng của mình cho phúc lợi lâu dài của tha nhân cũng như tạo sự cân bằng cần thiết giữa tinh thần và vật chất...

Nếu chúng ta tìm kiếm những lý tưởng thích ứng như vậy trong các bài thuyết pháp của Đức Phật, chúng ta thấy có năm đức tánh mà Ngài thường nhắc nhở như là tiêu chuẩn của Phật tử gương mẫu – bao gồm cả tăng sĩ và cư sĩ. Năm đức tánh này được gọi là “*Ngũ Thiện Căn*”, gồm có:

1. **Tín căn:** là lòng tin tưởng kiên quyết, đặt niềm tin vào Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng; và dùng trí tuệ để xét đoán mọi sự việc, không tin tưởng điều gì một cách mù quáng.
2. **Tinh Tấn căn:** Kiên trì tu học và hành đạo để thăng tiến trên con đường đạo pháp.
3. **Niệm căn:** Thường trực thực hành chánh niệm để luôn luôn tỉnh thức, an lạc.

4. **Định căn:** Tập trung ý thức vào Định lực để thấp sáng trí giác và tránh sự vọng động, điên đảo.
5. **Huệ căn:** Trí Huệ sáng suốt để quán chiếu và nhận ra chân lý.

Phật Giáo coi *trí huệ* (panna – bát-nhã) là thiện căn quan trọng nhất và coi vô-minh là bất thiện căn độc hại nhất. Trong Phật Giáo, trí huệ là phương tiện sắc bén nhất để diệt trừ tất cả những gì ô trược. Chúng ta cần phân biệt giữa *kiến thức* (knowledge) và *trí huệ* (wisdom). Người ta có thể học hỏi để gom góp kho kiến thức, nhưng không thể học cách tích tụ (phát triển) trí huệ. Phật Giáo nhấn mạnh vào giáo dục như là đường lối thiết yếu để xóa tan vô minh, giống như ánh sáng chiếu rọi làm xóa tan bóng tối.

Đức Phật đã tự tu luyện để đạt giác ngộ; nhưng điều đó không có nghĩa rằng Ngài đã không cần phải học tập. Sự thật là trong thời gian còn là thái tử (chưa đi tu) Ngài đã tự rèn luyện để tinh thông về thuật trị quốc và những khoa học đương thời.<sup>2</sup> Ngài cũng có nhiều kiến thức về văn hóa và các tôn giáo truyền thống của Ấn Độ.

## Rèn Luyện Tâm

Con đường tu tập chủ yếu của Phật Tử là rèn luyện tâm (bhavana). Vì vậy, câu kệ đầu tiên trong Kinh Pháp Cú là:

---

2 <https://subalternexpression.wordpress.com/2010/06/08/buddhist-attitude-to-education/>

*“Tâm dẫn đầu mọi pháp  
Tâm chủ, tâm tạo tác  
Nếu nói hay hành động  
Với tâm tư ô nhiễm  
Khổ nào sẽ theo ta  
Như xe theo vật kéo.”*

*“Tâm dẫn đầu mọi pháp  
Tâm chủ, tâm tạo tác  
Nếu nói hay hành động  
Với tâm tư thanh tịnh  
Hạnh phúc sẽ theo ta  
Như bóng không rời hình”<sup>3</sup>*

## **Trường Đạo Pháp Ở Quốc Gia Phật Giáo Sri Lanka**

Trong khi những xã hội thế tục thời hiện đại chú trọng vào các chương trình giáo dục để đào tạo nhiều sinh viên trở thành những người có nghề nghiệp chuyên môn thì trong một quốc gia Phật Giáo như Sri Lanka đang có những Trường Đạo Pháp (Dharma School) dạy Phật Pháp song song với những môn học thông thường. Chương trình học Phật Pháp của những trường đó chú trọng trước tiên vào sự rèn luyện nhân cách cho học sinh và sinh viên. Vì nhân cách của con người được uốn nắn qua những giá trị tinh thần, trong khi những giá trị đó được truyền dạy bằng những lý tưởng cao đẹp; vì vậy,

---

3 Trích từ bản dịch *Kinh Pháp Cú* từ Pali ngữ của Hòa Thượng Thích Minh Châu

trọng trách đầu tiên của các nhà giáo dục Phật Giáo là xác định và lựa chọn những lý tưởng nào phù hợp với hệ thống giáo dục của họ.

Ngày nay ở Sri Lanka các vị Tỳ-Kheo và Tỳ-Kheo-Ni tích cực dẫn thân trong những lãnh vực giáo dục. Họ góp sức vào những công tác kiến tạo trường học, soạn thảo và phân phối sách giáo khoa, đi diễn thuyết, giảng dạy tại các đại học, trợ giúp những học sinh nhà nghèo; và họ coi những chương trình đi giảng dạy đạo pháp cho dân chúng ở các vùng nông thôn là công tác giáo dục dân chúng hữu ích nhất.

Những chuyến đi giảng Phật Pháp như vậy thường bao gồm những giáo lý căn bản như “*Tứ Diệu Đế*”, “*Tứ Vô Lượng Tâm*”, “*Bát Chánh Đạo*”, hạnh “*Bố thí*”, những giới luật dành cho Phật tử tại gia.

Họ coi những công tác giáo dục như vậy là cách huân tập công đức để tạo nghiệp tốt cho bản thân và gia đình.

Các vị Tỳ-Kheo và Tỳ-Kheo-Ni đó biết rằng, thời xưa Đức Phật đã tùy theo căn cơ, trình độ của các nhóm dân chúng để thuyết giảng theo ngôn ngữ phù hợp với họ. Vì vậy, những giáo lý của Ngài được lưu truyền cho tới ngày nay cũng bao gồm những hình thức khác nhau được truyền đạt trên căn bản của lòng từ bi qua những phương tiện thiện xảo. Do đó, những chuyến đi thuyết giảng Phật Pháp của các chư Tôn đức ở những vùng thôn quê cũng được áp dụng phù hợp với trình độ của các nhóm thính giả.

Một trong những điều được họ nhấn mạnh về Phật Pháp với dân chúng ít học là *“Đức Phật không phải là bậc thần thánh có khả năng cứu vớt chúng sanh; nhưng những giáo lý của ngài có thể giúp họ thực hành để vượt qua đại dương tràn đầy khổ đau của cõi Ta-ba (Samsara)”*

Đức Phật dạy rằng, Như-Lai chỉ hướng dẫn con đường để chúng sanh tự mình cố gắng tiến đến giải thoát. Đây là một trong số hàng ngàn lời dạy quan trọng khác như: Hãy quay về nương tựa với ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng; hãy tự mình là hải đảo vững chắc để nương tựa; hãy tự mình thấp đước lên mà đi; hãy lấy giới luật làm thầy; đừng làm các việc ác, thành tựu những việc lành, giữ tâm ý thanh tịnh v.v...

### HÌNH PHỤ CHÚ



Trường Đạo-Pháp ở Sri Lanka



Buổi tọa thiền của học sinh

## CHƯƠNG 7

# GIÁO DỤC PHẬT GIÁO GIÚP ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### **Dẫn nhập**

Ít nhất, có 3 lĩnh vực của giáo lý Phật giáo đã cho thấy khả năng đóng góp to lớn cho sự phát triển bền vững mà Giới, Định và Tuệ là nhân tố nền tảng nổi bật nhất. Đối với những lĩnh vực này, nền kinh tế thị trường sẽ luôn tỏ ra thờ ơ, miễn là các hoạt động của họ thực hiện hoặc cam kết được cho phép về mặt pháp lý. Trong lý thuyết về tình cảm đạo đức, với Alan Smith thì, xây dựng về các cuộc thảo luận và đạo đức thị trường dường như chú trọng hơn vào lợi ích cá nhân và bàn tay hữu hình của quốc gia giàu có.

*Mục tiêu Phát triển* còn được gọi là *Mục tiêu Toàn cầu* là một chủ đề đã được rất nhiều người đề cập. Đặc biệt, chủ đề này đã xuất hiện từ thời đại cách mạng công

nghiệp mặc dù chủ yếu chú ý đến sự phát triển của nền kinh tế về tăng trưởng công nghiệp, sản xuất, tiêu thụ cũng như sự tiến bộ của công nghệ. Một số khía cạnh quan trọng đã bị bỏ qua bao gồm bảo tồn môi trường, phát triển xã hội và con người. Những điều này đã không được đưa ra xem xét như chúng rất xứng đáng được xem xét. Tuy nhiên, trên thực tế, những thứ này đang xuống cấp với tốc độ rất nhanh và thế giới rất có thể sẽ sớm bị khủng hoảng. Lý tưởng nhất là từ đó, các cơ quan phát triển đã quan tâm nhiều hơn đến sự *phát triển bền vững* trong nỗ lực hợp lý hóa nó để có được sự toàn diện và đáp ứng tất cả các khía cạnh quan trọng khác của sự phát triển bền vững.

Kiểm tra về cách xem tính bền vững đã trở nên quan trọng trong vấn đề này khi chúng tôi cố gắng kết hợp nó với Phật giáo. Theo học giả kinh doanh và môi trường John Ehrenfeld, tính bền vững được hiểu là khả năng con người và những sự sống khác trên trái đất là một tiến trình xuyên suốt. Kỹ thuật hưng thịnh cũng gắn liền với định nghĩa của công lý và tự do nhằm cung cấp một tầm nhìn trong tương lai.

## **Mục tiêu phát triển bền vững**

Theo Liên Hợp Quốc, các *mục tiêu phát triển bền vững* bao gồm các hành động toàn cầu được thực hiện để chấm dứt nghèo đói, bảo vệ hành tinh cũng như bảo đảm rằng, hòa bình, thịnh vượng là điều kiện tất yếu mà mọi người được hưởng một cách bình đẳng bất kể sắc tộc, văn hóa, chính kiến, xã hội, tôn giáo của họ là

gì. Tương tác với các quốc gia khác nhau trong mục đích duy trì hòa bình và an ninh toàn cầu cũng như hàn gắn mối liên hữu giữa các quốc gia bao gồm 189 thành viên của Liên Hợp Quốc đã soạn thảo **17 Mục tiêu Phát triển Bền vững** (Sustainable Development Goals) viết tắt là SDG được dựa trên thành công của 8 mục tiêu được xây dựng trước đó với tiêu đích phát triển thiên niên kỷ; đồng thời, các lĩnh vực ưu tiên mới như hài hòa và công bằng, phát triển bền vững, tạo cơ hội bình đẳng trong việc tăng trưởng kinh tế cũng như biến đổi khí hậu không phải là một phần của các **Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ** (Millennium Development Goals) gọi tắt: MDG đã được thêm vào các **Mục tiêu Phát triển Bền vững** (SDG). Rõ ràng có thể nói rằng, việc phác thảo những mục tiêu này đã tạo nên một trong những cột mốc sâu sắc nhất của phong trào phát triển bền vững.

Các mục tiêu phát triển nhằm mục đích biến đổi thế giới bao gồm các mục theo thứ tự tương ứng: Xóa nghèo, xóa đói, bảo đảm sức khỏe tốt, giáo dục chất lượng cao, bình đẳng giới tính, bảo vệ nguồn nước sạch và vệ sinh an toàn, năng lượng tái tạo và giá cả hợp lý – không ô nhiễm, tăng trưởng kinh tế và tạo nhiều việc làm, cách mạng và phát triển cơ sở hạ tầng, giảm thiểu bất bình đẳng, xây dựng các đô thị và xã hội dân sự an toàn, trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn tài nguyên, hành động cấp thiết để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, bảo tồn nguồn tài nguyên đại dương, bảo vệ và tái tạo các hệ sinh thái trên đất liền, hòa bình và công bằng và, cuối



cùng là hợp tác để hoàn thành và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững.

Những mục tiêu này đã được thông qua vào năm 2015 và dự kiến sẽ đạt được trong vòng 15 năm và do đó chúng tạo nên *Chương trình nghị sự 2030* trong đó bao gồm *169 tiêu chí* nhằm hướng dẫn phát triển cả ở cấp địa phương lẫn quốc gia.

Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc đã đi trước một sáng kiến toàn cầu để hỗ trợ các Mục Tiêu Phát Triển có thể hỗ trợ và được đặt tên là *Mạng Giải Pháp Phát Triển Bền Vững* (Sustainable Development Solution Network – SDSN). Điều này sau đó được cho rằng, nên có sự quản trị tốt như một khía cạnh thứ tư để phát triển bền vững chủ yếu liên quan đến cách các cơ quan, chính phủ khác nhau và cùng nhau thực hiện để đạt được các mục tiêu dự định. Tuy nhiên, lý tưởng nhất, ở quy mô lớn hơn, điều này đã không chú ý đến con người như một lực lượng để đạt được sự thành tựu phát triển bền vững.

Theo quan điểm của Phật giáo, đạo đức là một giá trị lớn trên toàn thế giới và được đánh giá như một nền tảng vững chắc cho mọi lợi ích tốt đẹp nhất. Kinh tế học Phật giáo ủng hộ một cuộc sống tập trung vào kỷ luật đạo đức trong sáng được nội hàm trong bốn chữ Từ Bi và Trí Tuệ. Do đó, khi chúng ta không hành động một cách si mê, chúng ta có khả năng đạt được sự phát triển và tự do một cách bền vững. Đối với lĩnh vực này, nền kinh tế thị trường không đặc biệt quan tâm miễn là các hoạt động hoặc cam kết được cho phép về mặt pháp lý.

*Mục tiêu phát triển* còn được gọi là *Mục tiêu toàn cầu* là một chủ đề đã có từ lâu trên môi của rất nhiều người. Chủ đề này đã xuất hiện từ thời đại cách mạng công nghiệp mặc dù chủ yếu chú ý đến sự phát triển của nền kinh tế về tăng trưởng công nghiệp, sản xuất, tiêu dùng cũng như sự tiến bộ của công nghệ.

Một giáo lý sống còn khác của Phật giáo là đức tính vô ngã vị tha. Khi thị trường có xu hướng tự coi mình là thực thể hoạt động, giáo lý Phật giáo về tự phát sinh cho rằng, thực thể đó không thể tồn tại độc lập đối với các điều kiện và yếu tố khác. Hạnh phúc của hiện tại, quá khứ và tương lai là chuỗi tương tác và liên lệ không thể tách rời. Tuy nhiên, khác với khái niệm nhân quả một chiều theo đường thẳng của Tây phương, thuyết Duyên khởi của Phật giáo khẳng định có vô số điều kiện hỗ tương phát sinh và đặc biệt chú ý đến mối tương tác đặt nền tảng trên phương tiện thiện xảo vốn là yếu tố mang lại hiệu quả trong việc cung cấp giải pháp cho các vấn đề phát triển bền vững. Điều đáng chú ý là, có một số yếu tố đã vắng mặt trong quá trình phát triển bền vững có thể quan trọng hơn các khía cạnh được chú ý – một trong những chiều kích rất quan trọng là tinh thần và tâm trí con người.

Đối với lưu ý đó, bài viết này sẽ nhấn mạnh vào việc thể hiện chiều kích của tâm trí và tinh thần con người như một yếu tố thúc đẩy rất quan trọng cho sự phát triển bền vững cũng như điểm khởi đầu cho sự thay đổi rất cần thiết của thế giới. Dựa trên thực tế, tinh thần của con người vô cùng quan trọng khi liên quan đến thành

tích của bất cứ điều gì và là một yếu tố hết sức quan yếu không thể không có. Tất cả mọi thứ được gọi là hạnh phúc và mãn nguyện trên thế giới đều thiết lập trên cơ sở của tinh thần và tâm trí của con người. Như một vấn đề thực tế, theo các nguyên tắc và thực hành của Đức Phật, sự phát triển bền vững và toàn diện chỉ có thể đạt được khi hạnh phúc thật sự có mặt bên trong tâm thức của con người.

Yếu tố quan trọng khác không thể bỏ qua trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững là giáo dục và đào tạo. Tâm trí và tinh thần của con người cần được giáo dục và đào tạo sâu rộng về các khía cạnh khác nhau liên quan đến hạnh phúc và sự hài lòng cũng như sự bền vững theo quan điểm của Phật giáo. Con người phải thật sự từ bi vì từ bi vốn là hạt nhân tạo nên hạnh phúc và an lạc cho cuộc sống, đồng thời có ý thức làm chủ tâm thức của mình để học hỏi kịp thời nhằm đạt được sự thành công và phát triển bền vững. Với lý tưởng siêu việt này hầu như đã không được chú ý trong khung *Mục tiêu Phát triển Bền vững* do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc soạn thảo, do vậy các mục tiêu dường như khó đạt được khi nhìn từ một góc độ hoàn toàn khác.

### **Giáo dục là mục tiêu phát triển bền vững**

Ngành giáo dục trên toàn thế giới hiện vẫn đang bị tụt lại phía sau với hơn 50% thanh thiếu niên và trẻ em đi học trên toàn thế giới không thể đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về trình độ cả về toán và đọc. Tệ hơn nữa, theo

UNESCO, năm 2016 hơn 263 triệu trẻ em và thanh thiếu niên trên toàn thế giới không được đến trường với 22% trong số này ở độ tuổi tiểu học. Nhìn chung, ngành giáo dục ở nhiều quốc gia đang trong tình trạng đáng tiếc do một số vấn đề liên quan đến công bằng vì trẻ em nông thôn không có cơ hội giáo dục như ở thành thị, đặc biệt là điều kiện trường học kém cũng như thiếu giảng viên và giáo viên được đào tạo đầy đủ. Cần phải tập trung lại các nỗ lực để nâng cao chất lượng giáo dục ở rất nhiều quốc gia vì có nhiều bất bình đẳng sâu rộng trong ngành giáo dục dọc theo tuyến đường của vị trí thành thị, nông thôn, giới tính cũng như nhiều khía cạnh khác. Cần có thêm các khoản đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nhiều hơn cho các nước phát triển thấp.

Nền tảng để tạo ra sự phát triển bền vững là chất lượng giáo dục. Về việc soạn thảo *17 Mục tiêu Phát triển Bền vững*, một số quốc gia và Hoa Kỳ đã đề ra một trong nhiều cơ quan đó là Tổ chức Khoa học và Văn hóa Giáo dục Liên Hợp Quốc, đi đầu trong việc thúc đẩy giáo dục vì sự phát triển bền vững, đóng vai trò hợp lý hóa và điều phối các ngành giáo dục của tất cả các nước thành viên trong nỗ lực xóa bỏ nghèo đói thông qua chương trình nghị sự giáo dục 2030. Giáo dục là một yếu tố cực kỳ quan trọng được coi là **Mục tiêu 4** trong các *Mục tiêu Phát triển bền vững* với mục đích bảo đảm toàn diện cũng như giáo dục chất lượng công bằng bên cạnh việc thúc đẩy cơ hội học tập miên viễn cho tất cả mọi người. Theo sau mục tiêu này là một số mục tiêu khác liên quan đến giáo dục cũng như các chỉ số sẽ cho thấy việc đạt được các mục tiêu dẫn đường.

Đã có một tiến bộ to lớn đối với thành tựu phổ cập về giáo dục tiểu học kể từ năm 2000. Tổng số trẻ em ở trường tiểu học tại các khu vực đang phát triển đã tăng lên 91% trong năm 2015 và, tổng số trẻ em trong độ tuổi đến trường không đi học trên thế giới giảm gần 50%. Trong số những thành công đáng chú ý trong ngành giáo dục cũng như các mục tiêu phát triển bền vững được quan tâm là tỷ lệ biết đọc, biết viết đã tăng lên đáng kể và, số lượng nữ sinh trẻ trong các trường học đã tăng lên mức cao hơn bao giờ hết.

Mặc dù *Mục tiêu số 4* liên quan đến thành tựu giáo dục phổ cập trên toàn thế giới gần đạt được, nhưng tốc độ chậm đạt được các mục tiêu khác đang đặt ra thách thức đối với thành tựu của nó. Ví dụ, vẫn còn một số khu vực trên thế giới nơi mức nghèo đói vẫn còn cao đã có những xung đột vũ trang giữa các trường hợp khẩn cấp khác như thực phẩm và hạn hán. Những điều này đã làm cho sự tiến bộ của giáo dục phải đối mặt với những thách thức lớn; đặc biệt là ở các khu vực đang phát triển trên thế giới. Một ví dụ điển hình là các cuộc xung đột vũ trang đang diễn ra ở Tây Á, ở Somalia và phía bắc châu Phi đang gây ra sự gia tăng số trẻ em trong độ tuổi đi học phải nghỉ học. Đây là một xu hướng rất bất nhẫn.

Ở châu Phi cận Sahara, có một sự tiến bộ đáng kể về số lượng trẻ em ở trường tiểu học trên khắp các nước đang phát triển – con số tăng lên 78% vào năm 2012 từ 52% vào năm 1990. Mặc dù trước tiến bộ rất đáng khích lệ nhưng sự chênh lệch vẫn còn tồn tại giữa người nghèo và sự phong phú, giữa thành thị và nông thôn, giữa nam

và nữ... Có nhiều khả năng trẻ em từ các gia đình nghèo bỏ học hoặc hoàn toàn không đi học so với trẻ em từ các gia đình giàu có khác.

Thành tựu về chất lượng giáo dục và công bằng cho tất cả đã khẳng định được niềm tin rằng, trong số các phương tiện đã được chứng minh mà mạnh mẽ nhất là thúc đẩy sự phát triển bền vững, đó chính là giáo dục và đào tạo. Làm sao để có thể bảo đảm được rằng, vào năm 2030, mọi trẻ em và thanh thiếu niên trên thế giới đều hoàn toàn miễn phí đối với chương trình giáo dục ở cấp tiểu học và trung học, đồng thời, bình đẳng trong việc tiếp cận đào tạo nghề nghiệp cũng như san bằng hố cách biệt giữa giàu – nghèo và giới tính, đồng lúc tạo điều kiện tiếp cận với chương trình giáo dục đại học có chất lượng cao. Do đó, giáo dục là một trong những chương trình nghị sự toàn cầu hết sức quan trọng tạo nên chương trình nghị sự cho sự phát triển bền vững vào năm 2030.

Giáo dục chịu trách nhiệm kết nối mọi thành phần từ các nền văn hóa, tôn giáo và khu vực khác nhau trên thế giới. Điều này đóng vai trò chủ đạo trong việc đạt được các mục tiêu khác như hòa bình, thịnh vượng, an lạc v.v... đặc biệt là trong thế giới kỹ thuật số và, có thể thúc đẩy các cơ hội cho những thiếu nam và thiếu nữ thăng tiến như ý nguyện nhằm giảm thiểu tối đa sự chênh lệch không đáng có.

Mục đích của Giáo dục Phật giáo là nhằm thăng hoa tính cách của con người ở dạng cao nhất có thể, cho dù là sự hoàn thiện về thể chất, tinh thần, trí tuệ hay đạo

đức. Đó là lý do tại sao chúng tôi quan niệm rằng, Phật giáo dựa trên các nhu cầu cơ bản của hầu hết mọi sinh vật trên trái đất để khai dụng đúng mức dụng lực của Bồ đề tâm.

Mục tiêu chính của giáo dục Phật giáo là có được trí tuệ song hành với các Mục tiêu phát triển bền vững, điều này có nghĩa là đối với mỗi Mục tiêu trong 17 Mục tiêu, trí tuệ đóng vai trò chủ yếu cho dù là trí tuệ học thuật hay trí tuệ phổ quát.

## CHƯƠNG 8

# MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

Trí tuệ Phật giáo từng được gọi là Anuttara-Samyak-Sambhodi trong ngôn ngữ Ấn Độ cổ. Những lời dạy của Đức Phật dựa trên thực tế đối với mọi đối tượng chính là trí tuệ này. Mục tiêu chính của giáo dục Phật giáo là tạo ra một đứa trẻ được phát triển toàn diện về nhân cách. Đây có thể là sự phát triển đạo đức, thể chất, trí tuệ và tinh thần được hiểu là Từ bi và Tuệ giác siêu việt. Làm cho một con người khôn ngoan, đạo đức, hài hòa và không bạo lực là một trong những mục tiêu khác của giáo dục Phật giáo. Một cá nhân như vậy sẽ có thể huy động và giúp đỡ trong việc đạt được nền giáo dục phổ cập trên toàn thế giới, từ đó đạt được giáo dục phổ cập cho mọi trẻ em trong mọi độ tuổi. Tiêu chí Giáo dục của Phật giáo là nhằm giúp mang lại hòa bình cho thế giới nhân loại. Hòa bình tạo điều kiện cho một môi trường học tập tốt mà qua đó giáo dục đạt được mục đích tối



hậu. Những nơi không có hòa bình, giáo dục bị thách thức khá cao. Đức Phật dạy, hòa bình được mang lại từ sáu điểm chủ yếu mà thuật ngữ Phật giáo gọi là Lục Hòa kính: Thân hòa đồng trú, Khẩu hòa vô tránh, Ý hòa đồng duyệt, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải và Lợi hòa đồng quân.

Giáo dục Phật giáo đã không phải chỉ có Bát Chánh Đạo: chánh Kiến, chánh Tư duy, chánh Ngữ, chánh Nghiệp, chánh Mạng, chánh Tinh Tấn, chánh Niệm và chánh Định mà còn nhiều pháp môn khác trong đó có những phương pháp cụ thể đó là Tứ Nhiếp Pháp (Catuh-samgraha-vastu) gồm Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự và, rộng hơn, đó là Lục Độ ba la mật (Six pàramità). Giáo dục Phật giáo là mô hình giáo dục rất rộng và đang có sẵn cho nhiều thành phần trên khắp thế giới - một hệ thống giáo dục nhằm phục hồi bản chất bên trong của con người. Giáo dục Phật giáo đặc biệt tạo bình đẳng cho tất cả mọi người vì Đức Phật dạy rằng, mỗi loài, mỗi người đều có Phật tánh như nhau. Với sự khôn ngoan tiếp nhận được từ nền giáo dục của Phật giáo, mọi người đều có khả năng tự giải quyết những vấn nạn của chính mình, do đó, bất kỳ đau khổ hoặc bất đồng nào cũng có thể được chuyển thành hòa hợp, hạnh phúc, giải thoát và an lạc.

## **Phật giáo và giáo dục**

Như đã đề cập, cần phải sắp xếp lại các hoạt động và chiến lược được thiết lập để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững hướng tới quan điểm tinh thần và tâm linh

của con người. Hệ thống giáo dục của Phật giáo nhằm mục đích biến đổi tính cách của một cá nhân thành hình thức cao nhất thông qua sự hoàn thiện về đạo đức, tinh thần và trí tuệ. Do đó, ba nguyên tắc hoàn thiện cuộc sống của con người hoàn toàn không có gì để nghi ngờ. Hướng dẫn một cá nhân vượt qua hạnh phúc trần tục đạt đến cảnh giới giác ngộ giải thoát, an lạc đó là thành tựu cao nhất mà chúng ta đều khao khát. Chỉ thông qua điều này, những thành quả thực sự của các mục tiêu sẽ đạt được và trở thành hiện thực hóa. Đức Phật đã đưa ra một mô hình giáo dục cho thấy rõ ràng rằng, tâm trí và trái tim của một người không thể tách rời nhau. Đây là nền tảng của giáo dục có thể hướng đến để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Do đó, hệ thống giáo dục của Phật giáo dựa trên nhu cầu chính của tất cả mọi người, mọi loài mà nền tảng cốt lõi của hệ thống giáo dục này chính là Từ bi và Trí tuệ.

## **Mục tiêu của giáo dục Phật giáo**

Hệ thống giáo dục Phật giáo là sự thành tựu trí tuệ tối thượng. Trong tiếng Phạn, ngôn ngữ của Ấn Độ cổ đại, trí tuệ của Phật giáo được gọi là Anuttara-Samyak-Sambhodi, có nghĩa là trí tuệ hoàn hảo, là tối thượng. Mục tiêu chính của Giáo lý Phật giáo là thực hành và bảo đảm để chúng ta đạt được trí tuệ tối thượng. Do đó, mục tiêu chính của hệ thống giáo dục Phật giáo là bảo đảm sự phát triển toàn diện về nhân cách của một đứa trẻ. Sự phát triển bao gồm phát triển thể chất, phát triển đạo đức, phát triển tinh thần và phát triển trí tuệ. Hệ

thống giáo dục Phật giáo cũng bảo đảm tự do của một cá nhân đồng lúc với sự bảo đảm của trí tuệ và đạo đức.

Từ thiện đã được thể hiện khi hệ thống giáo dục Phật giáo được mở ra cho tất cả mọi chủng tộc. Hệ thống giáo dục của Phật giáo như đã được nhấn mạnh là nhằm đạt được bản chất tối hảo bên trong. Nó cũng nhấn mạnh vào sự bình đẳng hoàn toàn dựa trên sự thừa nhận bởi những lời Phật dạy, qua đó giúp chúng ta nhận ra trí tuệ bẩm sinh – bản hữu, hoàn hảo và tối thượng. Theo Mukherjee, do đó, trí tuệ là cần thiết trong việc giải quyết các vấn đề mà chúng ta đang trực diện, nhờ vậy có được một cuộc sống thật sự hạnh phúc và an lạc. Trong thời đại của Đức Phật, giáo dục được đánh giá cao và mục đích chính của giáo dục là phục vụ tha nhân trên căn bản của từ bi và trí tuệ như một cách để đạt được tự tại, hỷ lạc. Trong thời kỳ đầu, hệ thống giáo dục của Phật giáo chỉ giới hạn trong các thành viên của các tu viện, nhưng sau đó đã được mở rộng cho tất cả mọi thành phần. Hệ thống giáo dục hiện đại của Phật giáo đã trở nên rất cởi mở đối với mọi người thuộc mọi chủng tộc một cách bình đẳng, vô phân biệt. Hệ thống giáo dục Phật giáo đã tạo ra một thay đổi lớn trong xã hội khi nó mở ra nền giáo dục cho tất cả mọi chủng tộc, văn hóa, tôn giáo...

Giáo lý cốt lõi của Phật giáo được hình thành từ ba trụ cột chính: Giới, Định và Tuệ trong đó trí tuệ là mục tiêu chủ yếu của thiền trong quá trình thiền quán để đạt được tuệ giác. Mục tiêu tối hậu đối với Phật giáo là triệt tiêu vô minh, vì vô minh là nguyên nhân chính khiến

mọi loài đau khổ. Ý thức giáo dục trong hệ thống Phật giáo nhằm loại bỏ khỏi tâm trí của các quan điểm của sinh viên không phải là cơ sở và đối tượng được hình thành bởi vô minh mà chính là vô minh. Theo Halliwell, những nội dung về ý tưởng khái niệm này được tạo ra từ sự thờ ơ là việc không thể chối cãi được. Biến kế sở chấp (parikalpita) khi xung đột với sự thờ ơ của bản sinh đó là một trong những khái niệm của người Viking hoặc là người không có nhận thức.

Người ta luôn cho rằng, một sinh viên tốt nghiệp văn bằng trở thành một điều rất quan trọng trong xã hội, do đó cần tận dụng lợi thế của giá trị bổ sung này. Giá trị hệ thống giáo dục hiện đại cho thấy một ý tưởng trong một bản thân thực sự và bất diệt. Một người có thể vượt trội và sống một cuộc sống hạnh phúc nhờ giáo dục. Thành công trong các hệ thống giáo dục phương Tây được xác định dựa trên số tiền mà một tổ chức đó có, số lượng sinh viên tham gia các khóa học và số tiền mang lại cho tổ chức để nhận sự tài trợ cho công trình nghiên cứu. Chất lượng chương trình giảng dạy đối với việc học tập không được xem xét trên toàn thế giới. Do đó, hệ thống giáo dục trở nên chi phối hơn bởi sự xem xét của thị trường, nơi mà công việc học tập được đo lường về sự hài lòng của khách hàng.

Theo Ernest Chi-Hin, xã hội hiện đại nhấn mạnh rất nhiều vào các sinh viên để có được một số mục tiêu chính xác trong cuộc sống như một thứ hạng xã hội tốt. Những kỳ vọng chung luôn ảnh hưởng đến sinh viên khi họ bị thu hút trong giáo pháp. Quan điểm giáo dục hiện

đại có thể được đối trọng bằng cách nhấn mạnh việc sử dụng các kỹ năng truyền thống của Phật giáo. Sự tiến bộ trong đào tạo đạo đức, trí tuệ và sự tập trung cao hơn có thể được đo lường bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn định lượng của giáo dục hiện đại.

Thông qua việc nhấn mạnh vai trò của hệ thống giáo dục Phật giáo là phương tiện kỹ năng, các sinh viên có thể được bảo vệ khỏi bị lợi dụng và thuyết phục họ tận dụng tốt hơn cơ hội học tập của mình với tất cả khả năng tuyệt vời nhất. Hệ thống giáo dục đã phát triển trong nền tảng của các nguyên tắc cơ bản. Giáo dục nhấn mạnh chủ yếu vào hành vi đạo đức, tăng trưởng về tinh thần, trí tuệ và thể chất trong việc chuyển hướng học sinh theo hướng của Tăng Đoàn (Sangha rules).

### **Hệ thống giáo dục hiện đại theo quan điểm Phật giáo**

Giáo dục hiện đại phần lớn là mô hình giáo dục chính thức đòi hỏi rất nhiều thứ khác bao gồm nhiều bài kiểm tra, học phí cũng như những cuốn sách tốn kém về tiền bạc. Trong thời hiện đại, sinh viên tốt nghiệp đại học quan tâm nhiều hơn đến địa vị xã hội mà họ có được cũng như lợi ích tài chính đi kèm với nghề nghiệp mà họ đã học hỏi. Một cách đại khái, skilling đã biến thành một thứ được cho là đào tạo nghề nghiệp trong đó công nghệ, khoa học và chủ nghĩa tư bản được xem như một trật tự thế giới mới và ít mang lại ý nghĩa cho nhiệm vụ tâm linh. Trên toàn cầu, mục đích của giáo dục đã thay

đổi rất nhiều kể từ cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XIX khi thiếu nguồn cung lao động và đã để lại một bối cảnh tinh thần giáo dục cũng như các mối quan tâm đạo đức đi kèm với thực tiễn của một số lĩnh vực nghề nghiệp nhất định. Có lẽ, hệ thống giáo dục mới chủ yếu chịu ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ và kinh tế khác nhau đã khiến một người khó có thời gian chú ý đến phần nhân văn của giáo dục. Một ví dụ rõ ràng cho điều này là vào năm 1996, chính phủ Hoa Kỳ đã phân bổ ngân sách khổng lồ 1,3 tỷ đô la cho NASA trong khi nghiên cứu nhân văn chỉ được phân bổ là 147 triệu đô la. Rõ ràng, điều này cho thấy giáo dục nhân văn không được coi là quan trọng.

Theo Halliwell, giáo dục chính thức đã thay đổi và để lại những đường lối khai sáng thành một cách để giảm bớt tình trạng tài chính và xã hội của người đó. Để ai đó có thể có được một cuộc sống mang tính vật chất; có thể mua mọi thứ mình muốn, người đó phải cạnh tranh cả trong công việc lẫn ở học đường. Trên một nốt nhạc buồn, người ta chỉ còn ít hoặc không có thời gian để tự mình giác ngộ, đồng thời phát triển nội tâm là nguồn gốc của tình thương yêu, sự hiểu biết và lòng trắc ẩn. Từ quan điểm của Phật giáo, các sinh viên được dạy bởi hệ thống giáo dục ngày nay đã được hướng dẫn cách tìm ra lỗi lầm không chỉ trong xã hội bởi những người khác mà còn bao gồm những chi phí cho việc tự xem xét lại. Hệ thống giáo dục ngày nay đã thất bại trong việc giáo dục người học cách tỉnh thức, chu đáo, tinh thần trách nhiệm cao, nhạy cảm và, vì lý do đó, đã thay đổi từ việc

trở thành một nhân cách của một con người vĩ đại, thánh thiện thành một quá trình đơn thuần đôi khi biến thành vô cảm.

Với mô hình giáo dục này, sinh viên cũng như toàn thế giới quan tâm nhiều hơn đến cách sống vật chất cũng như tìm ra lỗi lầm mà không tìm ra giải pháp lâu dài. Theo cách đó, có thể hệ thống giáo dục sẽ không thể dẫn dắt thế giới đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững và đồng thời ngay cả khi nhận ra, có thể không giải quyết được các vấn đề lớn của thế giới. Cần lưu ý rằng, một hệ thống giáo dục mới nên tập trung vào nội tâm trong nỗ lực trau dồi các khái niệm Phật giáo căn bản.

## **Kết luận**

Tóm lại, chúng ta không thể xa rời tầm quan trọng của giáo dục trong việc hoạch định chiến lược và hợp lý hóa việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững là các mục tiêu do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đặt ra vào năm 2015 và sẽ đạt được hoặc đạt được trong khoảng thời gian 15 năm nhằm tạo nên chương trình nghị sự 2030. Các mục tiêu nhằm mục đích đưa nghèo đói trên phạm vi toàn cầu đến giai đoạn chấm dứt, bảo vệ môi trường bên cạnh việc bảo đảm rằng, cả hòa bình và thịnh vượng đều được mọi người trên thế giới đạt được và hưởng thụ một cách bình đẳng bất kể địa vị xã hội của họ như thế nào. Giáo dục là Mục tiêu 4 (Quality Education) trong 17 Mục tiêu là yếu tố quan trọng không chỉ là mục tiêu cần phải đạt

được mà còn là động lực để đạt được bằng cách đóng các vai trò khác nhau trong việc tạo thêm việc làm, nâng cao năng suất cho tất cả mọi người và cuối cùng là, nâng cao khả năng thực hiện và hiện thực hóa hợp phần cho Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Hệ thống giáo dục Phật giáo là sự thành tựu trí tuệ tối thượng. Cần phải thành tựu trí tuệ, có nghề nghiệp lương thiện có thể sinh sống và mua tất cả nhu yếu phẩm mà họ mong muốn trong tinh thần thiếu dục, tri túc; đặc biệt tập trung vào việc phát triển nội tâm như một biện pháp kích hoạt lòng trắc ẩn, tình thương yêu và sự hiểu biết. Theo cách này, nhiều vấn đề hiện đang gây đau đầu cho thế giới sẽ được giải quyết một cách thực chất và sự phát triển sẽ đạt được nhưng đạt được một cách bền vững.

Giáo lý Phật giáo bảo đảm rằng, chúng ta sẽ đạt được trí tuệ tối thượng qua việc dụng công hành trì Phật pháp. Do đó, mục tiêu chính của hệ thống giáo dục Phật giáo là bảo đảm sự phát triển toàn diện về nhân cách của một đứa trẻ và cao hơn, đó là giúp con người đạt được sự giác ngộ; giải thoát mọi đau khổ và có khả năng giải thoát mọi khổ đau cho muôn loài chúng sanh. Vì thế, nền giáo dục của Phật giáo chính là nền giáo dục toàn diện và Toàn Giác.





## CHƯƠNG 9

# LỊCH SỬ THÀNH LẬP HỆ THỐNG TRƯỜNG PHẬT PHÁP Ở SRI LANKA

### **Công Đức Về Giáo Dục Của Nhà Sáng Lập Hội Thông Thiên Học Henry Steel Olcott**

Trong năm 1880, ông Henry Steel Olcott là người Mỹ đầu tiên đã quy y Tam Bảo tại một ngôi chùa ở Sri Lanka. Ông đã có công đức lớn lao khi giúp cho Phật Giáo Sri Lanka hồi sinh và phát huy, sau gần 300 năm quốc gia này bị thực dân Âu Châu cai trị và khiến cho Phật Giáo suy yếu. Trong tháng Hai năm 2009, nhân dịp kỷ niệm năm thứ 102 ngày ông Olcott từ trần, một nhật báo ở Sri Lanka đã viết về ông với những lời ca ngợi nhiệt thành như sau:

*“Ông Olcott đã hò hét để đánh thức một quốc gia đang ngủ say và không còn đủ sinh lực để tỉnh dậy. Ông*

*là người đi tiên phong đã giúp Phật Giáo Sri Lanka phục hồi địa vị xứng đáng, đồng thời cũng là nhà canh tân đã thúc đẩy chính phủ thực dân Anh hãy coi ngày Phật Đản là ngày lễ của quốc gia. Ông là người đã giúp thiết kế lá cờ Phật Giáo ngũ sắc được Phật Tử khắp thế giới công nhận.”*

### **Thiết Lập Hệ Thống Trường Phật-Pháp**

Ông Olcott xét rằng, tiến trình canh tân và hiện đại hóa giáo dục là biện pháp hữu hiệu nhất để giúp cho Sri Lanka hồi sinh và phát triển trong mọi lãnh vực. Vì vậy, sau khi đến Sri Lanka từ Ấn Độ trong năm 1880, ông giúp thành lập những cơ sở giáo dục trên toàn quốc, trong số đó có trường cao đẳng bậc đại học nổi tiếng Ananda College. Ông có tinh thần phóng khoáng về tôn giáo, với câu châm ngôn: *“Chân lý chính là tôn giáo cao quý nhất.”* (*“The best religion is nothing but the truth.”*)

Trước khi sang Ấn Độ, rồi sang Sri Lanka, ông Olcott đã hợp tác với bà Helena Blavatsky để thành lập Hội Thông Thiên Học ở New York vào năm 1875.

Do ảnh hưởng từ phong trào phục hưng Phật Giáo, có hai đoàn thể Phật Giáo quan trọng đã được thành lập ở Sri Lanka. Đó là Tổ Chức Trường Học Chủ Nhật (Sunday School Organization) và Hội Thanh Niên Phật Giáo Colombo (Colombo Young Men’s Buddhist Association). Cả hai đoàn thể này đều có những mục tiêu và chí hướng tương tự. Đó là giúp cho các thành

viên gia tăng kiến thức về Phật Pháp, chủ trì những cuộc thảo luận về Phật Giáo, để họ sẽ cố gắng áp dụng lối sống phù hợp với những giáo lý của Đức Phật. Khi Hội Thanh Niên Phật Giáo Colombo phát triển và tăng thêm nhiều hội viên, các Trường Chủ Nhật đã rút kinh nghiệm từ những chương trình học của Hội đó để mở thêm nhiều chi nhánh.

Ông Olcott đã có liên hệ thân thiết với nhiều bậc cao tăng trong Tăng Đoàn Sri Lanka và, chính ông thường đi thăm nhiều nơi trong nước, cho nên ông hiểu rõ và thông cảm về những hoàn cảnh khó khăn của dân chúng. Ông nhận thức về sự cần thiết phải cung cấp cho thanh thiếu niên Phật tử một môi trường thích ứng để phát triển và thăng tiến. Vì vậy, vào Mùa Hè năm 1880, ông đã thành lập Hội Thông Thiên Học Phật Giáo Colombo (Colombo Buddhist Theosophical Society) – ông đã thêm từ-ngữ “Phật Giáo” vào danh xưng của chi nhánh Hội Thông Thiên Học này.

Ông tin tưởng rằng, tương lai thịnh vượng của quốc gia Sri Lanka sẽ tùy thuộc vào trình độ học thức và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội của giới thanh thiếu niên. Do đó, ông đã mua một tòa nhà lớn trong thành phố Colombo (thủ đô thương mại của Sri Lanka) để dùng làm trụ sở của Hội Thông Thiên Học Phật Giáo Colombo và, đồng thời cũng dùng làm trường học chuyên dạy Anh ngữ cho thanh thiếu niên Phật tử. Hiệu trưởng của trường này là một giáo sư người Anh giàu thiện chí chủ trương cung cấp giáo dục miễn phí cho tới khi ông rời khỏi chức hiệu trưởng trong năm 1889.

Sau năm 1889, vị hiệu trưởng người Anh kế tiếp thấy rằng, số học sinh gia tăng nhanh chóng, cho nên ông đã dời ngôi trường tới địa điểm mà sau đó trở thành Trường Cao Đẳng Ananda College – đây là một trong những cơ sở giáo dục bậc đại học tân tiến nhất của Sri Lanka. Nhờ viễn kiến nhìn xa trông rộng và trí huệ thông thái của ông Olcott vì thế mà Hội Thông Thiên Học Phật Giáo Colombo đã giúp thành lập thêm 460 trường Phật Giáo trên toàn quốc, trong số đó có những trường bậc đại học hàng đầu, như Ananda, Nalanda, Dharmapala, Dharmaraja, Visakha, và Musaeus College (đây là cơ sở giáo dục nổi tiếng của Sri Lanka dành riêng cho nữ học sinh và nữ sinh viên).

Các trường đại học đó đã giúp đào tạo nhiều nhà lãnh đạo và chuyên gia tài giỏi cho Sri Lanka và cho một số quốc gia Phật Giáo đã gửi sinh viên đến du học.

Trong tháng 12 năm 1919, một hội nghị bao gồm những đoàn thể Phật Giáo trên toàn quốc Sri Lanka được triệu tập tại trường đại học Ananda College. Hội nghị đã đúc kết và thông qua hai quyết nghị quan trọng đó là:

Bắt đầu thành lập một Giáo Hội Phật Giáo Tích Lan. Hậu thân của tổ chức này vẫn còn tồn tại cho tới nay.

Từ đó trở đi, Hội Thanh Niên Phật Giáo sẽ đảm nhiệm tất cả những kỳ thi Sát Hạch Đạo Pháp (Dhamma Examination).

Kỳ thi Sát Hạch Đạo Pháp đầu tiên được tiến hành trong năm 1920. Có 27 Trường Đạo Pháp trên toàn

quốc đã gửi 374 thí sinh dự thi. Tiến trình điều hành kỳ thi đầu tiên đó đã thành công tốt đẹp. Vì vậy, Hội Thanh Niên Phật Giáo cảm thấy hoan hỷ và họ quyết định sẽ mở những kỳ thi như vậy mỗi năm một lần. Sau đó, chính phủ đề nghị Hội Thanh Niên Phật Giáo hãy mở những kỳ thi Sát Hạch Đạo Pháp ở trình độ cao, dành cho những thầy giáo đảm nhiệm những lớp học Đạo Pháp và, từ năm 1926, đã có những kỳ thi sát hạch thường xuyên như vậy.

Hệ thống Trường Phật Pháp đã dần dần phát triển trên toàn quốc và lên tới cao điểm vào giữa thế kỷ 20. Trong năm 1957, đã có đến 172,349 thí sinh trên toàn quốc tham dự kỳ thi Sát Hạch Đạo Pháp và, có 1658 thí sinh tham dự kỳ thi tuyển giáo sư chuyên dạy Phật Pháp. Trong thời gian đó, một học sinh được quyền theo học trong các Trường Phật Pháp cho tới tuổi 23 và, được quyền theo học mỗi lớp 2 niên khóa liên tiếp. Mỗi niên khóa học sinh được giáo huấn từ nội dung của 5 cuốn sách giáo khoa bao gồm những kinh điển. Trong số đó, họ cần phải học và nghiên cứu trọn bộ luận *Abhidhammattha Sangaha* (Thắng Pháp Tập Yếu Luận).

Bộ luận uyên thâm này đã được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali sang tiếng Việt và do Viện Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn xuất bản năm 1973, với nhan đề là “*Thắng Pháp Tập Yếu Luận*”. Sau đây là một đoạn trong “*Lời Nói Đầu*” của bản dịch đó:

“*Văn học Abhidhamma (Thắng-Pháp hay Vi-Diệu Pháp) có thể xem là môn Tâm Lý Học của Phật giáo*

vì bốn vấn đề được đem ra giải thích cặn kẽ hoàn toàn thuộc về con người và đặc biệt là phần tâm thức. Bốn pháp được đề cập là Citta (tâm), Cetasika (tâm sở), Rùpa (Sắc) và Nibbàna (Niết bàn). Tâm, Tâm sở, Niết bàn dĩ nhiên thuộc về tâm thức, nhưng Sắc pháp ở đây nói nhiều về thân thể con người và sự liên lạc giữa thân thể ấy với tâm thức. Đạo Phật không bao giờ tách rời Tâm và Sắc vì cả hai đều tương quan liên đới. Chia sẻ theo 2 pháp thời Nàma (danh) thuộc về Tâm pháp và Rùpa (Sắc) thuộc về Sắc pháp. Nói đến 5 Uẩn, thời Rùpakkhandha (Sắc uẩn) thuộc về Sắc pháp còn 4 Uẩn còn lại thuộc về Tâm pháp v.v...”

“Điểm nổi bật trong môn học này là sự phân tích rất tinh tế và tỉ mỉ các tâm và tâm sở. Quyển Abhidhamma này là quyển sách căn bản cho những ai muốn ham học tạng A Tỳ Đàm, và có thể được xem là chìa khóa độc nhất mở cửa cho chúng ta vào tham cứu 7 tập Abhidhamma chính thống này.”<sup>1</sup>

Sau khi những tập sách giáo khoa về Phật Pháp mới biên soạn được xuất bản, chúng hấp dẫn các giới học sinh, sinh viên và phụ huynh; vì vậy, sĩ số tại các Trường Phật-Pháp gia tăng nhanh chóng. Trong vòng 10 năm – từ cuối thập niên 1950 tới cuối thập niên 1960 – sĩ số trong hệ thống Trường Phật-Pháp toàn quốc đã tăng từ 172,349 lên tới gần 1 triệu.

Đa số những học sinh Phật Tử đi học trong các trường phổ thông – không thuộc hệ thống Trường Phật-

1 <https://thuvienhoasen.org/p19a3011/loi-noi-dau-tap-mot>

Pháp – thường được phụ huynh cho đi học thêm những lớp dạy giáo lý tại các chùa địa phương tối thiểu mỗi tuần 1 buổi.

Mỗi quyển trong bộ sách giáo khoa mới xuất bản bao gồm ba mươi bài học. Mỗi bài học được giảng trong thời gian 60 phút hoặc 90 phút. Trong hệ thống Trường Phật-Pháp, ngoài thời gian học Phật Pháp, trong thời gian còn lại thì học và sinh viên được giáo dục về nhiều môn khác, như rèn luyện nhân cách và đạo đức, về những giá trị tinh thần trong đời sống, nghiên cứu tiểu sử các nhân vật xứng đáng được theo gương.

Các chuyên gia ngành sư phạm Phật Giáo nhận định rằng, để đào tạo những thế hệ công dân đạo đức và hữu ích cho xã hội, giáo dục Phật Giáo cần phải chú trọng vào năm điểm chỉ đạo phù hợp với Phật Pháp sau đây:

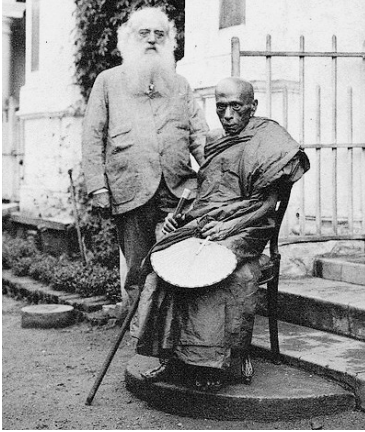
1. Khuyến khích thường xuyên thọ trì ngũ giới và thọ trì bát giới vào ngày rằm mỗi tháng.
2. Hãy luôn luôn kính trọng chư tăng ni, cha mẹ và những người lớn tuổi trong gia đình.
3. Cố gắng thực hành lối sống đơn giản trong bầu không khí thân thiện với tất cả mọi người.
4. Nỗ lực bồi dưỡng tinh thần kỷ luật cao và luôn luôn ghi nhớ những điểm thiết yếu trong Phật Pháp.
5. Nuôi dưỡng một thế hệ thiếu niên thấm nhuần Phật Pháp, đồng thời có tinh thần ái quốc cao và yêu quý ngôn ngữ của dân tộc.

Trong đầu thế kỷ 21, ở Sri Lanka có tổng cộng khoảng 4,000,000 học sinh và sinh viên. Trong số đó



có khoảng 2,600,000 người là Phật tử; nhưng chỉ có khoảng 1,300,000 người theo học trong những Trường Phật-Pháp – các giới chức Phật Giáo tin tưởng rằng con số này sẽ gia tăng đáng kể trong tương lai.

### HÌNH PHỤ CHÚ



Tăng-Thống Hikkaduwe Sri Sumangala Thera và Đại tá Henry Steel Olcott ở Colombo năm 1889.



Tượng ông Henry Olcott trong khuôn viên một trường đại học ở Sri Lanka

## CHƯƠNG 10

# ĐẠI-TÁ HENRY STEEL OLCOTT THÀNH LẬP TRƯỜNG PHẬT GIÁO Ở ẤN ĐỘ VÀ SRI LANKA

### **Tiểu Sử Đại-Tá Henry Steel Olcott**

Đại Tá Henry Steel Olcott là người Mỹ sinh trưởng trong thế kỷ 19, nhưng ngày nay ông được toàn dân Sri Lanka tôn sùng như là một vị anh hùng dân tộc, trong khi chỉ có một ít người Mỹ biết đến ông.

Mỗi năm, vào ngày 17 tháng 2, có những nhóm Phật tử trang phục toàn màu trắng tụ họp và lặng lẽ đi tuần hành trên Đại Lộ Olcott ở trung tâm thủ đô Colombo của Sri Lanka, để tưởng niệm ngày từ trần của vị Đại Tá đã từng chiến đấu trong quân đội liên bang trong cuộc Nội Chiến Mỹ. Họ đặt những vòng hoa xung quanh bức tượng mạ vàng của ông, cùng với những phẩm vật cúng bái và, đọc diễn văn bày tỏ những lời tri ân sâu xa, nhiệt

thành. Trong những ngôi chùa Phật Giáo trên toàn quốc Sri Lanka, chư Tăng cử hành những nghi lễ để tưởng niệm và vinh danh ông. Học sinh trong các trường học long trọng tưởng niệm một vĩ nhân mà quê hương ông ở Hoa kỳ hiếm có những người Mỹ đã từng nghe nói tới.

Đại Tá Henry Steel Olcott sanh năm 1832, ở tiểu bang New Jersey trong một gia đình theo Đạo Cơ Đốc, thuộc Giáo Hội Presbyterian (Giáo Hội Trưởng Lão). Thân phụ ông là một nhà kinh doanh và gia đình rất sùng đạo. Sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng College of New York City ông vào Đại Học Columbia University và chọn môn khoa học canh nông, nhưng ông phải bỏ học dở dang khi doanh nghiệp của thân phụ bị thất bại. Kế đó, ông hành nghề ký giả và giữ chức chủ biên mục nông-nghiệp cho nhật báo New York Tribune.

Khi cuộc Nội Chiến Nam-Bắc Mỹ xảy ra trong năm 1861, ông nhập ngũ trong quân đội Liên Bang và trở thành sĩ quan ngành Truyền Tin phục vụ ngoài mặt trận. Khi Nội Chiến chấm dứt, ông giải ngũ với cấp bậc đại tá và trở lại trường đại học để theo học luật khoa. Sau khi tốt nghiệp, trong thời gian hành nghề luật sư, ông được giao phó điều tra những vụ tham nhũng trong quân đội. Ông nổi tiếng về đức tính thanh liêm, cho nên đã được chính phủ bổ nhiệm vào ủy ban điều tra vụ ám sát Tổng Thống Abraham Lincoln.

Năm 1874, trong khi hành nghề ký giả ở New York, ông có dịp gặp gỡ Bà Helena Petrovna Blavatsky, một nhà tâm linh học và triết gia thuộc dòng dõi quý tộc Nga. Năm 1875, hai người hợp tác để thành lập Hội Thông

Thiên Học ở New York. Năm 1878, họ đã chuyển trụ sở của Hội Thông Thiên Học từ Hoa Kỳ sang Ấn Độ, sau đó họ quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới ở Sri Lanka trong năm 1880 và trở thành Phật Tử thuần thành.

Khi ông Olcott đến Ấn Độ và Sri Lanka vào cuối thế kỷ 19, ông chỉ nhắm mục đích đơn giản là tìm hiểu về Phật Giáo và Ấn Độ Giáo. Nhưng có lẽ do nhân duyên từ nhiều kiếp quá khứ, vị cựu sĩ quan Mỹ, tín đồ đạo Tin Lành thuộc giáo phái Presbyterian, đã trở thành Phật Tử và giúp cho Phật Giáo ở Sri Lanka hồi sinh sau gần 3 thế kỷ lâm vào tình trạng suy thoái trong khi bị thực dân Âu Châu cai trị. Trong tiến trình giúp cho Phật Giáo ở Sri Lanka hồi sinh, ông Olcott đã sang thủ đô London của Anh Quốc để vận động người Anh hãy tôn trọng Phật Giáo và, ông cũng trở về Hoa Kỳ vài lần để lạc quyên cho ngân quỹ trợ giúp cho Sri Lanka. Trong thời gian còn lại, ông coi Sri Lanka như là quê hương thứ nhì.

Vào năm 1907, khi ông Olcott từ trần, nhiều sử gia thấy rõ rằng, ông đã giữ một vai trò chủ yếu trong tiến trình phục hưng Phật Giáo ở Sri Lanka. Trong tiến trình đó, ông đã thành lập những trường học Phật Giáo trên toàn quốc của xứ sở này và, sau khi ông từ trần, các tổ chức Phật tử địa phương đã thành lập thêm nhiều trường theo khuôn mẫu của ông. Một công trạng rất đáng kể nữa là ông đã giúp thiết kế lá cờ Phật Giáo quốc tế mà ngày nay Phật Giáo trên khắp thế giới dùng làm biểu tượng chung và long trọng trưng lên ở những cơ sở Phật Giáo. Tác phẩm “*Phật Giáo Vấn Đáp*” (*Buddhist Catechism*) do ông biên soạn đã được phiên dịch sang hơn 20 ngôn

ngữ và ngày nay vẫn còn được nhiều cơ sở giáo dục Phật Giáo trên thế giới dùng làm tài liệu.<sup>1</sup>

Công đức của ông Olcott đã được quốc gia và dân tộc Sri Lanka tri ân một cách tương xứng. Ngày nay ở nhiều nơi trên toàn quốc có những bức tượng Henry Steel Olcott đứng uy nghi ở những cơ sở giáo dục và công viên, có những đại lộ mang tên ông trong các thành phố. Có những giải thưởng thể thao nhân danh ông được thi đấu hằng năm...

## **Lập Hệ Thống Trường Học Miễn Phí Dành Cho Giai Cấp Cùng Đỉnh Ở Ấn Độ**

Sau khi đến Ấn Độ và chứng kiến hệ thống phân chia giai cấp đầy bất công, ông Olcott nói rằng đó là một trong những nguyên nhân khiến cho nền văn minh từng có thời huy hoàng của Ấn Độ ngày nay đã trở thành lụn bại. Thuở sinh thời, ông đã cố gắng hết sức để thuyết phục người Ấn Độ hãy từ bỏ truyền thống xã hội phân chia giai cấp phi nhân đó. Nhưng mãi tới năm 1949, khi Ấn Độ ban hành Tân Hiến Pháp, thì trong đó mới có điều khoản bãi bỏ hệ thống giai cấp.

Ông Olcott đã thành lập những trường học dành cho người Ấn Độ thuộc giai cấp thấp nhất. Ông quy định rằng những trường học này thu nhận học sinh miễn phí; những giờ học được sắp xếp linh động để phù hợp và thuận tiện với thời gian đi làm việc của những công nhân thuộc giai cấp thấp và, những người truyền đạo

1 <https://thesmartset.com/article03121201/>

Thiên Chúa không được quyền đến trường để khuyến dụ các học viên cải đạo; ngoài các ngôn ngữ của Ấn Độ, các học viên cũng được dạy Anh ngữ. Ngôi trường đầu tiên được thiết lập vào năm 1894, với tên là **“Trường Olcott miễn phí”** (“The Olcott Free School”).

Sự thành công của ngôi trường này đã được báo chí Ấn Độ ca ngợi và quảng bá. Một bài báo viết: *“Chương trình giáo dục miễn phí do Đại-Tá Olcott cống hiến bây giờ đã được nhiều người hưởng ứng tới độ chẳng bao lâu nữa họ sẽ phải ngưng nhận thêm học sinh vì hết chỗ trống. Chúng tôi tin rằng chính sách giáo dục này được nhiều người ưa chuộng tới độ sẽ có hàng ngàn nam nữ học sinh thuộc giai cấp tiện-dân (pariah) sẽ xin nhập học, nếu họ có thể thu nhận...”*<sup>2</sup>

Sau khi thành lập ngôi trường đầu tiên nói trên, Hội Thông Thiên Học còn lập thêm nhiều trường miễn phí khác ở Ấn-Độ.

## **Thành Lập Hệ Thống Trường Phật Pháp (Dharma School) Ở Sri Lanka**

Sau khi đến Sri Lanka và đi thăm nhiều nơi trong nước, ông Olcott cảm thấy buồn lòng khi chứng kiến tình trạng suy thoái của Phật Giáo ở đây, sau 3 thế kỷ bị các nước thực dân Âu Châu là Bồ Đào Nha, Hà-Lan và Anh Quốc liên tiếp cai trị. Ông Olcott chỉ thấy tổng cộng có 3 trường học Phật Giáo trong quốc gia đã có

---

2 [https://www.bps.lk/olib/wh/wh281\\_Kirthisinghe\\_Amarasuriya\\_Colonel-Olcott--Service-to-Buddhism.html](https://www.bps.lk/olib/wh/wh281_Kirthisinghe_Amarasuriya_Colonel-Olcott--Service-to-Buddhism.html)

truyền thống Phật Giáo lâu đời này. Trong thời gian đó hệ thống giáo dục ở Sri Lanka đã bị các giáo hội Đạo Thiên-Chúa cầm đầu và họ thi hành những chính sách kỳ thị, như ép buộc học sinh phải theo học những trường Thiên Chúa Giáo. Trong thời gian đó nhiều người Sri Lanka không dám công khai tự nhận họ là Phật tử, vì sợ bị kỳ thị. Khi chứng kiến những cảnh ngộ như vậy, Đại-Tá Olcott cảm thấy cần phải trợ giúp cho dân chúng Sri Lanka phục hưng Phật Giáo. Vì vậy, ông khởi sự phát động một phong trào giáo dục Phật Giáo ở Sri Lanka. Công tác đầu tiên của ông là thành lập Chi hội Thông Thiên Học Phật Giáo Colombo, với sự cộng tác của những Phật tử địa phương. Ông đã được tất cả chư Tăng Sri Lanka ủng hộ và hưởng ứng. Ông tự nhận mình là một trong những Phật tử bị áp bức, vì vậy ông cần phải hợp lực với các đạo hữu Sri Lanka để tranh đấu. Ông đã giúp thành lập một hệ thống gồm những Trường Phật Pháp trên toàn quốc Sri Lanka, như đã đề cập trong chương trình kỳ trước.

Trong năm 1883, sau khi một đám rước của Phật tử ở thủ đô Colombo bị một nhóm tín đồ Thiên Chúa tấn công tàn bạo, các Phật tử trong thành phố biểu tình bạo động để phản ứng. Đại-Tá Olcott được Phật tử yêu cầu trợ giúp họ trong hoàn cảnh khó khăn và, ông đã nhiệt thành hưởng ứng bằng cách tiếp xúc với chính quyền thực dân Anh để yêu cầu họ thi hành công lý. Một điều may mắn là quan Toàn Quyền Anh đương thời là một nhà trí thức có tinh thần phóng khoáng và có thiện cảm với ông Olcott. Tháng Hai năm 1884, trong khi tiếp xúc với quan Toàn

Quyền Anh, ông Olcott đã yêu cầu vị này chấp thuận để cho nhân dân Sri Lanka dành ngày Phật Đản là một trong những ngày lễ của quốc gia và đã được chấp thuận.

Một trong những công tác trọng đại của ông Olcott để phát triển hệ thống giáo dục ở Sri Lanka là biên soạn tập sách “*Phật Giáo Vấn Đáp*” (*Buddhist Catechism*) để giúp cho Phật tử có sẵn tài liệu dạy Phật Pháp cho con cháu họ. Công trình đó đã được chủ tịch Sri Lanka tán thưởng và, cuốn sách đã trở thành một trong những đóng góp quan trọng nhất trong tiến trình làm hồi sinh Phật Giáo ở Sri Lanka. Ấn bản đầu tiên của cuốn *Phật Giáo Vấn Đáp* được in bằng tiếng Sinhalese (là ngôn ngữ chính của đa số dân chúng Sri Lanka) trong tháng Bảy năm 1881 và sau đó được xuất bản bằng tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Khi nhận thấy cuốn sách này có trình độ quá cao đối với một số thiếu niên, một học giả người Anh và là cộng tác viên của Đại Tá Olcott đã cải biến tác phẩm đó thành một cuốn sách mô phỏng dễ hiểu hơn. Ngày nay bản Anh ngữ của cuốn *Phật Giáo Vấn Đáp* đã được tái bản 44 lần và, chắc hẳn bản tiếng Sinhalese đã được tái bản nhiều lần hơn.

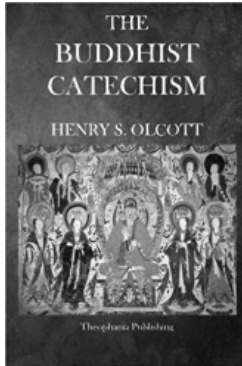
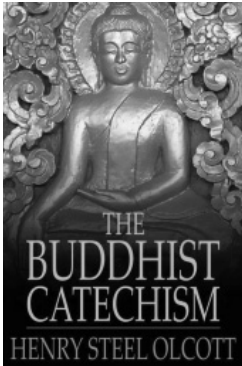
## Kết Luận

Trong năm 1967, nhân dịp kỷ niệm ngày Đại Tá Olcott từ trần năm thứ 60, vị Thủ Tướng đương thời của Sri Lanka là ông Dudley Sananayake đã tóm lược về công đức lớn lao của Đại Tá Olcott đối với xứ này như sau: “*Vào thời gian khi Phật Giáo đang lâm vào tình cảnh suy thoái ở Sri Lanka, Đại Tá Olcott đã giúp cho toàn dân xứ*



*này thức tỉnh để cố gắng làm hồi sinh di sản Phật Giáo. Đại-Tá Olcott là một trong những vị anh hùng trong công cuộc tranh đấu giành độc lập của nhân dân Sri Lanka. Thời gian đến thăm viếng Sri Lanka của Đại Tá Olcott là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử Phật Giáo."*

## HÌNH PHỤ CHÚ



Henry Steel Olcott (1832-1907). Dưới: Bà Helena Blavatsky (1831-1891) đồng sáng lập viên Hội Thông Thiên Học.

Hình bìa sách “Phật Giáo Vấn Đáp” (tái bản 44 lần và được dịch sang hơn 20 ngôn ngữ)

Di bút của Đại-Tá Olcott nói rằng ông và Bà Blavatsky đã quy

*This is to certify that  
on the 19th May 1880 the members of the  
Theosophical Society  
Madame H. P. Blavatsky and myself took the  
Pancha Sila for the first time at Vijayananda Vihara  
from Akkaramana Dhammarama Thero  
Henry S. Olcott  
P. J. S.*

y Tam Bảo và thọ ngũ-giới ngày 19 tháng 5 năm 1880 tại ngôi Đại Tự Vijayananda ở Sri Lanka dưới sự chứng giám của Trường Lão Akmemana Dhamarama.



## CHƯƠNG 11

# LỊCH SỬ ĐẠI HỌC PHẬT GIÁO NALANDA THỜI XƯA

Nalanda là một Đại Tu Viện Phật Giáo thời xưa, tọa lạc trong Vương Quốc Magadha (Ma-Kiệt-Đà), ngày nay thuộc Tỉnh Bihar ở miền đông bắc Ấn Độ, là một trung tâm giáo dục và học thuật bậc cao đẳng đã tồn tại từ thế kỷ thứ 5 tới cuối thế kỷ thứ 12. Ngày nay di tích của đại tu viện này được Cơ Quan Văn Hóa Liên Hiệp Quốc UNESCO coi là một di sản văn hóa của thế giới, với diện tích rộng 12 hectares.

Đây là trường đại học đầu tiên trên thế giới – lâu đời hơn trường đại học Bologna ở Italy là đại học đầu tiên ở Âu Châu được thành lập trong thế kỷ 11. Trong thời gian hoạt động gần 8 thế kỷ, Nalanda có khoảng 1,500 giáo sư và khoảng 10,000 sinh viên, trong số đó có những người đến du học từ nhiều nơi trên thế giới, như Trung Hoa, Cao Ly, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông

Cổ, Việt Nam, Sri Lanka và vùng Đông Nam Á.<sup>1</sup>

Ngày nay, phần lớn những thông tin và chi tiết về cơ sở đại học vĩ đại này phát xuất từ những tài liệu của chư Tăng Trung Hoa đã đi du học ở đó, như các đại-sư Pháp Hiển, Huyền Trang và Nghĩa Tịnh. Theo sử gia người Anh Vincent Smith thì: “*những chi tiết lịch sử về Nalanda được coi như là trùng hợp với lịch sử của tông phái Phật Giáo Đại Thừa.*”<sup>2</sup> Nhiều danh tánh của những người được Đại sư Huyền Trang nói tới trong những sách du ký của ngài là những vị đã xuất thân từ Đại Học Nalanda và là tác giả của những bộ luận, những cuốn sách và triết lý của tông phái Đại Thừa.<sup>3</sup> Tất cả sinh viên của Nalanda đều phải nghiên cứu những kinh sách Đại Thừa và kinh sách của 18 chi phái khác (Tiểu Thừa). Chương trình học của họ cũng bao gồm những môn học khác, như kinh điển Vệ-đà, triết học, luận lý học, văn phạm Phạn ngữ, y khoa và nghệ thuật v.v...

Khi Đại sư Huyền Trang hồi hương, ngài đã mang về Trung Hoa hàng trăm bộ kinh điển để phiên dịch sang Hán văn.

## **Đại Sư Huyền-Trang Hành Hương Nalanda**

Phần lớn những thông tin về trường Đại Học Nalanda trước thế kỷ thứ 8 là căn cứ vào sách Tây Du Ký của Đại sư Huyền Trang và sách của Đại sư Nghĩa Tịnh ghi chép

1 <https://www.nalandauniv.edu.in/about-nalanda/history-and-revival/>

2 <https://en.wikipedia.org/wiki/Nalanda>

3 <https://en.wikipedia.org/wiki/Nalanda>

về Phật Giáo ở Ấn Độ và vùng Quần Đảo Mã Lai. Đại sư Huyền Trang đã đến thăm viếng Nalanda trong hai chuyến đi hành hương Ấn Độ: Lần thứ nhất trong năm 637 và, lần thứ nhì trong năm 642, và đã lưu lại Nalanda tổng cộng khoảng 2 năm. Đại sư đã được trường đại học này tiếp đãi nồng hậu và đã được vị viện trưởng đương thời là Đại sư Triết gia Shilabhadra đích thân hướng dẫn. Sau đó Đại sư Huyền Trang đã ghi lại rằng, chuyến đi hành hương gian nan của ngài từ Trung Hoa sang Ấn Độ đã được tưởng thưởng xứng đáng sau khi được Viện Trưởng Shilabhadra đích thân giảng dạy những giáo lý uyên thâm của tông phái Yogachara mà trong thời đó chưa được truyền bá đầy đủ ở Trung Hoa.

Ngoài việc nghiên cứu Phật Pháp, Đại sư Huyền Trang cũng thụ huấn những môn khác, như văn phạm Phạn ngữ, luận lý học, triết học và, cũng có khi Đại sư được mời thuyết pháp cho sinh viên.

### **Đại Sư Nghĩa Tịnh Ở Nalanda**

Theo gương hai bậc cao tăng Pháp Hiền và Huyền Trang, trong thế kỷ 7, Đại sư Nghĩa Tịnh đi hành hương bằng đường biển và đã ghé vào hòn đảo vương quốc Phật Giáo Srivijaya để học Phạn ngữ trước khi tới Ấn Độ trong năm 673. Ngài đã lưu lại Ấn Độ 14 năm, trong đó gồm 10 năm nghiên cứu Phật Pháp ở Nalanda. Khi hồi hương Đại sư đem về Trung Hoa khoảng 400 kinh sách Phạn ngữ để phiên dịch.

Đại sư Nghĩa Tịnh ghi nhận rằng, có 200 ngôi làng

thay vì 100 làng trong thời của Đại sư Huyền Trang chịu trách nhiệm phục vụ cho Tu Viện Nalanda.

## **Nghệ Thuật Kiến Trúc Kỳ Diệu**

Những di tích khảo cổ của Nalanda cho thấy, khoa kiến trúc độc đáo trong thời đại Gupta ở Ấn Độ, trong đó công trình thiết kế phối hợp những hình thái thẩm mỹ với tài nghệ kiến trúc. Toàn thể khuôn viên đại học có chiều dài 1,500 mét và chiều rộng 750 mét. Là trung tâm giáo dục lớn nhất thế giới ở thời đại đó, Đại Học Nalanda gồm có 11 tòa nhà rộng lớn, một đại thư viện bao gồm ba tòa tháp nhiều tầng và, một trung tâm thiên văn. Có những ký túc xá bao gồm khoảng 300 gian phòng dành cho sinh viên nội trú và quan khách. Có 8 đại giảng đường để dạy học, hội họp và tổ chức những lễ hội. Tâm điểm của toàn thể khuôn viên đại học này là Tòa Bảo Tháp Xá-Lợi-Phất, với nhiều cầu thang dẫn tới khu chánh điện xây trên đỉnh tháp để đặt Bàn Thờ Phật.

Lời ghi khắc bằng ngôn ngữ Pali và ngôn ngữ Sanskrit trên những bức tường là bằng chứng cho thấy trình độ trí thức thông tuệ của cộng đồng Nalanda thời bấy giờ. Viện Bảo Tàng Khảo Cổ Nalanda ngày nay ở Ấn Độ trưng bày những tượng điêu khắc, những bức tường khắc chữ, những đồng tiền và nhiều di vật khảo cổ khác đã tìm thấy trong khuôn viên bị hỏa thiêu.

Ngày nay, khu di tích khuôn viên Đại Học Nalanda hấp dẫn nhiều du khách từ khắp nơi trên thế giới đến thăm viếng là nhờ công trình của Hiệp Hội Khảo Cổ

Ấn Độ, với sự bảo trợ của Cơ Quan Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO).

### **Thời Sơ Khai Của Nalanda (Trước Khi chính thức Thành Lập Trường Đại Học)**

Trước khi Đại Tu Viện Nalanda được thành lập và trở thành trung tâm giáo dục cao đẳng, vùng Nalanda là một thị trấn trù phú, tọa lạc gần thủ đô Rajagriha của vương quốc Magadha. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng thuyết pháp trong khu lâm viên tên là Pavarika ở gần đó và, nơi này cũng là sinh quán của ngài Xá-Lợi-Tử (Shariputra), một trong những đại đệ tử của Đức Phật. Những chi tiết này cho thấy rằng, địa danh Nalanda đã hiện hữu từ khoảng 6 thế kỷ trước Tây Lịch.

Tài liệu của một vị Lama Tây Tạng trong thế kỷ 17 cho thấy rằng, Vua Asoka trong thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch đã kiến thiết một ngôi chùa lớn bên cạnh tòa bảo tháp thờ ngài Xá Lợi Phất. Tài liệu đó cũng nói rằng Ngài Long Thọ và đệ tử ngài Thánh Thiên (Aryadeva) đã có liên hệ với Nalanda.<sup>4</sup>

### **Nalanda Phát Triển Trong Triều Đại Gupta Của Ấn-Độ**

Nalanda bắt đầu có những chứng tích lịch sử đích xác từ thời của triều đại Đế Quốc Gupta của Ấn-Độ. Trong thời kỳ cực thịnh – từ đầu thế kỷ thứ 4 tới giữa

---

4 <https://en.wikipedia.org/wiki/Nalanda>

thế kỷ thứ 6 (Tây Lịch), đế quốc này bao gồm hầu hết Tiểu Lục Địa Ấn-Độ. Một số sử gia cho rằng, đây là thời Vàng Sơn huy hoàng trong lịch sử Ấn-Độ.

Những tài liệu của Đại sư Huyền-Trang và vị Sư Cao Ly tên là Prajñāvarman viết rằng, Hoàng Đế Śakrāditya của triều đại Gupta đã kiến thiết tu viện Sangharama ở Nalanda và, các vị hoàng đế kế tiếp của Triều Đại này đã kiến thiết thêm nhiều tu viện và bảo tháp. Đại sư Huyền-Trang ghi lại rằng, trong số đó có một đại bảo tháp cao khoảng 90 mét với pho tượng Phật ở bên trong.

Công trình thành lập Đại Học Nalanda như là một trung tâm giáo dục cao đẳng là một tiến trình đương nhiên vì rằng, Vương Quốc Magadha thời xưa nổi tiếng là một vùng có nhiều nhà trí thức. Khi trường đại học trở thành nơi quy tụ của nhiều giáo sư lỗi lạc thì đương nhiên trở thành nổi tiếng và thu hút nhiều sinh viên từ nhiều nơi xa xôi đến du học. Vì vậy, Nalanda đã trở thành cơ sở giáo dục nội trú quốc tế đầu tiên trên thế giới.

### **Thời Kỳ Hậu Gupta**

Sau Triều Đại Gupta, có nhiều vị vua trong các triều đại khác ở Ấn Độ đã tiếp tục sử dụng tài nghệ điêu khắc ở Nalanda. Một vị vua ở miền trung Ấn Độ đã xây bức tường và cổng xung quanh khuôn viên. Một vị vua khác tên là Purnavarman, được coi là một vị minh quân cai trị dân theo gương mẫu Đại đế Asoka, đã đúc một pho tượng Phật bằng đồng cao 24 mét để thờ trong một bảo tháp cao 6 tầng.

Đáng kể nhất là, trong thế kỷ 7, Vua Harsha là một Phật Tử đã cải đạo từ Ấn Độ Giáo, tự coi mình là người có bốn phận phục vụ cho chư tăng thuộc Tu Viện Nalanda. Ông đã xây một tu viện bằng đồng trong khuôn viên trường đại học, đồng thời ban hành một đạo luật dành thuế lợi tức của 100 ngôi làng để chi tiêu cho trường đại học. Ông cũng ra lệnh cho 200 gia đình trong những làng đó có bốn phận cung cấp cho tu viện Nalanda những nhu yếu phẩm hàng ngày, gồm gạo, sữa và các thực phẩm khác.

### **Đại Học Nalanda Trong Triều Đại Pala**

Triều đại Pala cai trị miền đông-bắc Ấn Độ từ thế kỷ thứ 8 tới thế kỷ 12. Vương triều này là Phật Tử và trong thời kỳ đó Phật Giáo ở vùng đông bắc Ấn Độ đã giao thoa giữa Đại Thừa và Kim Cang Thừa. Các vị vua trong triều đại đã kiến thiết thêm nhiều tu viện lớn trong vùng này.

Trong triều đại Pala, ảnh hưởng của Kim Cang Thừa càng ngày càng lấn át ảnh hưởng của Đại Thừa, là tông phái chủ yếu của Đại Học Nalanda, do đó ảnh hưởng của trường đại học cũng dần dần giảm bớt.

### **Gặp Đại Họa Tàn Phá**

Trong năm 1193, một trưởng tộc Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ tên là Bakhtiyar Khilji nuôi tham vọng đi xâm lăng để cai trị, cho nên đã xua quân xâm chiếm những ngôi làng trong vùng đông bắc Ấn Độ. Khi cướp bóc Đại



Học Nalanda trù phú, có vẻ viên tướng Hồi Giáo này nổi giận khi không tìm thấy cuốn Kinh Koran trong thư viện ở đây; cho nên ông ta ra lệnh hỏa thiêu thư viện. Sử sách viết rằng đám cháy đã kéo dài vài tháng.<sup>5</sup>

Khi vị Tăng sĩ Tây Tạng tên là Dharmasvamin đi hành hương ở Ấn Độ và đến thăm viếng Nalanda trong năm 1235 thì đã thấy rằng, một số kiến trúc ở đây vẫn còn tồn tại; nhưng hầu hết đã bị đạo binh Hồi Giáo thiêu hủy tới độ không thể trùng tu.

Vị viện trưởng cuối cùng của Nalanda, Đại sư Shakyashri Bhadra, đã chạy sang Tây Tạng lánh nạn vào năm 1204, theo lời mời các dịch giả Tây Tạng, cùng với một số tu sĩ ở Nalanda sống sót và, họ đã mang theo nhiều kinh sách sang Tây Tạng. Họ là những giáo sư và học giả uyên bác, nhờ thế đã giúp cho Phật Giáo Tây Tạng phát huy và nối tiếp truyền thống của Nalanda.

Vì vậy, Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 đã phát biểu: *“Phật Giáo Tây Tạng chẳng phải là do người Tây Tạng nghĩ ra. Sự thật rõ ràng là nó đã bắt nguồn từ truyền thống thuần túy của Tu Viện Nalanda...”*

---

5 <https://www.independent.co.uk/news/world/asia/oldest-university-on-earth-is-reborn-after-800-years-2042518.html>

### HÌNH PHỤ CHÚ



Một trang trong cuốn sách “Đại Đường Tây Du Ký” của Đại Sư Huyền-Trang; và tranh họa ngài trên đường đi thỉnh kinh.



Nalanda University India ruins  
Excavated ruins of the monasteries of Nalanda.





## CHƯƠNG 12

# DI TÍCH ĐẠI HỌC NALANDA THỜI XƯA - THÀNH LẬP ĐẠI HỌC NALANDA MỚI

*Lời Mở Đầu: Chương này gồm hai phần chính yếu: Phần 1 xin trình bày sơ lược về công trình tìm thấy di tích của trường Đại Học Nalanda thời xưa trong thế kỷ 19, và tiến trình thành lập trường Đại Học Nalanda mới, vào đầu thế kỷ 21.*

\*

### **Tìm Thấy Di Tích Đại Học Nalanda Thời Xưa**

Trong suốt thời gian khoảng 7 thế kỷ, sau khi Đại Học Nalanda bị đạo binh ngoại xâm từ Thổ Nhĩ Kỳ phá hủy trong thế kỷ 12, cơ sở giáo dục vĩ đại đó đã bị lãng quên, không có ai quan tâm nhắc đến, mãi cho tới đầu thế kỷ 19, các chuyên viên địa dư trong chính quyền

thực dân Anh đã có dịp đến khảo sát khu di tích lịch sử rộng lớn này khi họ được dân chúng địa phương hướng dẫn đến khảo sát vào năm 1811; nhưng họ không biết đó là di tích của Đại Học Nalanda.

Mãi tới năm 1847, một sĩ quan trong chính quyền Anh là Thiếu Tá Markham Kittoe đã xác định đó là di tích của Đại Học Nalanda thời xưa. Sau đó, trong hai năm 1861 và 1862, chuyên gia khảo cổ người Anh là Sir Alexander Cunningham hợp tác với Viện Khảo Cổ Ấn Độ để thi hành chương trình khai quật khảo cổ tại khu di tích này.

Một kế hoạch khảo cổ đại quy mô và lâu dài đã được Viện Khảo Cổ Ấn Độ tiến hành từ năm 1915 cho tới năm 1937 – trong công trình khai quật này, các chuyên gia khảo cổ đã tìm thấy những di tích phù hợp với những lời mô tả về Đại Học Nalanda trong những sách hồi ký của ba vị Đại sư Trung Hoa đã hành hương ở Nalanda là ngài Pháp Hiển, ngài Huyền Trang và ngài Nghĩa Tịnh.<sup>1</sup> Một chương trình khai quật khảo cổ đại quy mô thứ nhì đã được tiến hành từ năm 1974 tới năm 1982.

Ngày nay khu di tích của Đại Học Nalanda thời xưa có chiều dài 488 mét theo hướng nam-bắc và, chiều rộng 244 mét theo hướng đông-tây. Công trình khai quật khu di tích đã phát hiện 11 tu viện và 6 ngôi chùa lớn. Có nhiều cấu trúc cho thấy rằng, chúng đã được tái thiết nhiều lần trong quá khứ trong thời gian dài gần 8 thế kỷ, trước khi bị thiêu hủy. Tất cả những tu viện trong khuôn

---

1. <https://whc.unesco.org/uploads/nominations/1502.pdf> (tài liệu của UNESCO)

viên Đại Học Nalanda đều có kiểu kiến trúc hình chữ nhật gần giống nhau.

## **Diễn Tiến Của Dự Án Thành Lập Tân Đại Học Nalanda**

Gần 8 thế kỷ sau khi Đại Học Nalanda thời xưa bị quân xâm lăng Hồi Giáo thiêu hủy trong thế kỷ 12, trong tháng Ba năm 2006, khi Tổng Thống Ấn Độ đương thời là Tiến Sĩ A.P.J. Abdul Kalam đọc diễn văn tại Viện Lập Pháp của Tiểu Bang Bihar, ông đã nêu lên đề nghị tái kiến thiết một trường Đại Học Nalanda mới. Cũng trong thời gian đó, chính phủ Singapore đã gửi cho chính phủ Ấn Độ một công hàm nhan đề là “*Đề Nghị Nalanda*”, với nội dung đề nghị chính phủ Ấn Độ hãy tái tạo một trường đại học mới giống như Đại Học Nalanda thời xưa, để cơ sở giáo dục thời đại mới này sẽ một lần nữa giữ vai trò trung tâm của Á Châu.

Ngay sau khi nhận được lời đề nghị từ tổng thống Ấn Độ và chính phủ Singapore, chính quyền của tiểu bang Bihar đã hân hoan hưởng ứng và tham khảo với chính phủ trung ương để tiến hành dự án, đồng thời bắt đầu tìm địa điểm thích hợp cho khuôn viên của trường đại học mới. Họ đã tìm thấy một thửa đất thích hợp trong thành phố Raigir ở Quận Nalanda, với diện tích rộng 450 mẫu.

Tiến trình thành lập trường Đại Học Nalanda mới đã cho thấy tinh thần hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ của tiểu bang Bihar và chính phủ trung ương Ấn Độ.

Tọa lạc ở thành phố Raigir, trong Quận Nalanda,

thuộc tiểu bang Bihar ở miền Đông-Bắc Ấn Độ, tân Đại Học Nalanda gồm có những chương trình bậc hậu-cử-nhân, những phân khoa nghiên cứu sâu rộng, trường đại học quốc tế này nhận được những yểm trợ tài chánh từ 17 quốc gia thành viên của tổ chức Thượng Đỉnh Đông Á Châu (East Asia Summit)

Dự án thành lập tân Đại Học Nalanda đã khởi sự trong năm 2010 do một Nghị Định đặc biệt của Quốc Hội Ấn Độ và đã được ấn định như là một *“cơ sở giáo dục quan trọng của quốc gia.”*

Khi xét rằng thời xưa trường Đại Học Nalanda nguyên thủy đã có tinh thần hợp tác quốc tế, với những sinh viên từ nhiều nơi ở Á Châu đã đến du học, chính phủ Ấn Độ quyết định tham vấn với các nhà lãnh đạo của 17 quốc gia thuộc tổ chức Thượng Đỉnh Đông Á Châu (East Asia Summit), khi họ dự Hội Nghị thường niên được nhóm họp ở Philippines trong tháng Giêng năm 2007. Các quốc gia thành viên của tổ chức Thượng Đỉnh Đông Á Châu đã tán thành đề nghị phục hồi Đại Học Nalanda.

Tại hội nghị thường niên lần thứ tư của tổ chức Thượng Đỉnh Đông Á Châu nhóm họp tại thành phố Hua Hin ở Thái Lan trong năm 2009, các quốc gia thành viên đã tán thành dự án thành lập trường Đại Học Nalanda mới và nhấn mạnh rằng, sau khi thành lập trường đại học mới này sẽ hợp tác chặt chẽ với các hệ thống đại học kỳ cựu có nhiều uy tín trong vùng Đông Á Châu.

## **Đại Học Nalanda Gồm Có 4 Phân Khoa Chính Yếu**

Hiện thời Đại Học Nalanda có những học trình trong 4 Phân khoa sau đây:

1. Phân khoa Nghiên Cứu Lịch Sử;
2. Phân khoa Nghiên Cứu Sinh Thái Và Môi Trường;
3. Phân khoa Nghiên Cứu Phật Giáo, Triết Học, Và Tôn Giáo Tỷ Giáo;
4. Phân khoa Ngôn Ngữ, Văn Chương và Các Môn Khoa Học Nhân Văn.

### **Phân Khoa Nghiên Cứu Lịch Sử**

Phân khoa Nghiên Cứu Lịch Sử khuyến khích sinh viên hãy tự mình suy luận và có những ý kiến riêng tư về những tương quan giữa các yếu tố: thời gian, ký ức và, lịch sử ở Á Châu và các nơi khác trên thế giới.

Ban giảng huấn của Phân khoa Nghiên Cứu Lịch Sử thông thạo về tất cả những vấn đề lịch sử thiết yếu để hiểu biết về thế giới và nhân loại. Đó là những vấn đề liên quan tới lịch sử, như *“con người đang hoặc đã phán xét về quá khứ như thế nào”*; *“sự hiểu biết về lịch sử của quá khứ có thể làm thay đổi hiện tại như thế nào”* và, *“thời gian hiện tại có thể bị quá khứ chi phối bằng những cách khác nhau ra sao.”*

Ban giảng huấn bao gồm những giáo sư có kiến thức đa dạng của những môn học khác nhau để họ có thể khảo cứu và giảng dạy về những địa hạt liên quan tới lịch sử,



như nhân chủng học, xã hội học, khảo cổ, nghiên cứu tôn giáo, triết học, kinh tế học, khoa học chính trị, ngôn ngữ học và lịch sử nghệ thuật.

Sinh viên của Khoa này sẽ phát triển những hiểu biết quan trọng về lịch sử thế giới, lịch sử văn hóa chính trị, lịch sử kinh tế, lịch sử trí thức, lịch sử nghệ thuật, và lịch sử tôn giáo.

## **Phân Khoa Nghiên Cứu Sinh Thái Và Môi Trường**

Phân khoa Nghiên Cứu Sinh Thái Và Môi Trường là một trong những phân khoa đầu tiên của Đại Học Nalanda, được khai giảng trong tháng 8 năm 2014. Phân khoa này nghiên cứu nhiều địa hạt có liên hệ với nhau trong những môn khoa học thiên nhiên và khoa học xã hội, để thúc đẩy giáo dục và nghiên cứu về những tương tác giữa môi trường thiên nhiên và những sinh hoạt của con người.

Bắt nguồn từ truyền thống của Đại Học Nalanda thời xưa, Phân khoa này có nguyện vọng tích cực khuyến khích sự hiểu biết tường tận về sinh thái và môi trường để đem lại phúc lợi cho thế giới. Phân khoa này chú trọng vào những vấn đề môi sinh cấp bách thuộc những địa phương, những vùng và toàn thể thế giới, trong thời đại của chúng ta, qua giáo dục, khảo cứu, hợp tác và, đưa ra những đề nghị về những chính sách liên quan tới môi sinh.

## **Phân khoa Nghiên Cứu Phật Giáo, Triết Học Và Tôn Giáo Tỳ Giáo**

Đại Học Nalanda nói chung và Phân khoa Nghiên Cứu Phật Giáo, Triết Học Và Tôn Giáo Tỳ Giáo nói riêng, có chủ đích vượt lên trên những biên giới địa lý để chúng ta cùng nhau chia sẻ một ý thức quốc tế mới và một tinh thần trách nhiệm toàn cầu mới. Đại Học Nalanda cũng chú trọng vào “*tặng phẩm kiến thức*” (vidya-dana) để giúp nuôi dưỡng nỗ lực biến đổi thế giới nhờ sự hợp tác và cùng nhau chia sẻ – kiến thức cần phải được phổ biến, chia sẻ, chứ không phải chỉ thủ đắc hoặc giữ cho riêng mình.

Ngay từ thời xưa của trường đại học tiền thân, Nalanda đã giữ một vai trò chủ yếu để chia sẻ và trao đổi kiến thức với mọi nơi trên thế giới. Những người đã tạo nhiều ảnh hưởng trong những trao đổi đó là những tăng sĩ hoặc giáo sư lỗi lạc, như các ngài Thiện Vô Úy (Śubhākarasimha), tổ Long Thọ, ngài A-Đề-Sa (Atisa), ngài Huyền Trang và ngài Tối Trường (Kukai, người Nhật), v.v...

Vì được coi là cái nôi của học thuật Phật Giáo và Ấn Độ Giáo, cho nên Nalanda thời xưa đã thu hút con số rất lớn những bậc thầy uyên bác từ nhiều nơi đến giảng huấn và những sinh viên trong khắp nước Ấn Độ và các nơi trên thế giới đến thụ huấn.

Để xứng đáng với di sản cao quý đó, Phân khoa Nghiên Cứu Phật Giáo, Triết Học Và Tôn Giáo Tỳ Giáo cố gắng tạo dựng một vùng đất trí thức phì nhiêu,

là nơi các sinh viên và giáo sư cảm thấy thoải mái và sung mãn để sẵn sàng chia sẻ kiến thức và khuyến khích lẫn nhau.

### **Phân Khoa Ngôn Ngữ, Văn Chương và Các Môn Khoa Học Nhân Văn**

Phân khoa Ngôn Ngữ, Văn Chương và Các Môn Khoa Học Nhân Văn nhằm mục đích trang bị cho sinh viên khả năng hấp thụ những nguồn tài nguyên phong phú trong ngôn ngữ của những lãnh vực mà họ theo đuổi, để họ có thể hiểu biết thấu đáo về những viễn cảnh và ngữ cảnh văn hóa của những ngoại ngữ mà họ học và, dễ dàng phiên dịch hoặc thông ngôn từ một ngoại ngữ sang tiếng Hindi hoặc tiếng Anh một cách thành thạo và chính xác. Phân khoa ngôn ngữ nhận thức rằng, công việc phiên dịch và thông ngôn là hành vi trí thức có tính cách sáng tạo, vì vậy Phân khoa cố gắng giúp cho quốc gia đạt tới trình độ nói trên khi Phân khoa có những học trình giàu sáng kiến để học ngoại ngữ.

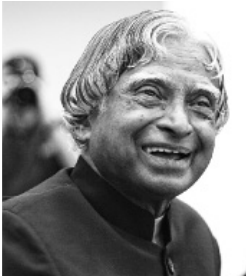
Phân khoa ngôn ngữ nhằm mục tiêu giúp cho sinh viên đạt tới trình độ cao để nói và viết thông thạo ngoại ngữ, để vừa học ngoại ngữ đồng thời cũng học văn hóa của dân tộc nói ngôn ngữ đó, bao gồm cả những địa hạt văn chương, lịch sử và tôn giáo; đồng thời cũng học khả năng phiên dịch từ Phạn Ngữ hoặc một ngoại ngữ sang tiếng Anh và tiếng Hindi, là hai ngôn chính yếu của Ấn-Độ.

Những ngôn ngữ được Phân khoa này dạy cho sinh

viên gồm có: Tiếng Sanskrit, Pali ngữ, Tiếng Nhật, Tiếng Đại Hàn, Tiếng Tây Tạng, Tiếng Anh và tiếng Hindi.

[Ghi chú: Phần lớn nội dung bài này căn cứ vào tài liệu của UNESCO <https://whc.unesco.org/uploads/nominations/1502.pdf> và của Wikipedia: <https://en.wikipedia.org/wiki/Nalanda> Và website của tân Đại Học Nalanda: <https://www.nalandauniv.edu.in/>

### HÌNH PHỤ CHÚ



Tiến Sĩ A. P. J. Abdul Kalam, Tổng Thống thứ 11 của Ấn Độ (một tín đồ Hồi giáo ngoan đạo) đã nêu đề nghị thành lập Đại Học Nalanda



Giáo Sư Sunaina Singh, phó viện trưởng của Đại học Nalanda. *Hình dưới:* Tân Đại Học Nalanda trong ngày khánh thành.





## CHƯƠNG 13

# ĐẠI SƯ HUYỀN TRANG ĐI ẤN ĐỘ THỌ GIÁO Ở ĐẠI HỌC NALANDA VÀ CHIÊM BÁI NHỮNG THÁNH ĐỊA

*Lời Mở Đầu:* Vì không thỏa mãn với những kinh sách còn rất giới hạn của Phật Giáo ở Trung Hoa đương thời, vì vậy Đại Sư Huyền Trang đã quyết định sang tận nơi phát xuất của Phật Giáo để học hỏi giáo pháp, đặc biệt là đến thọ giáo ở trường Đại Học Nalanda nổi tiếng ở miền Bắc Ấn Độ mà Đại sư đã được biết nhờ đọc hồi ký của Đại Sư Pháp Hiển (337-422). Trong năm 629 Tây Lịch Đại Sư khởi hành sang Ấn Độ bằng đường bộ. Chuyến đi đầy gian nan của Đại Sư Huyền Trang đã được kể lại đầy đủ chi tiết trong cuốn sách Đại Đường Tây Vực Ký.

\*

## Lưu Lại Xứ Kashmir

Sau ba năm du hành từ miền tây-bắc Trung Hoa qua vùng Trung-Á và Afghanistan Đại sư đã đến Ấn Độ trong năm 633. Trước khi tới Ấn Độ Đại sư lưu lại xứ Kashmir từ năm 631 tới năm 633 để học về triết học Phật Giáo. Vào thời bấy giờ xứ Kashmir là nơi có nhiều học giả Phật Giáo uyên bác.

## Thăm Viếng Những Thánh Địa Ở Ấn Độ

Ngoài nguyện vọng đi tìm những kinh sách Phật Giáo ở ngay nơi phát xuất, Đại sư còn mong muốn đi chiêm bái những thánh địa Phật Giáo ở Ấn Độ. Đại Sư chiêm bái những tòa bảo tháp tàng chứa xá-lợi của Đức Phật. Những lời Đại sư viết trong sách hồi ký về một giếng nước mà Đức Phật đã từng múc nước để uống cho thấy Đại sư đã có những cảm tưởng xúc động mỗi khi đến thăm viếng những thánh địa Phật giáo. Thí dụ như ngài viết trong hồi ký: *“Có một cảm kích bí ẩn vây quanh khu vực thánh tích; ở đó cũng đã từng xuất hiện nhiều phép lạ. Đôi khi người ta nghe thấy âm nhạc tuyệt diệu trong không gian; những lúc khác có người người thấy mùi hương thơm ngát.”*

Mục tiêu chính yếu mà Đại sư đến chiêm bái là Bồ Đề Đạo Tràng được kiến thiết bên cạnh cây Bồ-Đề nơi Đức Phật đã đạt đại ngộ. Khi tới nơi này, Đại sư Huyền Trang đã phủ phục xuống mặt đất và bật khóc. Ngài viết trong sách hồi ký về nguyên nhân khiến ngài khóc khi đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng: *“Đức Phật đã đạt*

*tới trí huệ viên mãn ở nơi đó, về phần tôi thì không biết mình ở trong hoàn cảnh nào trong cõi ta-bà đầy đầy ác trược này.”<sup>1</sup>*

Trong thế kỷ thứ ba trước Tây lịch, Vua Asoka là người đầu tiên đã kiến thiết những tòa bảo tháp ở nhiều nơi khắp nước Ấn Độ và, khi đến đây Đại Sư Huyền Trang đã tới viếng những cấu trúc vĩ đại này.

## **Đại Sư Huyền Trang Ở Đại Học Nalanda**

Giáo Sư Der Huey Lee của trường Đại Học Bắc Kinh đã nhận xét về mục tiêu đến Đại Học Nalanda của Đại Sư Huyền Trang rằng:

*“Sau cùng, Đại Sư Huyền Trang đã đến nơi chốn mà ngài nhắm đích để tới thọ giáo: Đó là Đại Tu Viện Đại Học Nalanda (mà ngày nay tọa lạc gần phía tây-nam thành phố Bihar trong Tiểu Bang Bihar ở miền Bắc Ấn-Độ). Là một khuôn viên đại học nội trú nổi tiếng đương thời, Nalanda đích thực là thành phố tu viện bao gồm mười ngôi chùa lớn, với toàn thể khuôn viên được phân chia thành tám khu vực giảng đường và ký túc xá. Có hơn 10,000 tu sĩ thuộc tông Đại Thừa đã đến đây thọ giáo và khảo cứu những kinh sách Phật Giáo cùng với những kinh điển Vệ-Đà, những môn toán học, y khoa, và những môn học khác. Tương truyền rằng, Viện Trưởng Silabhadra (529-645) đã có ý định kết thúc thọ mạng, vì đã sống tới 106 tuổi và thường đau yếu, nhưng trong một*

1. <http://www.mongoliantculture.com/indomongolian.htm>

-- (Sally Wriggins, trong bài khảo luận “*Xuanzang on the Silk Road*”)



*giác chiêm bao vị đại sư này được vị thần mách bảo hãy kiên nhẫn sống lâu hơn nữa để chờ đợi một tu sĩ từ Trung Hoa sẽ đến Nalanda thọ giáo, do đó tông Đại Thừa sẽ được bảo tồn và truyền bá đi các nơi trên thế giới.”<sup>2</sup>*

Học giả người Mỹ Sally Hovey Wriggins viết rằng:

*“Đại Sư Huyền Trang đã đi tham quan khắp miền Bắc Ấn Độ trong thời gian 5 năm trước khi Đại sư đến Nalanda, là đại học kiêm tu viện nổi tiếng nhất ở Ấn Độ, trong năm 637 Tây Lịch. Các tu sĩ từ khắp nơi ở Á Châu đến thọ giáo về Triết học Phật Giáo, văn phạm, luận lý, Phạn ngữ, y khoa, toán, văn chương, thiên văn và, một số môn học khác. Đại Sư Huyền Trang đã lưu lại đây hai năm, rồi đi thăm viếng những nơi khác, trước khi trở lại Nalanda lần sau cùng vào năm 642.”*

Đại Sư Huyền Trang đặc biệt quan tâm tham dự những bài thuyết giảng về *Duy Thức Học Phật Giáo* (Yogachara Buddhism), là khoa triết học thâm sâu đã thôi thúc ngài quyết tâm sang Ấn Độ để thọ giáo. Vì ngài được coi là một vị khách đặc biệt từ phương xa đến thọ giáo, cho nên đã được sử dụng một con voi để cưỡi mỗi khi đi thăm viếng các thánh địa cách xa Nalanda mà Đức Phật đã từng đến thuyết pháp, như Vulture Peak (梵語 : Gṛdhrakūṭa) và Rajagriha (thủ phủ của Xứ Magadha – Ma-kiệt-Đà)

Giáo Sư Der Huey Lee viết rằng: *“Đại Sư Huyền Trang trở thành môn sinh của Viện Trưởng Silabhadra*

---

2. [Nguồn tài liệu: *Der Huey Lee, Peking University, China Internet Encyclopedia of Philosophy iep.utm.edu/xuanzang*]

*trong năm 636 và được đại sư truyền tâm ấn để bảo tồn và tiếp nối Duy Thức Tông. Trong thời gian lưu lại Nalanda, Đại Sư Huyền Trang cũng học thêm Phạm ngữ, triết học Ấn-Độ, hetu-vidya (luận lý), Trung-Quán Luận, và Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận (Mahāyāna Sūtrālamkāra karaka -大乘庄严经论, The Adornment of Mahayana sutras)*

Sự thành công của Đại Sư Huyền Trang trong những cuộc tranh luận về tôn giáo và triết lý đã gây chú ý cho một số nhà trí thức và nhà lãnh đạo Ấn Độ, như Quốc Vương của tiểu quốc Assam và, vị Vua Phật Tử kiêm Thi Sĩ Harsha của triều đại Gupta – là người đã được so sánh với Vua Asoka. Trong một cuộc tranh luận tại một Đại Hội tôn giáo kéo dài 18 ngày trong vương quốc của Vua Harsha vào năm 643, Đại Sư Huyền Trang đã thắng khoảng 500 tu sĩ của Ấn Độ Giáo, Kỳ-Na Giáo (Jains) và những tông phái Phật Giáo ở ngoài tông Đại Thừa.<sup>3</sup>

Trước đó, trong năm 642, Vua Harsha đã gặp Đại Sư Huyền Trang và khâm phục về trí tuệ uyên bác và tài biện luận của Đại sư, vì vậy vua đã quyết định chủ trì cuộc tranh luận nói trên để tạo uy danh cho Phật Giáo Đại Thừa. Trong một Đại Hội tôn giáo Vua Harsha đã mời các vị vua của 18 vương quốc chư hầu, hàng ngàn tu sĩ Phật Giáo, tu sĩ Ấn Độ giáo và Kỳ Na Giáo để nghe ông tuyên bố rằng, giáo lý của Phật Giáo Đại Thừa vượt lên trên giáo lý của Ấn Độ Giáo và Kỳ-Na Giáo và, kể

3. <http://www.mongolianculture.com/indomongolian.htm> Sally Wriggins

cả giáo lý của những tông phái Phật Giáo khác. Đó là một thành tích vẻ vang cho Đại Sư Huyền Trang trong thời gian ngài du học ở Ấn-Độ.

## **Đại Sư Huyền Trang Hồi Hương Để Phát Triển Phật Giáo Trung Hoa**

Trong một cuộc đàm luận tại Đại Học Nalanda với các nhà trí thức Ấn-Độ, sau khi Đại Sư Huyền Trang quyết định trở về Trung Hoa, ngài được những người bạn Ấn Độ nhắc nhở về địa vị thua kém của Trung Hoa thời bấy giờ đối với xứ Phật Giáo Ấn Độ văn minh hơn. Một tăng sĩ ở Nalanda nói với Đại Sư Huyền Trang rằng:

*“Tại sao ngài muốn ra đi sau khi đã tới đây? Trung Hoa là một xứ ngoại biên, là nơi giới thường dân bị khinh rẻ và Phật Pháp không được coi trọng; các vị Phật không bao giờ ra đời ở đó. Vì dân chúng ở đó không có tinh thần phóng khoáng, với trình độ đạo đức thấp kém, cho nên các vị thánh và hiền nhân không ra đời ở đó. Trong khi khí hậu thì lạnh và các vùng đất thì đầy những núi non hiểm trở. Vậy thì đâu có gì để khiến cho ngài phải luyến tiếc nơi đó?”*

Đại Sư Huyền Trang đã trả lời:

*“Đức Phật đã khai thị giáo lý của Ngài và chúng ta có bổn phận phải quảng bá giáo lý đó. Làm sao chúng ta có thể bỏ quên những người chưa giác ngộ, trong khi tâm chúng ta đã đạt được lợi ích từ Phật Pháp?”*

Ngài biện luận rằng, Trung Hoa là một xứ văn minh,

có luật pháp, có những quan chức chánh trực và những người dân có văn hóa.<sup>4</sup>

## **Đại Sư Huyền Trang Từ Biệt Ấn Độ Và Hồi Hương**

Sau khi thâm thập được vô số kiến thức quý báu và thắng những cuộc tranh luận gay go, Đại Sư Huyền Trang đã quyết định trở về Trung Hoa. Học giả Sally Hovey Wriggins viết:

*“Khi Đại Sư Huyền Trang từ biệt Ấn Độ trong năm 643 ngài được chính quyền biệt phái một toán vệ binh đi theo để mang những pho sách, những tài liệu và ảnh tượng mà ngài đã thâm thập trong thời gian ở Ấn Độ. Vua Harsha ban tặng ngài một con voi to lớn nhất và khỏe nhất để có khả năng chuyên chở tám người ngồi trên lưng, cùng với hàng ngàn đồng tiền vàng và bạc ngài được tặng để dùng làm lộ phí trên đường hồi hương. Nhà vua hào phóng và đầy đạo tâm này cũng viết những bức thư gửi cho các nhà cai trị trong những tiểu quốc nằm dọc theo con đường mà Đại sư đi về Trung Hoa.”*

Bốn năm sau đó, vị vua nhân từ Harsha băng hà. Rồi suốt ba thế kỷ tiếp theo, vùng Bắc Ấn Độ thường xảy ra hạn hán và rối loạn. Khởi đầu là triều đại Gupta hùng cường của Ấn Độ bị lụn bại sau cái chết của Vua Harsha trong năm 647. Từ đó lịch sử u ám của miền Bắc Ấn Độ kéo dài khoảng năm, sáu trăm năm.

---

4. Học giả Tansen Sen, trong đặc san “Education about Asia,” Volume 11, Number 3 Winter 2006

Học giả Der Huey Lee viết rằng:

*“Trong mùa Xuân năm 644 đoàn lữ hành của Đại Sư Huyền Trang về đến Khotan và lưu lại nơi đây để chờ đợi thư hồi âm từ Vua Thái Tông nhà Đường trả lời cho bức thư xin phép hồi hương của Đại sư. Trong Tháng 11 năm đó Đại sư rời khỏi Đôn Hoàng sau khi nhận được thư chấp thuận của Vua Thái Tông và về đến kinh đô Tràng An trong tháng Giêng Âm lịch năm 645. Lý do khiến cho Đại Sư Huyền Trang phải viết thư xin vua cho phép trở về kinh đô là vì Ngài đã đi đường sang Ấn Độ trong khi triều đình đang ban lệnh cấm xuất ngoại.”<sup>5</sup>*

### HÌNH PHỤ CHÚ



Tranh vẽ chuyến hồi hương của Đại Sư Huyền Trang ở Đôn Hoàng, miền Bắc Trung Hoa.

---

5. Nguồn tài liệu: Der Huey Lee, Peking University, China Internet Encyclopedia of Philosophy [iep.utm.edu/xuanzang](http://iep.utm.edu/xuanzang)



Tượng Đại Sư Huyền Trang đi chiêm bái các thánh địa Phật Giáo ở Ấn Độ.

Nhà tưởng niệm  
Đại Sư Huyền Trang  
ở Nalanda.



Nhà tưởng niệm  
Đại Sư Huyền Trang  
ở Trung Hoa.





## CHƯƠNG 14

# ĐẠI SƯ HUYỀN TRANG VÀ PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

***Dẫn Nhập:** Các sử gia Phật Giáo đã ghi nhận công đức vô cùng quan trọng của Đại Sư Huyền Trang trong sứ mệnh thỉnh kinh sách từ Ấn Độ về truyền bá ở Trung Hoa nhờ đó mà Phật Giáo Đại thừa đã lan truyền sang ba nước Đông-Á: Đại-Hàn, Nhật-Bản, và Việt-Nam.*

\*

Trong năm 629 Đại Sư Huyền-Trang khởi hành chuyến đi chiêm bái thánh địa và khảo cứu Phật-pháp kéo dài 16 năm bằng đường bộ từ Trung Hoa sang Ấn Độ – xuyên qua vùng Trung-Á. Đại Sư muốn sang Ấn Độ để nghiên cứu những kinh sách chân truyền, nhưng đơn xin phép xuất ngoại của Đại sư đã bị Vua Đường Thái-Tông từ chối vì lý do “*cần bảo toàn an ninh quốc*



gia.”<sup>1</sup> Tuy rằng Đại Sư Huyền-Trang tôn trọng pháp lệnh, nhưng đồng thời ý muốn đi tham học Phật-pháp đã ghi sâu trong tâm trí từ lâu, cho nên cuối cùng Đại sư cương quyết khởi hành dù không được triều đình cho phép. Là một tăng sĩ thông minh xuất chúng và tôn sùng Phật-pháp, Đại sư tin tưởng rằng chuyến đi du học là con đường duy nhất để tìm ra những giải đáp thỏa đáng về Phật-pháp mà Đại sư không tìm thấy trong những kinh sách ở Trung Hoa thời đó.

Vì xuất ngoại bất hợp pháp, cho nên phần lớn trong những chặng đường ở vùng miền tây Trung Hoa Đại sư phải di chuyển ban đêm để tránh né những trạm kiểm soát có lính canh gác.<sup>2</sup>

Sau khi ra khỏi biên giới ở Tỉnh Cam-Túc, miền Tây Trung Hoa, Đại sư đi dọc theo Con Đường Tơ Lụa về phía Trung-Á. Ngài đã trải qua tình trạng nghiệt ngã khi băng qua khu sa mạc nóng cháy trong vùng Tân Cương, rồi vượt qua bốn rặng núi cao nhất Á Châu – gồm rặng Hy-Mã-Lạp-Sơn, Thiên-Sơn, Hindu Kush, và rặng Karakorum – trước khi đến Ấn-Độ. Trong cuộc hành trình bằng chân, hoặc cưỡi ngựa, cưỡi lạc đà và voi, Đại Sư đã vượt qua tổng cộng khoảng 16,000 km. Trên con Đường Tơ Lụa Ngài đã đi qua những vương quốc Trung-Á có những vua chúa nhiều thế lực cai trị và đôi khi họ muốn giữ ngài ở lại địa phương để thỉnh ngài giảng dạy Phật pháp. Nhưng phong cách điềm tĩnh

---

1. <https://www.iep.utm.edu/xuanzang/>

2. <https://asiasociety.org/xuanzang-monk-who-brought-buddhism-east>

và thái độ sùng bái Phật pháp của ngài đã khiến cho họ tôn kính và hoan hỷ giúp cho ngài đến Ấn Độ một cách an toàn. Sau khi băng qua Nepal – nơi dân sinh của Đức Phật. Đại Sư đã đến viếng vùng Bamiyan ở Afghanistan, nơi có những bức tượng Phật vĩ đại tạc trên vách núi mà trong thời gian gần đây đã bị loạn quân Hồi Giáo Taliban phá hủy. Cuối cùng Đại sư đã tới Đại Học Nalanda và lưu lại đây một thời gian dài để thọ giáo từ những vị đại sư và học giả uyên bác nhất đương thời. Cuộc hành trình hồi hương từ Ấn Độ về Trung Hoa cũng rất gian nan và kéo dài hai năm.

Trong thời gian đó Đại sư Huyền Trang vẫn còn bị coi là đã phạm tội bất tuân lệnh vua. Trước khi trở về kinh đô Tràng-An Đại sư đã viết thư cho vua để xin phép trở về và mô tả chuyến đi du học Phật-pháp gian nan nhưng vô cùng giá trị. Nhà vua không những đã hoan hỷ tiếp đón ngài trở về mà còn bổ nhiệm ngài giữ chức vụ cố vấn cho triều đình.

Từ đó cho tới cuối đời Đại sư chuyên tâm phiên dịch một số trong gần 700 bộ kinh sách đã mang về từ Ấn-Độ, đồng thời thuyết giảng Phật pháp và cố vấn cho tăng-đoàn Trung Hoa. Nhờ chuyến du học của Đại Sư Huyền Trang cho nên Phật Giáo Trung Hoa phát triển và trở thành hưng thịnh, những kinh sách mà Đại sư đem về và phiên dịch giúp cho quần chúng am hiểu Phật-pháp sâu rộng hơn và, sau đó Phật Giáo Trung Hoa đã có những đóng góp to lớn trong tiến trình quảng bá giáo lý của Đức Phật trên khắp thế giới. Những chi tiết ghi chép trong cuốn sách *Đại Đường Tây Vực Ký* đã giúp cho những thế

hệ hậu sinh khảo sát và am hiểu về Phật Giáo và văn hóa của những xứ nằm trên Con Đường Tơ Lụa.

## Cố Vấn Cho Triều Đình

Người đời sau đã ca ngợi Đại Sư Huyền Trang như là một triết gia, nhà giáo dục và dịch giả xuất sắc, bên cạnh đời sống của một cao tăng thực đức khả kính và nhà du hành bản lĩnh, đức hạnh. Học giả Tansen Sen, giáo sư khoa Lịch Sử Và Tôn Giáo Á Châu tại trường Đại Học City University of New York, đã viết trong đặc san Education About Asia rằng:

*“Đại Sư Huyền-Trang là học giả Trung Hoa thời xưa rất uyên bác và sùng bái tôn giáo và văn hóa Ấn-Độ. Đại Sư không những đã quảng bá những giáo lý của Đạo Phật và tôn sùng Ấn Độ như là thánh địa trong khắp những tác phẩm của ngài, mà còn gia sức nuôi dưỡng những liên hệ ngoại giao giữa Ấn Độ và Trung Hoa bằng cách đề xướng những lời cố vấn về bang giao cho hai vị vua Đường Thái-Tông và Đường Cao-Tông. Sự thật là qua những lời ghi chép trong tác phẩm Đại Đường Tây Vực Ký, Đại sư đã cố ý nhắm mục đích dành cho hai vị vua này đọc, đồng thời cũng dành cho các Tăng sĩ Trung Hoa đương thời tìm hiểu. Như vậy là tác phẩm của Đại Sư Huyền-Trang vừa có giá trị như là hồi ký ghi chép chuyến đi chiêm bái thánh địa vừa có giá trị sử ký và địa dư về những xã hội và vương quốc lân bang của Trung Hoa thời Nhà Đường. Vì vậy, tác phẩm của Đại Sư Huyền-Trang vừa có giá trị như là hồi ký đi chiêm bái của một cao tăng sùng đạo, vừa có*

*giá trị như là tài liệu của một nhà ngoại giao đời Nhà Đường.”*

Sau khi Đại Sư viên tịch, những tác phẩm du ký và tiểu sử của Đại Sư Huyền-Trang đã được sử dụng trong những vở tuồng và tiểu thuyết trong văn chương Trung Hoa. Trong thế kỷ 16, nhà văn Ngô Thừa Ân (吳承恩) đời Nhà Minh đã phóng tác và tiểu thuyết hóa cuộc hành trình ly kỳ và cam go của ngài Huyền Trang thành bộ sách *Tây Du Ký* và đã trở thành một trong ba tác phẩm lớn nhất của văn chương Trung Hoa.

Giáo Sư Der Huey Lee của trường Đại Học Bắc Kinh đã nhận xét:

*“Đại Sư Huyền-Trang đã được thế giới biết đến nhờ chuyến đi chiêm bái kéo dài 16 năm ở Ấn-Độ, cùng với sự nghiệp dịch giả kinh điển Phật Giáo, để trở thành một trong những học giả Phật Giáo Trung Hoa sáng chói nhất... Khi trở về Tràng-An trong năm 645 Đại sư mang theo rất nhiều kinh sách Phạn ngữ để phiên dịch một số, trước khi viên tịch. Ngoài công trình dịch những kinh sách Phật Giáo Đại Thừa căn bản, Đại sư còn để lại tác phẩm nổi tiếng Đại Đường Tây Vực Ký. Đại Sư Huyền-Trang và môn sinh thân cận nhất của ngài là tăng-sĩ Kuiji [K’uei-Chi – 632-682] đã thành lập Pháp-Tướng Tông (hay Duy Thức Tông) ở Trung Hoa. Khi Đại sư viên tịch trong năm 664, Vua Đường Cao Tông đã ra lệnh bãi triều suốt ba ngày để toàn quốc tưởng niệm ngài.”<sup>3</sup>*

3. Der Huey Lee, Peking University, China Internet Encyclopedia of Philosophy iep.utm.edu/xuanzang

## Sơ Lược Tiểu Sử Đại Sư Huyền-Trang

Đại Sư Huyền-Trang sinh năm 602 trong một gia đình Nho-học và thuở nhỏ đã được giáo dục theo truyền thống Khổng-giáo. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ bào huynh là một tu sĩ Phật Giáo, ngài quan tâm tìm hiểu về Phật Giáo và trở thành sa-di năm 13 tuổi trong một ngôi chùa ở Hàng Châu. Tới năm 20 tuổi ngài thọ Đại giới. Sau một thời gian, ngài được thuyên chuyển đến một tu viện lớn ở kinh đô Tràng-An và, ở đây có nhiều tăng sĩ hàng ngày phiên dịch kinh sách từ Phạn ngữ sang Hoa ngữ. Nhờ thường xuyên được nghe họ tụng đọc kinh điển, ngài bắt đầu nuôi dưỡng ý muốn sang Ấn Độ để thỉnh thêm kinh sách về Trung Hoa.

Giáo Sư Der Huey Lee của Đại Học Bắc Kinh nhận xét:

*“Sinh trưởng trong một gia đình có nhiều thế hệ nho sĩ học giỏi trong tỉnh Hà-Nam (Henan), ngài Huyền-Trang (thế danh Trần-Huy), là con út trong một gia đình có 4 anh chị em. Ông cố nội của ngài Huyền-Trang là một vị quan địa phương và ông nội là giáo sư trong Trường Quốc-Học ở kinh đô. Thân phụ ngài là một nho-sĩ có tinh thần bảo thủ, cho nên đã từ bỏ một chức vụ quan liêu để sống ẩn dật, nhằm xa lánh hoàn cảnh chính trị nhiễu nhương đương thời trên toàn quốc Trung Hoa. Những người viết tiểu sử ngài Huyền-Trang nói rằng, ngày từ tuổi thơ ấu ngài đã tỏ ra có trí thông minh xuất chúng và tính tình trang nghiêm. Năm 8 tuổi ngài đã gây ngạc nhiên cho thân nhân trong gia đình khi thốt*

*ra những nhận xét sâu sắc về những tập quán và nghi lễ của Khổng giáo. Thuở thơ ấu ngài cùng với một người chị và hai anh trai đã được thân phụ giáo huấn theo Nho-học, với những kinh sách của Khổng Tử.”*

Sau khi thân phụ từ trần trong năm 611, người anh tăng-sĩ là nguồn ảnh hưởng chính yếu tới tương lai của ngài Huyền-Trang. Do đó cậu thiếu niên Trần-Huy thường đến viếng ngôi chùa Jingtu ở Lạc Dương (Luoyang) trong khi người anh tu hành rất chuyên cần ở đó. Khi ngài Huyền-Trang xin thọ giới năm 13 tuổi, vị thầy trụ trì là Zheng Shanguo đã thi hành “*trường hợp ngoại lệ*” để chấp thuận, vì xét rằng ngài đã phát triển trí thông minh sớm hơn tuổi thơ.<sup>4</sup>

Trong năm 618, trong Tỉnh Hà-Nam (Henan) xảy ra nội chiến; vì vậy ngài Huyền-Trang và bào huynh đi lánh nạn trong vùng núi tỉnh Tứ Xuyên, khiến cho Đại sư có cơ hội dành thời gian ba năm tu hành chuyên cần trong tu viên Kong Hui để nghiên cứu nhiều kinh sách, trong số đó có bộ kinh *Vi-Diệu-Pháp Luận* (Abhidharmakosasastra).

Trong năm 622 ngài Huyền-Trang thọ giới tỳ kheo. Dù rất tinh tấn tu học và khảo cứu kinh sách trong tu viện, Đại sư thường cảm thấy bối rối về vô số những điều mâu thuẫn trong những kinh sách bằng Hoa ngữ đương thời, trong khi các vị tăng sĩ tại đó không thể giải đáp thỏa đáng những thắc mắc của Đại sư, cho nên Đại sư hạ quyết tâm cần phải sang Ấn Độ để tham học Phật pháp.

---

4 <https://www.iep.utm.edu/xuanzang/>

Cuộc đời của ngài Huyền Trang là một bài học lớn về vấn đề giáo dục. Tự giáo dục và giáo dục tha nhân nhằm góp phần thăng tiến xã hội, phát triển đất nước và xiển dương Phật pháp. Ngoài mục tiêu học hỏi rất ráo những tinh hoa cốt lõi Phật pháp, Đại sư Huyền Trang đã không ngừng cống hiến tài đức của mình một cách vô vụ lợi cho thế giới nhân loại, quả thật ngài là một hình ảnh tiêu biểu mà bất cứ ai muốn dấn thân vào sứ mệnh giáo dục cần phải chiêm nghiệm và học hỏi.

### HÌNH PHỤ CHÚ



Lộ trình chuyên đi Ấn Độ của Sư Huyền Trang để chiêm bái những thánh địa và thành kinh



Văn Sĩ Ngô Thừa Ân  
đời Nhà Minh,  
tác giả Tây Du Ký



Truyện hình Tây Du Ký tiếng Anh



Đường Tam-Tạng





## CHƯƠNG 15

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẬT GIÁO NAROPA Ở TIỂU BANG COLORADO

*Dẫn Nhập: Chương này xin giới thiệu về Trường Đại Học Phật Giáo Naropa, do giảng sư Phật Giáo Tây Tạng Chogyam Trungpa Rinpoche thành lập trong năm 1974 và được đặt tên theo pháp danh của Đại Sư Naropa, là vị Viện Trưởng nổi tiếng của Trường Đại Học Nalanda ở miền Bắc Ấn Độ trong thế kỷ 11.*

\*

Naropa là trường Đại Học Tư Thục bất vụ lợi tọa lạc ở Thị Xã Boulder, Tiểu Bang Colorado, bao gồm những môn học khai phóng (liberal arts), thuộc bậc cử nhân và cao học trong các ngành nghệ thuật, giáo dục, nghiên cứu môi trường, tôn giáo, tâm lý học và nhiều môn khác.

Năm 1986, Đại Học Naropa đã được Tổng Hội Trường Cao Đẳng Bắc Trung Mỹ (North Central Association of Colleges and Schools) nhìn nhận là hội viên, để trở

thành cơ sở giáo dục Phật Giáo đầu tiên ở Hoa Kỳ (nhận được vinh dự này). Đại Học Naropa đặt trọng tâm vào địa hạt *giáo dục trầm tư* [contemplative education], chủ trương phối hợp truyền thống giáo dục thiên về trí huệ của Đông Phương với truyền thống giáo dục coi trọng các môn học thuật của Tây Phương. Naropa University được coi là nơi khai sinh phong trào chánh niệm tỉnh thức (mindfulness) của thời hiện đại.<sup>1</sup>

Đại Học Naropa chính thức khai giảng niên khóa đầu tiên vào năm 1975, gồm các chương trình bậc Cử Nhân (BA) về các ngành nghiên cứu Phật Giáo và nghệ thuật thị giác, chương trình Cao Học (MA) về tâm lý học, và chương trình Cao Học Mỹ Thuật (MFA – Master of Fine Arts) trong các ngành nghệ thuật thị giác, kịch nghệ, múa (dance) và, luật sáng tác thơ (poetics).

Lúc đầu, ban giám đốc dự trù sẽ có khoảng 250-300 sinh viên ghi danh theo học niên khóa đầu tiên, nhưng họ rất ngạc nhiên khi có tới 1,500 tân sinh viên đến xin nhập học – đây là con số cao hơn gấp 6 lần dự trù. Cơ sở trường ốc đầu tiên được thuê mượn là một trạm garage xe bus bỏ trống của Thị Xã Boulder. Trong ban giáo sư có những văn thi sĩ và học giả Phật Giáo nổi tiếng như: Kobun Chino Roshi, Allen Ginsberg, Anne Waldman, Ram Dass, Gary Snyder, Herbert Guenther, Joan Halifax, John Cage, Gregory Bateson, v.v.

Nữ thi sĩ Anne Waldman đã thuật lại bầu không khí

---

1. <https://www.naropa.edu/> : “Naropa was the birthplace of the modern mindfulness movement.”

huyền nào và hào hứng trong đêm khai giảng của Đại Học Naropa như sau: “*Đêm khai giảng thật là vui nhộn. Đó cũng là đêm mà Tổng Thống Nixon từ chức [vì vụ tai tiếng Watergate], do đó một số dân chúng trong thị xã lầm tưởng rằng chúng tôi mở party để mừng ông Nixon từ chức...*”

Sau đây là những dấu mốc thời gian quan trọng trong lịch sử thành lập Đại Học Naropa:

1. Năm 1987, Naropa mua lại khuôn viên bỏ trống của một trường trung học trong thị xã Boulder với giá 750,000 dollars để dùng làm khuôn viên đại học chính thức.
2. Năm 1995, bắt đầu khai giảng những chương trình bậc cử nhân BA 4 năm, gồm những môn Viết Văn, Luật Thơ (Poetics), Tâm Lý Học Tây Phương và Tâm Lý Học Phật Giáo, Nghiên Cứu Phật Giáo, Kịch Nghệ, Âm Nhạc, Yoga và Múa. Kế đó có thêm những môn Nhân Chủng Học, Nghiên Cứu Môi Trường, Kế Toán, Sử Dụng Máy Vi Tính v.v...
3. Năm 1997, Naropa chủ trì cuộc Hội Thảo Tâm Linh Và Giáo Dục (Spirituality and Education Conference). Cuộc hội thảo đó đã được nhiều người coi là nơi khai sinh ra phong trào “*giáo dục trầm tưởng*” (contemplative education) ở Hoa Kỳ – bao gồm những môn thực hành liên quan tới tâm linh, như: thiền quán, thái cực quyền, nghệ thuật cắm hoa, nghi thức uống trà của người Nhật v.v...
4. Năm 1999, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập,

- Naropa Institute chính thức đổi tên thành Naropa University.
5. Năm 2006, Naropa University thành lập *Trung Tâm Thăng Tiến Giáo Dục Trầm Tưởng* (Center for the Advancement of Contemplative Education) để yểm trợ cho ban giáo sư và cung cấp một nguồn tài nguyên quốc tế dành cho những cuộc nghiên cứu và cộng tác liên quan tới ngành Giáo Dục Trầm Tưởng. Trung tâm được tài trợ bởi Cơ Kim Hội Phật Giáo Mỹ Frederick P. Lenz (Frederick P. Lenz Foundation for American Buddhism).
  6. Tháng 7 năm 2012 đương kim Viện Trưởng Charles G. Lief bắt đầu nhậm chức.
  7. Năm 2014, Naropa University tái tục những hoạt động của Trung Tâm Thăng Tiến Giáo Dục Trầm Tưởng, với những công tác khuếch trương giáo dục trầm tưởng cho các sinh viên của Naropa, đồng thời trở thành nguồn tài nguyên dành cho khoa giáo dục trầm tưởng cả ở bậc đại học lẫn bậc K-12.
  8. Trong năm 2015:  
 Naropa University tiếp thu những tài sản trí tuệ và những cơ sở của Boulder College of Massage Therapy (Trường Cao Đẳng Trị Liệu Xoa-Bóp), với mục đích thành lập một trường huấn luyện môn trị liệu xoa-bóp.  
 Naropa University khai trương cơ sở Cố Vấn Cộng Đồng Naropa (Naropa Community Counseling) để cung cấp những dịch vụ trị liệu giá rẻ cho những thân chủ có mức lợi tức thấp, đồng thời khai trương

Trung Tâm Tài Năng Lãnh Đạo Khả Tín (Authentic Leadership Center), với mục đích cung cấp những chương trình huấn luyện chánh niệm tỉnh thức, và huấn luyện tài năng lãnh đạo trên khắp thế giới.

## **Sứ Mạng Và Những Tiêu Chuẩn Của Naropa University**

Sau đây là lời minh xác của văn phòng Viện Trưởng về Sứ Mạng và Những Tiêu Chuẩn của Đại Học Naropa:

*"Naropa có một sứ mạng độc đáo trong số những cơ sở giáo dục cao đẳng: Chúng tôi là trường học duy nhất trên toàn quốc truyền thụ cho sinh viên thấm nhuần những nguyên tắc giáo dục trầm tưởng.*

*Qua những chương trình giáo dục khắt khe, thực hành trầm tưởng và học bằng kinh nghiệm, chúng tôi nhắm mục đích trang bị cho sinh viên kiến thức, trí huệ và tài năng để họ có thể thích ứng với những nơi làm việc và những cộng đồng của họ và sống cuộc đời an lạc và có ý nghĩa."*

## **Tuyên Ngôn Sứ Mạng Của Naropa University**

Được khích lệ từ những truyền thống trí thức và kinh nghiệm phong phú của Đông Phương và Tây Phương, Naropa University đã trở thành cơ sở giáo dục trầm tưởng hàng đầu ở Bắc Mỹ Châu.

Naropa University nhận ra bản tính thiện và trí huệ của mỗi con người. Chúng tôi giáo dục toàn thể con người, vun bồi trình độ giáo dục thượng đẳng và nội

quán trầm tưởng để sinh viên hấp thụ kiến thức và trí huệ. Chúng tôi khuyến khích sinh viên bồi đắp thú vui học hỏi trong suốt cuộc đời, nuôi dưỡng tinh thần phán xét, lựa chọn lối sống có ý nghĩa để thi hành những công tác từ bi cho thế giới, cùng với đức tánh cởi mở và hỷ xả phát xuất từ nội quán và tự hiểu biết về bản thân. Tối hậu, sinh viên của Naropa thăm dò những nguồn năng lực nội tâm cần thiết để dẫn thân một cách can đảm vào thế giới phức tạp và đầy thử thách, để giúp cải biến thế giới đó qua sự khôn khéo và lòng từ bi, để đạt tới những mức độ hạnh phúc thâm sâu hơn và đời sống có ý nghĩa cao hơn.

Thu thập từ những truyền thống trí huệ thiết yếu của thế giới, đồng thời Đại Học Naropa đã thấm nhuần những giáo lý Phật giáo, vì vậy chúng tôi là một cơ sở giáo dục không phân biệt tôn giáo và tông phái. Đại Học Naropa coi trọng những dị biệt về văn hóa đối với vai trò thiết yếu của chúng tôi trong giáo dục. Đại Học Naropa đón nhận “*sự phong phú trong sự đa dạng*” của nhân loại, với mục đích nuôi dưỡng một xã hội chính trực và công bằng hơn và, có ý thức về tinh thần cộng đồng trong nhân loại.

### **Những Tiêu Chuẩn Của Naropa University**

Đại Học Naropa là một cơ sở đặt căn bản trên giáo dục trầm tưởng. Sứ mạng chủ yếu này là nguồn khích lệ đối với mọi việc mà chúng tôi làm và yêu cầu toàn thể thành viên của cộng đồng Naropa hãy sống với ý thức

và kính trọng lẫn nhau trong cộng đồng nhân loại.

Để duy trì sứ mạng này, Đại Học Naropa coi trọng những tiêu chuẩn sau đây:

1. Chúng tôi là những người thấm nhuần Phật Pháp, không phân biệt tông phái khác nhau, luôn luôn hoan nghênh đón chào những giáo sư, nhân viên và sinh viên thuộc mọi tín ngưỡng và, cả những người không thuộc bất cứ tôn giáo nào.
2. Chúng tôi tích cực tôn trọng “*sự đa-dạng song song với sự bao gồm*” (diversity and inclusivity). Trong tiến trình thu nhận sinh viên, tuyển dụng nhân viên và trong những chương trình giáo dục, chúng tôi cố gắng nuôi dưỡng một môi trường “*tương thuộc lẫn nhau với những dị biệt*” (“belonging with differences”), để sẵn sàng đón nhận những người khác chủng tộc, khác sắc tộc, khác giới tính, khuynh hướng tình dục, thành phần xã hội, tuổi tác, khuyết tật, nguồn gốc quốc gia và, dĩ nhiên khác tôn giáo.
3. Chúng tôi coi trọng thế giới như là gia cư của nhân loại và tích cực bảo vệ môi trường sinh thái. Để thực hành điều đó, chúng tôi đang tiến đến mục tiêu hoàn toàn không xả rác, không gây ra những yếu tố làm thay đổi khí hậu và sử dụng 100 phần trăm năng lượng có thể phục hồi, vì ý thức rằng sự thực hành lối sống như vậy sẽ liên kết bản thân chúng tôi với tất cả sinh vật khác và thế giới thiên nhiên.

Cô Joy Watts, sinh viên năm thứ 3, phân khoa Nghệ



Thuật Thị Giác, phát biểu về lợi ích của *Thiền Quán* trong khi theo học ở Naropa University:

*“Thực hành thiền là điều rất lợi ích cho tôi ở Naropa. Thiền quán đã giúp cho đời sống và tâm trí tôi và cung cách giao tiếp của tôi với những người khác, Nhờ thiền quán tôi sẽ luôn luôn có phương tiện để khiến cho tâm trí tôi có không gian cần thiết để rong chơi...”*<sup>2</sup>

Theo số liệu của Đại Học Naropa, có trung bình 94% sinh viên tốt nghiệp bậc Cử Nhân tìm được việc làm, hoặc ghi danh theo học bậc Cao Học, trong vòng 6 tháng.

---

2. <https://www.naropa.edu/the-naropa-experience/inclusive/community-update.php>

## HÌNH PHỤ CHÚ



Sinh viên Joy Watts



Thi Sĩ Allen Ginsberg, một trong những Giáo sư của Đại Học Naropa.





## CHƯƠNG 16

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC UNIVERSITY OF THE WEST (UWEST)

*Dẫn Nhập: Chương này xin giới thiệu về Trường Đại Học University of the West do Đại Sư Tinh-Vân – người khai sáng Phật Quang Sơn của Đài Loan – thành lập ở thị xã Rosemead, miền Nam tiểu bang California.*

\*

UWest là một trường Đại Học Tư Thục bất vụ lợi, phi-giáo-phái, đã được tổ chức uy tín Western Association of Schools and Colleges (WASC) (Tổng Hội Trường Học Và Trường Cao Đẳng Miền Tây) công nhận là hội viên từ năm 2006 với tư cách là cơ sở giáo dục gồm các bậc cử nhân, cao học và tiến sĩ. Tuy rằng UWest do Tổng hội Phật Giáo Phật Quang Sơn của Đài Loan thành lập, nhưng cơ sở giáo dục cao đẳng này không tự

xưng là một “*trường đại học Phật Giáo*”.<sup>1</sup> Nhà trường không đòi hỏi các sinh viên phải là Phật Tử, hoặc học Phật Pháp.<sup>2</sup> Trong số giáo sư và sinh viên có nhiều người là tín đồ Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo.

Sứ mạng của UWest là cung ứng nền giáo dục đào tạo con người toàn vẹn trong bối cảnh đặt căn bản trên trí huệ và những nguyên tắc Phật Giáo và giao lưu văn hóa giữa Đông Phương và Tây Phương.

## Lịch Sử Thành Lập

University of the West có tên nguyên thủy là Đại Học Tây Lai (Hsi Lai University -- 西來大學) được khai giảng trong năm 1991 tại Chùa Tây Lai ở Los Angeles. Ngôi chùa này là trụ sở của Tổng Hội Phật Quang Sơn ở Bắc-Mỹ. Trong niên học đầu tiên đó chỉ có bốn giáo sư và khoảng 30 sinh viên – gồm đa số là những nam và nữ tu sĩ của Chùa Tây Lai. Trong số 4 vị giáo sư có Tiến Sĩ Lewis Lancaster, là một học giả Phật Giáo người Mỹ nổi tiếng đã giữ chức viện trưởng của University of the West từ năm 2004 tới năm 2006.

Trong năm 1996, Phật Quang Sơn mua bất động sản tại địa chỉ 1409 Walnut Grove Ave. ở thị xã Rosemead, California, trong vùng thung lũng San Gabriel Valley, cách phía Đông trung tâm thành phố Los Angeles khoảng 10 miles, để thiết lập khuôn viên mới. Trước đó, nơi đây là một đại chủng viện đào tạo giáo sĩ của Giáo

1. [https://en.wikipedia.org/wiki/University\\_of\\_the\\_West](https://en.wikipedia.org/wiki/University_of_the_West)

2. [https://en.wikipedia.org/wiki/University\\_of\\_the\\_West](https://en.wikipedia.org/wiki/University_of_the_West)

Hội Thiên Chúa giáo. Khuôn viên mới của University of the West rộng 11 mẫu Anh (acre), tọa lạc trên một ngọn đồi ngoạn mục đầy hoa trông xuống thung lũng San Gabriel Valley.

Sau khi có khuôn viên mới, UWest quyết định yêu cầu WASC công nhận là hội viên, đồng thời khai giảng thêm nhiều phân khoa mới ở bậc cử nhân và cao-học, như: Phật học, Tuyên-úy Phật Giáo, Tôn giáo học, triết học, tâm lý học, Văn chương, Ngôn ngữ, Quản-trị kinh-doanh, v.v.

Tiến trình yêu cầu WASC công nhận là hội viên đã kéo dài khoảng 10 năm, với sự hoạt động tích cực của Tiến Sĩ Ananda Guruge, một học giả Phật Giáo nổi tiếng đến từ Sri Lanka. Trong Tháng Hai năm 2006, University of the West trở thành hội viên của WASC. Sau đó, University of the West bắt đầu tích cực thi hành những chương trình nhằm thu hút những tân sinh viên người Mỹ bản xứ đến học. Nhờ vậy, tới năm 2014 khoảng 40% trong tổng số sinh viên của UWest là công dân Hoa Kỳ. Số còn lại là những sinh viên du học đến từ 44 quốc gia trên thế giới; vì vậy, ban Giám đốc của Đại học tự hào nói rằng *“UWest là toàn thể thế giới quy tụ trong 11 mẫu Anh.”*

### **Tiểu Sử Hòa Thượng Tinh Vân - Người Thành Lập UWest**

Người có công đức thành lập UWest, Hòa Thượng Tinh Vân, sinh năm 1927 tại tỉnh Giang Tô, vùng

duyên hải phía Đông Trung Hoa. Đại Sư là người có lập trường Phật Giáo Nhân Bản, (Humanistic Buddhism), đã sáng lập tông phái Phật Quang Sơn, một trong những tông phái Phật Giáo lớn nhất thế giới. Được thành lập ở Đài Loan vào năm 1997, ngày nay Phật Quang Sơn có khoảng hơn 200 ngôi chùa chi nhánh và trung tâm quảng bá Phật Pháp trên khắp thế giới.

Đại Sư Tinh Vân giải thích về lý do cần phải thực hành chủ trương **“Phật Giáo nhân bản”** như sau:

*“Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhà khai sáng Phật Giáo, đã dẫn sanh trong thế giới này. Ngài tự tu luyện trong thế giới này, đã đạt giác ngộ trong thế giới này và, đã truyền bá cho tha nhân những chân đế thâm thúy mà ngài đã nhận thức trong thế giới này. Thế giới loài người đã được Ngài chú trọng trong mọi hành vi... Cuộc đời của Đức Phật như là một con người có thể được coi như là một nguồn cảm hứng và như là gương mẫu cho chúng ta rèn luyện tâm linh trong cuộc đời của mình. Chúng ta hãy gọi giáo lý của Đức Phật là “Phật Giáo Nhân Bản” để nhấn mạnh rằng, những giáo lý đó có thể được kết hợp vào tất cả những phương diện trong đời sống hàng ngày của mình...”<sup>3</sup>*

Trong những hoạt động nhân bản của Tổng hội Phật Quang Sơn gồm có những viện mồ côi, bệnh viện miễn phí, nhà dưỡng lão, tuyên úy phụ trách ủy lạo tù nhân, cứu trợ thiên tai và những dịch vụ phụng sự cộng đồng

---

3. <http://hsingyun.org/humanistic-buddhism/> (trích dẫn từ bài đăng trên website này)

thuộc nhiều hình thức khác, như trường mẫu giáo, viện bảo tàng, thư viện, và trường đại học...

Năm 1962, Đại Sư Tinh Vân thành lập trường Đại Học Phật Giáo Tùng Lâm (佛光山叢林學院) tại trụ sở trung ương của Phật Quang Sơn ở Đài Loan và sau đó thành lập thêm 15 trường đại học Phật Giáo khác để nghiên cứu giáo lý và đào tạo tăng ni.

Ở Bắc Mỹ Châu, trong năm 1978 Đại Sư Tinh Vân thành lập Chùa Tây Lai trong thị xã Hacienda Heights, California. Sau 10 năm thực hiện công tác kiến thiết quy mô và hoàn tất, ngôi chùa này chính thức mở cửa để tiếp đón khách thập phương trong năm 1988. Chùa Tây Lai tọa lạc trong một khuôn viên rộng 15 mẫu Anh, gồm có 10 cấu trúc chủ yếu, bao gồm ngôi đại tự trung tâm, thư viện, thính đường, phòng hội họp, phòng triển lãm, viện bảo tàng nghệ thuật Phật Giáo và phòng thọ trai. Với những đặc điểm lớn lao như vậy, Tây Lai Tự được coi là ngôi chùa và tu viện Phật Giáo lớn nhất ở Tây bán cầu.

Trong năm 1992, Phật Quang Sơn thành lập Tổng Hội Phật Quang Quốc Tế (Buddha's Light International Association (BLIA) – một tổ chức nhập thế chuyên trách những chương trình giáo dục và phục vụ cộng đồng. Ngày nay Tổng Hội Phật Quang Quốc Tế có hơn 130 chi nhánh, với vài triệu hội viên trong hơn 60 quốc gia trên khắp thế giới. Đại Sư Tinh Vân từ lâu đã nuôi dưỡng hoài bão thành lập những trường đại học để truyền bá Phật Pháp trên thế giới.



Cho tới nay, có 5 trường Đại Học Quốc Tế như vậy đã được sự thành lập:

Thứ nhất là *University of the West* đã được thành lập trong Quận Los Angeles trong năm 1991, với tên ban đầu là *Đại Học Tây-Lai*.

Thứ nhì là *Đại Học Nam Hoa* được thành lập trong thành phố Jiayi ở Đài Loan trong năm 1996.

Thứ ba là *Đại Học Phật Quang* ở Ilan, Đài Loan, được thành lập vào năm 1999.

Thứ tư là *Đại Học Nam Thiên* được thành lập ở Úc Châu vào năm 2001.

Tất cả 4 trường đại học nói trên phối hợp những chương trình dạy Phật Pháp song song với những chương trình học thuật thuộc các bậc cử-nhân, cao-học và tiến sĩ.

Trường đại học quốc tế thứ năm do Phật Quang Sơn thành lập là *Quang Minh College* ở Phi Luật Tân trong năm 2014. Trong những năm đầu tiên trường này đặt trọng tâm vào những phân khoa nghệ thuật trình diễn, như kịch nghệ, điện ảnh, vũ thuật, song song với những chương trình học Phật Pháp.

## Thu Học Phí Thấp

Những sinh viên có gia cảnh nghèo được trợ giúp tài chánh – phần đông thuộc những nước nghèo sang Hoa Kỳ du học – để họ có thể theo học ở University of the West nhờ được cấp học bổng. Đại Sư Tinh Vân chủ trương thu học phí thấp, để nhiều sinh viên nhà nghèo

có thể theo học. Học phí trung bình trong năm 2017 là khoảng 11,000 đô-la một năm.

Bản thân Đại Sư Tinh Vân đã sinh trưởng trong một gia đình nghèo. Ra đời trong một ngôi làng nghèo khó trong Tỉnh Giang-Tô, thuở niên thiếu Đại Sư phải đi chăn trâu và cày ruộng. Có một hôm thân phụ của Đại sư phải đi xa để buôn bán kiếm tiền nuôi gia đình, rồi biệt tích không trở về nhà. Lúc đó, cậu thiếu niên 12 tuổi thế danh là Li Guoshen (李國深 – Lý Quốc Thâm) phải lên đường đến thành phố Nam Kinh (thủ phủ của Tỉnh Giang-Tô) để tìm thân phụ. Khi đến Nam Kinh đại sư đã thăm viếng một tu viện Phật Giáo. Tại đây chư tăng hỏi cậu thiếu niên về mặt hiền từ có muốn vào tu để trở thành tăng sĩ hay không. Cậu lập tức trả lời muốn đi tu và được vị Hòa Thượng Trụ Trì làm lễ thí phát.

Sau khi thọ giới tỳ kheo trong năm 1941, Đại sư đến tu hành và nghiên cứu Phật Pháp tại Đại Học Phật Giáo Chiao Shan. Tối năm 20 tuổi Đại sư rời khỏi trường đại học để đảm nhiệm chức hiệu trưởng của một trường tiểu học. Tối năm 1949, khi cuộc nội chiến giữa hai phe quốc gia và cộng sản bắt đầu xảy ra ở Hoa-Lục, Đại sư phải chạy sang Đài Loan; tại đây ngài đảm nhiệm những chương trình dạy Phật Pháp và biên soạn những sách về giáo lý. Cho tới nay Đại sư đã soạn hơn một trăm cuốn sách về Phật Pháp.

Ngày nay Đài Loan vẫn còn là căn cứ địa của Đại Sư Tinh-Vân; nhưng mỗi năm Đại Sư đến thăm viếng University of the West hai lần. Đại Sư giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của University of the West. Hội đồng

này bao gồm 15 thành viên, với nhiệm vụ tuyển chọn người giữ chức chủ tịch, đồng thời giám sát tất cả những thủ tục bổ nhiệm giáo sư và những viên chức hành chính cao cấp, giám sát ngân quỹ chi tiêu và những ngân khoản được hiến tặng và bảo vệ tài sản của trường.

### **Những phân khoa chủ yếu của UWest:**

1. Phân Khoa Quản Trị Kinh Doanh bao gồm bậc cử nhân và bậc cao học.
2. Phân Khoa Nghiên Cứu Tôn Giáo bao gồm bậc cử nhân đặt trọng tâm vào nghiên cứu và phiên dịch kinh sách, Phật Giáo Nhân Bản, Chánh Niệm Tỉnh Thức, Thiền Định. Bậc tiến sĩ chú trọng vào nghiên cứu Phật Pháp và Tôn Giáo Tỷ Giảo
3. Phân Khoa Tuyên Úy Phật Giáo: Văn Bằng cao học Tuyên Úy Phật Giáo và Văn Bằng Tiến sĩ Tuyên Úy Phật Giáo.
4. Phân Khoa Anh Văn: (1) Văn Bằng cử nhân Anh Văn. (2) Chứng Chỉ giáo sư dạy Anh văn như là ngôn ngữ thứ nhì (teach English as a Second Language) cho người ngoại quốc.
5. Phân Khoa Tâm Lý Học: Gồm bậc cử nhân tâm lý học và bậc cao học tâm lý học.
6. Phân Khoa Nghệ Thuật Khai Phóng (Department of Liberal Arts).

Ngoài ra, còn có những khóa học chuyên dạy Phạn ngữ, Pali ngữ và ngôn ngữ của những nước có truyền thống Phật Giáo, như tiếng Tây Tạng, Hoa ngữ và Nhật ngữ.

Theo trang Web của UWest thì:

*“UWest là một ngôi trường nhỏ với những ý tưởng lớn. Chúng tôi pha trộn truyền thống nghệ thuật tự do phương Tây với trí tuệ phương Đông và viễn cảnh toàn cầu để tạo ra những sinh viên tốt nghiệp sẵn sàng định hình và tham gia vào một tương lai tươi sáng hơn. Chúng tôi tin vào giáo dục toàn bộ con người, nuôi dưỡng tâm trí, cơ thể và tinh thần. Và chúng tôi nghĩ rằng giáo dục của bạn nên độc đáo như bạn. Chúng tôi tin vào giá trị nhỏ, từ học phí và quy mô lớp học thấp đến khuôn viên của chúng tôi, nơi chúng tôi xem là toàn bộ toàn cầu trên 10 mẫu Anh. Chúng tôi dạy khác nhau vì chúng tôi nghĩ khác nhau.”*

*“UWest tự hào về các chương trình học tập của mình. Chúng tôi là một trường đại học, phải không? Tất cả các dịch vụ khóa học của chúng tôi được thiết kế để cung cấp kiến thức và kỹ năng phù hợp với sinh viên sành điệu và nhà tuyển dụng sáng suốt, đáp ứng sở thích hiện tại của bạn và chuẩn bị cho tham vọng trong tương lai của bạn.”*

*“UWest được WASC công nhận ngay bên ngoài Los Angeles, cam kết cung cấp một nền giáo dục toàn dân, nuôi dưỡng tâm trí, cơ thể và tinh thần, và tạo điều kiện cho sự hiểu biết và đánh giá cao về văn hóa giữa Đông và Tây. Cách tiếp cận độc đáo này làm cơ sở cho tất cả các dịch vụ học thuật của chúng tôi và mang đến cho UWest tính cách khác thường. Chúng tôi tin vào việc học cùng, từ và thay mặt người khác và khuyến khích sinh viên của chúng tôi rèn con đường của riêng họ.*

*Chúng tôi rất vui mừng khi bạn đã đến đây, bây giờ hãy để chúng tôi giúp bạn thực hiện bước tiếp theo để tiến tới thành công!”*

Đại học UWest tuyên bố rằng:

*“Tại UWest, chúng tôi tin vào việc giáo dục toàn bộ con người. Chúng tôi được thành lập vào năm 1991 như một sự thay thế cho kinh nghiệm đại học thông thường, tích hợp các truyền thống nghệ thuật tự do với quan điểm toàn cầu và rút ra từ trí tuệ Phật giáo để tạo ra một cộng đồng hợp tác và hợp tác. Sinh viên tốt nghiệp của chúng tôi đáp ứng những thách thức của một thế giới ngày càng phụ thuộc toàn cầu và phức tạp với sự sáng tạo và lòng trắc ẩn.*

*Chúng tôi là một cộng đồng cam kết học tập với, từ và thay mặt cho những người khác. Sinh viên UWest nắm bắt cơ hội để phát triển các giá trị cá nhân của họ và xác định con đường cá nhân hóa để thành công trong học tập. Chúng tôi nghĩ rằng giáo dục của bạn nên là duy nhất như bạn.*

*Chúng tôi tin rằng tham vọng của chúng ta càng lớn và tầm nhìn của chúng ta càng rộng, thế giới càng nhỏ. Sự đa dạng to lớn của sinh viên và giảng viên của chúng tôi cung cấp cơ hội vô tận để tìm hiểu về thế giới bên ngoài khuôn viên trường của chúng tôi. Với hơn 44 quốc gia được đại diện trong hội sinh viên của chúng tôi, chúng tôi muốn nói rằng UWest là toàn thế giới trên 11 mẫu Anh.”* (<http://hsingyun.org/humanistic-buddhism/>)

## HÌNH PHỤ CHÚ



Hòa Thượng Thiên-Vân (星雲)



Khuôn Viên ngoạn mục của UWest ở Rosemead





## CHƯƠNG 17

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC SOKA UNIVERSITY OF AMERICA (SUA)

*Dẫn Nhập: Chương này xin giới thiệu về Trường Đại Học Soka University of America (viết tắt là SUA), do tổ chức Phật Giáo thế tục Soka Gakkai Quốc Tế (SGI) thành lập ở Hoa Kỳ trong những năm cuối thế kỷ 20.*

\*

Soka University of America là một trường đại học tư thục, bất vụ lợi, gồm những chương trình Nghệ Thuật Khai Phóng (Liberal Arts) bốn năm, ở bậc cử nhân và hậu cử nhân, với khuôn viên có diện tích rộng 103 mẫu Anh, tọa lạc trong Thị Xã Aliso Viejo, thuộc Quận Cam, miền Nam Tiểu Bang California. Soka University of America chỉ cách bờ biển 3 dặm và tọa lạc giữa trung tâm của vùng Nam California – là nơi có những đặc tính đa dạng về chủng tộc, văn hóa, giáo dục, thể thao và cơ hội tiến thân.



Trong năm 2019 Soka University of America được cơ quan truyền thông US News & World Report xếp hạng cao thứ 22 trong tổng số *Những Trường Cao Đẳng Nghệ Thuật Khai Phóng Toàn Quốc* (National Liberal Arts Colleges), và thuộc vào “15 Trường Cao Đẳng có Giá Trị Cao Nhất” (“Top 15 Best Value Colleges”) trong danh sách “*Những Trường Cao Đẳng Thượng Thặng*” (“Best Colleges 2019”) của US News & World Report.<sup>1</sup>

## Du Học Ngoại Quốc

Trong năm 2015 SUA được nhật báo Christian Science Monitor xếp hạng cao thứ nhì trong danh sách “10 Trường Cao Đẳng Giàu Tinh Thần Hợp Tác Quốc Tế Nhất” (“Top 10 Most Globally Minded Colleges”)<sup>2</sup> vì Soka University of America có những chương trình gửi sinh viên đi du học ngắn hạn ở ngoại quốc, được đài thọ từ học phí, giúp cho sinh viên bậc cử nhân đi du học ở ngoại quốc một học kỳ 6 tháng (semester) để sống và học hỏi từ một nền văn hóa ngoại quốc. Đây là phương diện giáo dục độc đáo của Soka University of America, vì vậy trường đại học này đã được US News & World Report xếp hạng số 1 về *Du Học Ngoại Quốc*.

Tất cả sinh viên bậc cử nhân của Soka University of America đều phải học một ngoại ngữ, gồm tiếng Tây

1. <https://www.usnews.com/best-colleges/soka-university-of-america-38144/overall-rankings>

2. <https://www.csmonitor.com/USA/2015/0829/Top-10-most-globally-minded-colleges/Soka-University-of-America>

Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Nhật, và tiếng Quan Thoại. Họ cần phải học một ngôn ngữ do họ lựa chọn trong 2 năm, rồi sau đó đi ngoại quốc để học một học kỳ 6 tháng vào mùa Xuân hoặc mùa Thu trong một quốc gia nói ngôn ngữ mà họ đã học. Soka University of America là trường đại học nghệ thuật khai phóng đầu tiên ở Hoa-Kỳ bắt buộc tất cả sinh viên phải trải qua tối thiểu một học kỳ 6 tháng du học ở ngoại quốc.

Với chương trình du học này, Soka University of America giúp cho sinh viên có thêm những kiến thức và hiểu biết về sự đa dạng của thế giới hiện đại. Chương trình học ở ngoại quốc cung ứng cho sinh viên những cơ hội để họ phát huy những tập quán phù hợp với một công dân của thế giới hiện đại. Sau khi sinh viên bậc bậc cử nhân du học ở ngoại quốc, họ sẽ trở về Soka University of America mang theo một mạng lưới gồm những người bạn mới có thể sẽ trở thành những người cộng tác hoặc bạn tâm giao với họ suốt đời.

Tuy rằng được đặt căn bản trên những nguyên tắc của Phật Giáo, như yêu chuộng hòa bình, nhân quyền và, tôn quý đời sống, nhưng Soka University of America gồm có những chương trình giáo dục không phân biệt giáo phái và tôn giáo, thích hợp với những sinh viên thuộc mọi chủng tộc và tôn giáo. Khoảng 60 phần trăm tổng số sinh viên đến từ Hoa Kỳ, và 40 phần trăm sinh viên đến đây du học từ 45 quốc gia trên khắp thế giới.

Soka University of America cung cấp tài trợ rộng lượng cho những sinh viên có gia cảnh nghèo, gồm cả sinh viên Mỹ lẫn sinh viên ngoại quốc đến đây du học,

với học bổng toàn phần dành cho những sinh viên hội đủ điều kiện và thuộc những gia đình có lợi tức từ \$60,000 trở xuống. Ngoài ra, còn có những học bổng dành cho sinh viên thuộc các gia đình có lợi tức cao hơn.

Sứ mạng của Soka University of America là “*bồi dưỡng những thế hệ liên tục gồm những công dân toàn cầu có ý nguyện sống một cuộc đời hữu ích cho thế giới.*” (“*foster a steady stream of global citizens committed to living a contributive life.*”)

### **Lịch Sử Thành Lập Soka University of America**

Trong năm 1987 Soka University of America được thành lập ở tiểu bang California như là một tổ chức giáo dục bất vụ lợi. Thuở sơ khai, tổ chức này là một trường cao đẳng sơ cấp tọa lạc ở Thị Xã Calabasas, thuộc Quận Los Angeles và có tên nguyên thủy là Soka University of Los Angeles (SULA), với những khóa học dạy Anh văn như là ngôn ngữ thứ nhì (ESL). Trong năm 1990, Soka University of America loan báo những kế hoạch thành lập một trường đại học gồm những môn nghệ thuật khai phóng và những kế hoạch phát triển rộng lớn trong 25 năm kế tiếp để thu nhận khoảng 5,000 sinh viên.

Tối năm 1994 Soka University of America khai giảng tại khuôn viên ở Thị Xã Calabasas những khóa học bậc Cao Học (Master of Arts) về ngôn ngữ, chú trọng vào chương trình Dạy Anh Ngữ Cho Những Người Nói Ngoại Ngữ (Teaching English to Speakers of Other Languages -- TESOL).

Trong năm 1995, Soka University of America mua thửa đất vùng đồi núi rộng 103 mẫu Anh trong thị xã Aliso Viejo, phía Nam Quận Cam, với giá 25 triệu đô la. Sau đó Soka University of America chi tiêu 225 triệu đô la để kiến thiết 18 tòa nhà đầu tiên tại khuôn viên mới. Mô hình kiến trúc của khuôn viên này được thiết kế gần giống như một ngôi làng trên đồi trong vùng Tuscany ở miền trung Italy, với những mái nhà bằng ngói màu đỏ và những bức tường bằng đá.

Tới năm 2001, Soka University of America bắt đầu khai giảng những lớp bậc cử nhân 4 năm về nghệ thuật khai phóng, tại khuôn viên mới ở Aliso Viejo. Tới Tháng 6 năm 2005, Soka University of America được tổ chức uy tín Western Association of Schools and Colleges (WASC) (Tổng Hội Trường Học Và Trường Cao Đẳng Miền Tây) thu nhận là hội viên – 4 năm sớm hơn thời gian dự trù. Trong năm đó Soka University of America cử hành lễ tốt nghiệp đầu tiên cho sinh viên bậc cử nhân 4 năm.

Trong năm 2007, chương trình bậc Cao Học được di chuyển từ Calabasas tới khuôn viên mới ở thị xã Aliso Viejo, phía nam Quận Cam. Tới năm 2008, Soka University of America loan báo kế hoạch cấp học bổng toàn phần “*Soka Opportunity Scholarships*” cho những sinh viên hội đủ điều kiện, thuộc các gia đình có lợi tức mỗi năm từ \$60,000 trở xuống.

Trong năm 2009, Soka University of America bắt đầu kiến thiết Trung Tâm Nghệ Thuật Trình Diễn Soka, một rạp hát gồm 1,000 chỗ ngồi, và tới ngày 27 tháng

5 năm 2011 rạp hát này đã được khánh thành, nhân dịp khai giảng khóa học đầu tiên của môn nghệ thuật trình diễn.

Trong năm 2013 SUA loan báo khai giảng Chương Trình Cao Học về Giáo Dục Cấp Lãnh Đạo và Cải Tiến Xã Hội (Master's Program in Educational Leadership and Societal Change). Cũng trong năm đó Soka University of America được cơ quan truyền thông *US News & World Report* xếp hạng thứ 41 trong tổng số Trường Đại Học Nghệ Thuật Khai Phóng Toàn Quốc (National Liberal Arts Colleges).

Những sinh viên của Soka University of America tốt nghiệp bậc cử nhân được cấp Bằng Cử Nhân Nghệ Thuật Khai Phóng (Bachelor of Liberal Arts), thuộc vào những môn Nghiên Cứu Môi Trường, Khoa Học Nhân Văn, Xã Hội Học, và Nghiên Cứu Quốc Tế (International Studies).

Chương Trình Cao Học Về Giáo Dục Lãnh Đạo Và Cải Tiến Xã Hội đáp ứng cho nhu cầu đào tạo cấp lãnh đạo trên thế giới, với những bài giảng huấn liên quan tới các vấn đề xã hội, văn hóa, chính trị và kinh tế, đồng thời phân tích về những mô hình lãnh đạo trong quá khứ và hiện tại để rút tủa kinh nghiệm

*Trung Tâm Nghiên Cứu Vùng Thái Bình Dương (The Pacific Basin Research Center -- PBRC)* của Soka University of America thi hành những chương trình nghiên cứu về sự phát triển nhân đạo và hòa bình trong những quốc gia thuộc những vùng Châu Đại Dương,

Đông-Á, Đông Nam Á, Bắc Châu Mỹ và Châu Mỹ Latinh. Trung tâm nghiên cứu này tăng cường thêm cho những chương trình giảng huấn của trường đại học Soka University of America bằng cách bảo trợ những cuộc diễn thuyết đặc biệt, những cuộc hội thảo và hội nghị; đồng thời trung tâm cũng tài trợ cho những chương trình nghiên cứu và phí tổn du hành cho các giáo sư và sinh viên đi nghiên cứu trong vùng Thái Bình Dương trong những lãnh vực an ninh quốc tế, phát triển kinh tế, cải tổ giáo dục và văn hóa, bảo vệ môi trường và nhân quyền.

Ngày nay những sinh viên tốt nghiệp bằng Cử Nhân của Soka University of America được thu nhận vào nhập học bậc Cao Học trong những trường đại học nhiều uy tín, như: Harvard, Yale, Oxford, Cambridge, Stanford, USC, UCLA, UC Berkeley, UC Irvine, UC Santa Barbara, Georgetown, v.v.

## **Bành Trưởng Trong Tương Lai**

Trong năm 2017 Soka University of America khởi công kiến thiết thêm hai tòa nhà ký túc xá mới để thu nhận thêm sinh viên và một tòa nhà mới dành cho chương trình nghiên cứu khoa học. Tòa nhà khoa học này dành cho những môn Khoa Học Đời Sống (Life Sciences) để sinh viên bậc cử nhân sẽ học những chương trình tiền-y-khoa (pre-med) và học về những chủ đề liên quan tới sinh vật học, y khoa và y tế. Hai dự án kiến thiết này sẽ được hoàn tất vào mùa Thu năm 2020.

Sau đó, Soka University of America dự trù sẽ kiến thiết thêm những ký túc xá, những giảng đường, và nới rộng thêm những phòng ăn để có thể chứa được tối đa 1,000 sinh viên.

Trong năm 2018, Soka University of America có ngân quỹ lên tới hơn 1 tỷ đô-la. Họ có ngân sách cao như vậy là nhờ sự tài trợ của tổ chức Soka Gakkai Quốc Tế (SGI) và những đóng góp ủng hộ của cựu sinh viên.

---

*Ghi chú: Phần lớn tài liệu dùng cho bài này lấy từ website của Soka University of America: <http://www.soka.edu/>*

## HÌNH PHỤ CHÚ



Founders Hall, Aliso Viejo campus.



The Soka Performing Arts Center



Student Center



Residence Halls: "Horizon," "Aurora," "Abeona," and "Sunrise"





## CHƯƠNG 18

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC SOKA UNIVERSITY Ở NHẬT BẢN

*Dẫn Nhập: Chương này giới thiệu về Trường Đại Học Soka University ở Nhật-Bản do Tiến Sĩ Daisaku Ikeda, Chủ Tịch sáng lập của tổ chức Soka Gakkai Quốc Tế (SGI) thành lập trong năm 1971.*

\*

Soka University (Nhật ngữ: 創価大学), là một trường đại học tư thục bất vụ lợi, tọa lạc ở thủ đô Tokyo của Nhật-Bản. Trong năm 2014 Bộ Giáo Dục, Văn Hóa, Thể Thao, Khoa Học và Công-Nghệ của Nhật-Bản đã tôn xưng Soka University như là một trong những *Đại Học Toàn Cầu Siêu Đẳng của Nhật-Bản* (“one of Super Global Universities of Japan”). Trường đại học này gồm có 8 phân khoa chủ yếu, với tổng số sinh viên bậc cử nhân và hậu cử nhân gồm khoảng 8,000; trong số đó có khoảng 400 sinh viên từ ngoại quốc đến đây du học.

Soka University bắt đầu khai giảng những chương trình bậc cử nhân trong năm 1971 và những chương trình bậc cao học trong năm 1975. Từ khi thành lập cho tới năm 2018 đã có hơn 50,000 sinh viên tốt nghiệp từ Soka University.

Đại Học Soka University of America do tổ chức Soka Gakkai Quốc Tế thành lập ở Thị Xã Aliso Viejo, miền nam tiểu bang California, trong năm 2001, có liên hệ với đại-học này.

Trọng tâm của Hệ Thống Đại Học Soka là thực hiện chính sách giáo dục nhân bản và chú trọng vào mục tiêu tạo hạnh phúc cho mỗi sinh viên. Chính sách giáo-dục của Soka University nhắm mục tiêu khuyến khích các sinh viên hãy sống cuộc đời hữu ích đối với thế giới và nuôi dưỡng óc sáng tạo và phát triển những tiềm năng của họ.<sup>1</sup> Trong khi Soka University đặt trọng tâm vào sự đào tạo những công dân toàn cầu hữu ích cho thế giới, ban quản trị của đại-học này cũng chú trọng vào sự đoàn kết, hợp tác chặt chẽ và kính trọng lẫn nhau, giữa ban giáo sư và ban quản lý.<sup>2</sup>

## **Triết Lý Giáo Dục Của Soka University**

Triết Lý Giáo Dục Của Soka University đã được khởi xướng bởi chuyên-gia giáo dục Tsunesaburo Makiguchi, vị chủ tịch đầu tiên của tổ chức Phật Giáo thế tục Soka Gakkai (Hội Sáng Tạo Giá Trị Giáo Dục), và là tác giả

---

1. <https://www.soka.ac.jp/en/about/philosophy/mission/#anchor9>

2. <https://www.soka.ac.jp/en/about/philosophy/mission/#anchor9>

của cuốn sách bàn về triết lý giáo dục nhan đề là “*Hệ Thống Sư Phạm Tạo Giá Trị*” (The System of Value-Creating Pedagogy) đặt nền tảng trên sự tin tưởng của ông rằng mục tiêu của giáo dục là tạo hạnh phúc cho sinh viên và, đặt trọng tâm vào chủ trương giáo-dục nhân-bản. Triết lý giáo-dục này của ông Makiguchi đã được người kế nhiệm và môn sinh của ông là nhà giáo-dục Josei Toda noi theo. Rồi sau đó triết lý này cũng được người thừa kế ông Toda là Daisaku Ikeda noi theo. Sau khi lên nhậm chức chủ tịch của Soka Gakkai, Tiến Sĩ Daisaku Ikeda nói rằng ông sẽ tiếp tục thực hiện những ước mơ của hai người tiền nhiệm Makiguchi và Toda.

Trong năm 1975 ông Ikeda thành lập Soka Gakkai Quốc Tế (SGI), là tổ chức Phật Giáo thế tục lớn nhất thế giới, với khoảng 12 triệu thành viên thực hành giáo lý của Phật Giáo *Nhật Liên Tông* trên khắp hoàn cầu. Trong năm 2001, ông Ikeda thành lập Đại Học Soka University of America ở miền nam tiểu bang California.

### **Ba nguyên tắc căn bản của Soka University<sup>3</sup>**

Từ ngữ “Soka” trong tiếng Nhật có nghĩa là “tạo giá trị” (value creation). Khi Tiến Sĩ Daisaku Ikeda thành lập Đại Học Soka University ở Tokyo trong năm 1971, cơ sở giáo dục cao đẳng này đề xướng ba nguyên tắc căn bản sau đây:

1. Sẽ là cơ sở cao nhất để thụ huấn giáo-dục nhân-bản.

---

3. <https://www.soka.ac.jp/en/about/philosophy/mission/>

2. Sẽ là cái nôi của một nền văn hóa mới.
3. Sẽ là thành trì bảo vệ hòa bình cho nhân loại.

## **1/ Cơ sở cao nhất để thụ huấn giáo-dục nhân bản**

Sứ mạng chủ yếu của Soka University là “tạo giá trị” để nuôi dưỡng tiềm năng sáng tạo và nâng cao đời sống của mỗi sinh viên, đồng thời khuyến khích sinh viên hãy sử dụng tiềm năng đó của họ để tạo thêm phúc lợi cho nhân loại. Soka University chủ trương rằng giáo dục bậc đại-học không phải chỉ giới hạn ở sự giáo huấn và thu thập những kiến thức.

Theo nhận xét của Soka University, giáo dục bậc đại-học cần phải phân biệt giữa kiến-thức (knowledge) và trí-huệ (wisdom). Xã hội cần phải có những cá nhân đủ khả năng sử dụng kiến thức để phát huy trí-huệ, nhằm đối phó với những thách thức của thời đại mới. Soka University cố gắng cung cấp giáo-dục nhân bản để giúp cho sinh viên khai thác và sử dụng trí-huệ tiềm tàng trong nhân loại.

## **2/ cái nôi của một nền văn hóa mới**

Đại học Nalanda ở Ấn Độ là Đại học đầu tiên trên thế giới. Nalanda được coi như chiếc nôi trí tuệ của nhân loại và cấu trúc nền tảng của đại học này là tuệ giác siêu việt của Phật Giáo, các trường đại-học khác sau đó đã được thành lập ở Châu-Âu trong thời Trung-Cổ và, chúng đã giữ một vai trò quan trọng trong sự phát triển triết-lý giáo-dục ở Châu-Âu, đặt căn bản trên Ki-Tô-

Giáo và, triết lý đó đã giúp khai-sinh Thời Đại Phục-Hưng trong thế kỷ 14. Trong thời hiện đại của chúng ta, một triết-lý bao gồm nhiều yếu tố phối hợp với nhau sẽ giúp đem lại trật tự cho sự đa dạng của những nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Một triết lý như vậy – được đặt nền tảng vững chắc trên sự nhìn nhận tình liên đới trong toàn thể nhân loại – sẽ giúp đào tạo những công-dân của thế giới (global citizens) và những cá nhân giàu sáng-tạo sau khi hấp thụ giáo dục tốt.

Một công dân của thế giới, hay công-dân toàn cầu (global citizen), có thể được định nghĩa như là một cá nhân giàu trí-huệ, có đức tánh dũng cảm và từ bi – dũng cảm để sẽ kính trọng và cảm thông với những khác biệt về chủng tộc và văn hóa, và coi những khác biệt đó như là một nguồn dinh dưỡng giúp cho họ phát huy. Đức tánh từ bi sẽ giúp họ thương yêu và thông cảm với những người sinh sống ở những nơi khác trên thế giới.

### **3/ Thành trì bảo vệ hòa bình cho nhân loại**

Vì có lập trường cương quyết chống chế độ quân phiệt Nhật trong Thế Chiến thứ 2 cho nên cả hai ông Tsunesaburo Makiguchi và Josei Toda (chủ tịch thứ nhất và thứ nhì của Soka Gakkai) đã bị chính quyền đàn áp và cầm tù. Ông Tsunesaburo Makiguchi đã chết trong tù, vì nhất quyết không chịu khuất phục cường quyền cho đến phút cuối cùng. Ông Toda cũng không thay đổi lập trường chủ hòa, nhưng sống sót cho tới sau chiến tranh, và đã nối nghiệp ông Tsunesaburo Makiguchi để

giữ chức Chủ Tịch đời thứ nhì của Soka Gakkai và tiếp tục thực hiện những lý tưởng của người tiền nhiệm để tạo hòa bình cho thế giới. Trong năm 1957 ông công bố bản tuyên ngôn của Soka Gakkai kêu gọi bãi bỏ vũ khí hạt nhân.

Sau khi Tiến Sĩ Daisaku Ikeda lên giữ chức Chủ Tịch đời thứ 3 của Soka Gakkai trong năm 1960, ông tìm cách thực hiện những viễn kiến của hai vị chủ tịch tiền nhiệm qua những cuộc đối thoại với các nhà trí thức, sử gia và chính trị gia trên thế giới. Ông trải qua thời niên thiếu trong khi Nhật-Bản can dự vào cuộc Thế Chiến Thứ Hai từ năm 1941 tới năm 1945. Những kinh nghiệm trực tiếp khi sống trong chế độ quân phiệt, chứng kiến những tình cảnh đau khổ do chiến tranh gây ra, đã để lại những ấn tượng thâm sâu trong tâm trí ông, thúc đẩy ông dẫn thân vào những nỗ lực tạo hòa bình cho thế giới.

Đồng thời, sau khi đã chứng kiến ảnh hưởng của chủ nghĩa quân phiệt và tinh thần ái quốc cực đoan trong chính sách giáo dục của Nhật-Bản trong thời chiến tranh, ông thấy rằng cần phải tạo dựng triết lý giáo dục nhân bản. Chế độ quân phiệt Nhật đã dùng giáo dục như là phương tiện để rèn luyện học sinh và sinh viên trở thành những công dân ngoan ngoãn luôn luôn phục tùng những sai khiến của chính quyền, cho những mục tiêu chiến tranh. Ông Ikeda đã chứng kiến trực tiếp sức mạnh của giáo-dục trong sự rèn luyện hướng đi tích cực hay tiêu cực, tốt hay xấu, của giới thanh thiếu niên. Những kinh nghiệm đó thúc đẩy ông thực hiện đường lối giáo-dục nhân bản.

Từ năm 1960 cho tới năm 2015, ông Ikeda đã xuất bản nội dung của hơn 50 cuộc đối thoại với những học giả và những nhân vật nổi tiếng trên thế giới, trong những lãnh vực vận động hòa bình, chính trị, giáo dục, khoa học, nghệ thuật v.v... Trong số đó có sử gia người Anh Arnold Toynbee, cựu chủ tịch Sô-Viết Mikhail Gorbachev, khoa học gia và khôi nguyên giải Nobel Hòa Bình Linus Pauling. Cuộc đối thoại với sử gia Arnold Toynbee đã được xuất bản bằng 28 ngôn ngữ.

## **Trao Bằng Tiến Sĩ Danh Dự Cho Những Nhân Vật Chủ Trương Hòa Bình**

Từ khi thành lập cho tới năm 2015, Soka University đã tặng 365 bằng Tiến Sĩ Danh Dự và Giáo Sư Danh Dự cho những nhân vật nổi tiếng quốc tế trong những lãnh vực chính trị, học thuật và văn hóa.

Trong năm 1993, chính trị gia Nga Mikhail Gorbachev cùng với phu nhân Raisa đến Tokyo để nhận bằng Tiến Sĩ Danh Dự tại Soka University để tưởng thưởng cho những nỗ lực của ông nhằm tạo hòa bình cho thế giới. Vào dịp đó, Soka University đã trồng một cây anh-đào trong khuôn viên để ghi nhớ chuyến viếng thăm của ông Gorbachev và phu nhân.

Trong năm 1994, bà Rosa Parks, nhà tranh đấu dân-quyền người Mỹ gốc Phi Châu, đến viếng Soka University để đọc diễn văn và nhận bằng tiến sĩ danh dự vì đã có công lao tranh đấu dân quyền cho người Mỹ da đen.



Trong năm 1995, ông Nelson Mandela đến viếng Soka University để nhận bằng Tiến Sĩ Danh Dự tưởng thưởng cho công lao suốt đời tranh đấu đòi nhân-quyền cho người da đen ở Nam-Phi.

Soka University gồm có những phân khoa chủ yếu sau đây:

***Bậc Cử Nhân:***

1. Phân Khoa Kinh-Tế-Học
2. Phân Khoa Quản-Trị Kinh-Doanh
3. Phân Khoa Luật.
4. Phân Khoa Điều Dưỡng
5. Phân Khoa Khoa Học và Kỹ Sư
6. Phân Khoa Nghệ Thuật Khai Phóng Quốc Tế
7. Phân Khoa Văn Chương
8. Phân Khoa Giáo Dục

***Bậc Cao-Học:***

1. Trường Cao Học Kinh Tế (Graduate School of Economics)
2. Trường Cao Học Luật Khoa (Graduate School of Law)
3. Trường Cao Học Văn Khoa (Graduate School of Letters)
4. Trường Cao Học Nghiên Cứu Hòa Bình Quốc Tế (Graduate School of International Peace Studies)
5. Trường Cao Học Kỹ Sư (Graduate School of Engineering)

Ngoài những phân khoa chủ yếu trên đây, Soka University còn có Viện Triết Lý Đông Phương (Institute of Oriental Philosophy).

## HÌNH PHỤ CHÚ

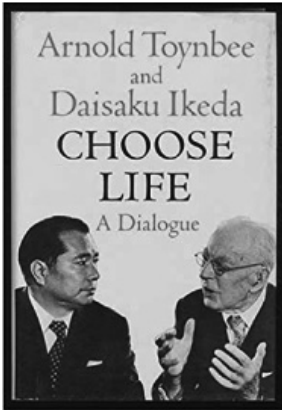


Từ trái sang:

1. Tsunesaburo Makiguchi *Chủ Tịch Sáng Lập* của Soka Gakkai
2. Joseo Toda *Chủ Tịch Thứ Nhì* của Soka Gakkai
3. Daisaku Ikeda *Chủ Tịch Thứ Ba* của Soka Gakkai



Soka University ở Tokyo



Bìa Sách Choose Life



Khoa học gia Linus Pauling



Chính trị gia Nga Mikkhail Gorbachev viếng Trường Đại Học Soka University để nhận bằng tiến sĩ danh dự



Bà Rosa Parks, nhà tranh đấu dân quyền người Mỹ gốc Châu Phi, viếng Soka University để nhận bằng tiến sĩ danh dự

Ông Nelson Mandela, nhà tranh đấu dân quyền Nam-Phi, viếng Soka University để nhận bằng tiến sĩ danh dự



## CHƯƠNG 19

# ĐẠI CƯƠNG VỀ PHƯƠNG CÁCH DẠY PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

*Dẫn Nhập:* Chương này xin bàn luận đại cương về phương pháp dạy Phật Pháp cho trẻ em, để rèn luyện cho con em chúng ta trở thành những Phật tử có lối sống đạo hạnh và hữu ích cho xã hội. Nội dung của bài này dựa theo tài bài biên khảo “How to Teach Buddhism to children” của học giả Phật Giáo người Đức, Tiến Sĩ Helmuth Klar.

\*

### **Làm Gương Cho Trẻ Em**

Trẻ em thường bắt chước những hành vi và cách cư xử của người lớn trong gia đình. Vì vậy, gương mẫu tốt từ cha mẹ là điều quan trọng nhất trong cách giáo dục trẻ em và, nếu lối sống của cha mẹ phù hợp với Phật Pháp thì đó là phương cách giáo dục tốt nhất cho

trẻ em, dù chúng ở bất cứ lứa tuổi nào. Trẻ em dần dần phát triển khả năng quan sát và nhận xét, khi chúng lớn khôn theo tuổi tác; và chúng thường bắt chước cha mẹ. Vì vậy, cha mẹ cần phải thực hành Phật Pháp trong đời sống hàng ngày, chứ không phải chỉ hiểu biết giáo lý mà không thực hành. Phật pháp quan trọng ở chỗ là hành trì và hành trì một cách tinh tấn.

### **Nhắc Nhở Trẻ Em Về Đức Phật**

Trong những gia đình của Phật Tử cần phải có bàn thờ và ảnh tượng Đức Phật để nhắc nhở trẻ em về Ngài và, trên bàn thờ thường xuyên có hoa, hương, trái cây, đèn và nước. Điều quan trọng là thường xuyên nhắc nhở con em rằng, khi lễ bái trước bàn thờ Phật thì có nghĩa là chúng cung kính đánh lễ Đức Phật như là vị Thầy vĩ đại nhất trong lịch sử của nhân loại, đồng thời nguyện học và sống đời sống Phật để lợi lạc quần sanh chứ không phải lễ bái ảnh tượng của ngài.

### **Những Ngày Lễ Phật Giáo**

Hầu hết trẻ em đều ưa thích những lễ hội. Hàng năm, những trẻ em thuộc các tôn giáo khác được tham dự nhiều lễ hội của tôn giáo đó. Phật tử hãy nên đưa con em đi lễ bái vào những ngày lễ Phật Giáo quan trọng trong năm, như Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, những ngày Lễ Bố-tát (Posatha) ở chùa ít nhất vài lần trong năm. Hãy luyện tập cho chúng ăn chay và thực hành ngũ giới vào những ngày lễ đó. Nếu có thể nên đưa con cháu về chùa hàng

ngày hoặc hàng tuần để tham dự các thời tu tập.

Cha mẹ thường xuyên đọc cho trẻ em nghe những bài kệ trong *Kinh Pháp Cú* và những truyện kể về tiền kiếp của Đức Phật trong *Kinh Bản Sanh* (Jataka). Trong khi đọc hãy giải thích cho chúng hiểu về ý nghĩa của những tài liệu đó. Những truyện trong *Kinh Bản Sanh* sẽ giúp cho trẻ em biết đại khái về đời sống và cách suy tư của người Ấn Độ trong thời của Đức Phật; đồng thời những khái niệm về Nghiệp, Luân Hồi và Tái Sanh sẽ thấm nhuần vào tâm trí của các em. Hầu hết những giáo lý của Đức Phật có thể dạy cho trẻ em, nếu chúng ta áp dụng những phương cách giảng giải linh động, tùy theo lứa tuổi và trình độ hiểu biết của chúng.

## Lịch Sử Phật Giáo

Ngoài những truyện kể trong *Kinh Bản Sanh*, hoặc *Kinh Pháp Hoa*, *Kinh Đại Bát Niết Bàn*..., chúng ta cũng nên nói cho trẻ em nghe về địa dư, đời sống, cấu trúc xã hội ở Ấn Độ trong thời Đức Phật, về bối cảnh lịch sử trong thời kỳ sơ khai của Phật Giáo, về lịch sử Phật Giáo đại cương và, từ thuở đó đến nay “*Bánh Xe Pháp Luân*” đã được chuyển như thế nào trong toàn cõi Ấn Độ và khắp nơi trên thế giới.

## Giảng Giải Giáo Lý

Khi được giáo huấn một cách thích hợp, tâm trí của trẻ em dần dần tăng trưởng trong tinh hoa của Phật Pháp, đồng thời hiểu biết về những giáo lý căn bản của Đạo

Phật. Tối lúc đó cha mẹ có thể đọc cho chúng nghe một số kinh sách dễ hiểu, thí dụ như những kinh sách liên quan tới Ngũ-Giới, và những điều mà Phật tử tại gia cần phải thực và những điều cấm kỵ và, giảng giải cho các em về những bài thuyết pháp trong *Kinh Tăng Chi Bộ* (Anguttara Nikaya). Giảng dạy một số bài kệ dễ hiểu trong *Kinh Pháp Cú*, thí dụ như:

3. Nó mắng tôi, đánh tôi,  
 Nó thắng tôi, cướp tôi  
 Ai ôm hiểm hận ấy,  
 Hận thù không thể nguôi.

4. Nó mắng tôi, đánh tôi,  
 Nó thắng tôi, cướp tôi  
 Không ôm hiểm hận ấy,  
 Hận thù được tự nguôi.

5. Với hận diệt hận thù,  
 Đời này không có được.  
 Không hận diệt hận thù,  
 Là định luật ngàn thu.

\*\*\*

129. Mọi người sợ hình phạt,  
 Mọi người sợ tử vong.  
 Lấy mình làm ví dụ  
 Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,  
 Mọi người thích sống còn;

*Lấy mình làm ví dụ,  
Không giết, không bảo giết.*

\*\*\*

*183. Không làm mọi điều ác.  
Thành tựu các hạnh lành,  
Tâm ý giữ trong sạch,  
Chính lời chư Phật dạy.*

\*\*\*

*227. A-tu-la, nên biết,  
Xưa vậy, nay cũng vậy,  
Ngồi im, bị người chê,  
Nói nhiều bị người chê.  
Nói vừa phải, bị chê.  
Làm người không bị chê,  
Thật khó tìm ở đời.*

*228. Xưa, vị lai, và nay,  
Đâu có sự kiện này,  
Người hoàn toàn bị chê,  
Người trọn vẹn được khen.*

*229. Sáng sáng, thâm xét kỹ.  
Bậc có trí tán thán.  
Bậc trí không tỳ vết,  
Đầy đủ giới định tuệ.*

(Trích từ bản dịch **Kinh Pháp Cú**  
của Hòa Thượng Thích Minh Châu)

Giáo lý và triết lý của Đạo Phật không khó hiểu đối với giới thiếu niên như một số người lầm tưởng. Và lại,



chúng ta có thể tin tưởng rằng những trẻ em sanh ra trong những gia đình của Phật tử là do nghiệp quả chi phối như vậy. Do đó, chúng cần được hưởng một nền giáo-dục Phật Giáo.

## Học Thuộc Lòng

Đa số trẻ em dễ dàng học thuộc lòng và ghi nhớ những gì được cha mẹ giáo huấn, hãy dạy cho chúng về những Phật pháp căn bản như Tam-Bảo, Ngũ Giới, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Phát Bồ đề tâm

Những Ngày BỐ-Tát là những dịp rất thích hợp để tụng đọc những bài kệ mà trẻ em đã học thuộc lòng và, cũng thích hợp để cha mẹ giảng giải những giáo lý của Đức Phật. Nhưng chúng ta cần nên thận trọng để luôn luôn khiến cho chúng học hỏi một cách thoải mái, trong khi chúng còn phải đi học ở trường; bởi vì khả năng chú tâm của chúng trong một khoảng thời gian nào đó chỉ có giới hạn. Hãy áp dụng những phương cách để khiến cho ngày BỐ-Tát trở thành ngày vui mà chúng mong đợi. Thí dụ như đưa chúng đi dạo trong một công viên thanh tịnh, trong một khu rừng thưa, hoặc ở vùng sơn cước có phong cảnh đẹp. Trong khi rong chơi vui vẻ như vậy, hãy dạy cho chúng quan sát thiên nhiên và đời sống hiện thực. Hãy liên tưởng tới chuyện Thái Tử Tất Đạt Đa một hôm đi xe ra ngoài cung-điện và trông thấy một người già, một người bệnh, một xác chết và, cuối cùng một tăng sĩ. Thỉnh thoảng chúng ta hãy dẫn dắt trẻ em đi ra khỏi ngôi tư-gia an toàn nhưng chật hẹp, để cho chúng quan sát và hiểu biết thêm về thế giới đầy phức tạp.

Trong những dịp đi chơi như vậy, chúng ta sẽ có nhiều cơ hội để tập cho trẻ em thực hành tâm từ bi đối với loài người và loài vật. Chúng ta nên dạy cho trẻ em theo gương những hướng-đạo-sinh, thí dụ như giúp những người già, người khuyết tật, hoặc người dùng xe lăn, băng qua đường có nhiều xe lưu thông. Dạy cho chúng thương yêu loài vật, thí dụ như giúp những con cá mắc cạn bơi ra nơi nước sâu; thay vì vứt bỏ thức ăn dư thừa vào thùng rác thì hãy để ở nơi thường có chim hoặc cá đến ăn.

### **Đạo Phật Là Tôn Giáo Của Tình Thương**

Chúng ta hãy thường xuyên nhắc nhở với trẻ em rằng Đạo Phật là tôn giáo của tình thương. Đức Phật đã truyền dạy giáo-lý cho thế giới vì thương xót chúng sanh và giúp chúng ta thoát khỏi đau khổ. Đức Thế Tôn đã đặt Từ-Bi ở trung-tâm giáo lý của Ngài; vì vậy chúng ta phải luôn ghi nhớ điều đó và thường xuyên dạy cho trẻ em về Tứ Vô Lượng Tâm: Từ Bi Hỷ Xả.

### **Theo Gương Đức Phật**

Chúng ta cần phải tránh gây khó khăn cho trẻ em khi dẫn dắt chúng thực hành Phật Pháp, để khiến cho chúng ưa thích học hỏi giáo lý. Điều này tùy thuộc vào sự hiểu biết về tâm-lý-học của cha mẹ. Chính họ cần phải biết có thể dạy cho các con ở trình độ nào. Đức Phật luôn luôn dạy giáo lý của Ngài tùy theo trình độ hiểu biết của người nghe thuyết pháp: Ngài dạy cho người bình dân

theo phương cách khác với khi Ngài dạy cho một triết-gia. Ngài là tâm-lý-gia và triết-gia vĩ đại nhất trong lịch sử, vì là Đấng Toàn-Giác. Vì vậy, những ai trong chúng ta muốn dạy giáo lý của Ngài cho tha nhân thì chính bản thân phải hiểu thấu đáo Phật Pháp.

### **Tìm Hiểu Cá Tánh Của Các Con**

Đức Phật đã dạy giáo lý của Ngài cho các vua chúa và những người hành khất, cho các địa chủ và những nông dân, cho các chiến sĩ và các thương gia, cho giai cấp cai trị và giai cấp nô lệ, v.v. Ngài biết rõ về cấu trúc xã hội và những vấn nạn của xứ Ấn Độ đương thời và, biết rõ cá tánh điển hình của mỗi loại người (căn cơ, trình độ). Để theo gương Ngài, chúng ta hãy cố gắng tìm hiểu cá tánh của các con để có thể dạy Phật Pháp cho chúng một cách hữu hiệu nhất. Câu hỏi được nêu ra ở đây là, trong khi chúng ta là Phật tử, nếu chính mình không thể dạy Phật Pháp cho các con thì người nào có thể đảm nhiệm trọng trách đó thay ta? Trong bài kệ số 354 của Kinh Pháp-Cú Đức Phật dạy: “*Pháp thí, thắng mọi thí!*” (“*Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ jināti*”) (Tặng phẩm bằng Phật Pháp vượt lên trên mọi tặng phẩm khác).

### **Tránh Cho Trẻ Em Bị Ảnh Hưởng Từ Những Tôn Giáo Khác Và Lối Sống Trọng Vật Chất**

Để giữ cho tâm trí của con em chúng ta mở rộng và đón nhận ánh sáng của Phật Pháp, chúng ta cần phải

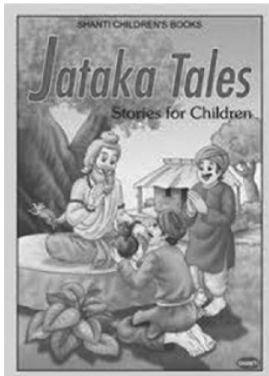
thận trọng để phòng chúng bị vướng mắc vào những cám dỗ của lối sống coi trọng vật chất, hoặc bị lôi cuốn vào những tôn giáo tin tưởng có đấng Thượng Đế Toàn Năng (Omnipotent God). Vì trẻ em Phật tử Tây Phương sinh trưởng trong môi trường của hai vấn đề đó, cho nên chúng ta cần phải giải thích cho con em sự khác biệt giữa Phật Giáo và các tôn giáo đó. Chúng ta hãy nhấn mạnh rằng, giáo lý của Đức Phật là con đường trung đạo giữa những thái cực và, tránh cho con em chúng ta bị lôi cuốn vào những ảnh hưởng ngoại lai của tôn giáo khác và lối sống coi trọng vật chất.

### **Tinh Thần Trách Nhiệm Đối Với Bản Thân**

Tinh thần trách nhiệm đối với bản thân là một trong những tâm điểm của Phật Giáo và chúng ta cần phải nhấn mạnh sự quan trọng của tâm điểm này. Mỗi buổi tối, trong khi trẻ em thuộc những tôn giáo khác cầu nguyện đấng Thượng Đế Toàn Năng không có thật thì trẻ em Phật tử hãy tọa thiền để suy ngẫm về những gì mà chúng đã làm trong ngày đó. Nếu chúng nhận thấy mình không suy nghĩ, không nói và không hành động phù hợp với Phật Pháp thì hãy tự nhắc nhở để quyết tâm tránh tái phạm những lỗi làm đó. Sáng hôm sau, hành động đầu tiên của chúng là hãy nhớ lại điều quyết tâm sẽ thực hành. Cung cách đó sẽ giúp cho trẻ em phát triển năng lực của nội tâm và thanh lọc nội tâm bằng cách vun trồng những suy nghĩ, những ngôn ngữ và những hành động lành mạnh. Sự hiểu biết về Nghiệp báo Nhân quả sẽ giúp cho trẻ em thấy rõ rằng mọi ý tưởng, ngôn

ngũ và hành động đều hàm chứa cả nhân và quả và, điều duy nhất mà chúng ta có thể làm để sửa những lỗi lầm là hãy hành động tốt hơn trong tương lai, đồng thời cố gắng tránh tái phạm những lỗi lầm trong quá khứ. Tinh thần trách nhiệm đầy đủ đối với bản thân là dấu ấn của tâm-trí trưởng thành và, khi nào con em chúng ta phát triển đức tánh đó thì chắc chắn nó sẽ hướng dẫn các em đi trên con đường Chánh Đạo suốt đời và đề kháng đối với những ảnh hưởng của các tôn giáo ngoại lai và những cám dỗ của lối sống coi trọng vật chất xa-hoa.

## HÌNH PHỤ CHÚ





## CHƯƠNG 20

# GIỚI THIỆU TRƯỜNG PHẬT GIÁO THIẾU NHI SARAHA Ở OREGON

*Dẫn Nhập:* Trong các chương vừa qua đã giới thiệu những cơ sở giáo-dục Phật Giáo bậc đại học, chương này chúng tôi xin giới thiệu Trường Thiếu-Nhi Saraha (Saraha Children's School - SCS) ở bậc tiểu và trung-học mà hầu hết học sinh là những “Phật Tử thế hệ thứ ba” ra đời trong những gia đình Phật Tử Mỹ, hoặc Phật Tử di dân, được cha mẹ gửi đến đây học.

\*

Phật Giáo chỉ bắt đầu phát triển ở Hoa-Kỳ trong thập niên 1970. Thế hệ Phật Tử thứ nhất gồm đa số những thanh niên trí thức phóng khoáng ưa thích tìm hiểu những tôn giáo và văn hóa Đông Phương và, do nhân duyên nên họ đã tìm thấy Phật Giáo. Những người đi tiên phong đó sinh trưởng trong những gia đình thuộc



những tôn giáo khác, nhưng đã tìm thấy những giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phù hợp với tâm thức của họ. Kế đó, thế hệ các con của họ chịu ảnh hưởng từ những tư tưởng và triết lý Phật Giáo qua những cuốn sách, hoặc có dịp gặp gỡ những Phật Tử thông tuệ khiến họ khâm phục. Đa số thế hệ Phật Tử thứ hai này đã nghiên cứu và hiểu biết về Phật Pháp ở trình độ cao hơn thế hệ thứ nhất, chứ không phải chỉ “khám phá” Phật Giáo trong một sớm một chiều.

Bây giờ là thời điểm thế hệ thứ hai đó đang có những đứa con thân yêu mà họ muốn nuôi dưỡng chúng thành những Phật Tử chân chánh, chứ không phải chỉ hiểu biết Phật Pháp mà không thực hành. Hậu quả là ngày nay ở Hoa-Kỳ đang phát xuất những trường Phật Giáo áp dụng những phương cách giáo-dục phù hợp với Phật Pháp. Ở một số địa phương, những Phật Tử thế hệ thứ ba có thể được liên tục giáo huấn phù hợp với Phật Pháp từ lớp mẫu giáo cho tới bậc đại học.<sup>1</sup>

## **Giới Thiệu Trường Thiếu-Nhi Saraha**

Trường Thiếu-Nhi Saraha (Saraha Children’s School – SCS), là một trường bậc K-8 (bao gồm từ lớp mẫu giáo cho tới lớp 8 của bậc trung học), tọa lạc trong Thị Xã Eugene, Tiểu Bang Oregon, đã được ghi danh với Bộ Giáo Dục Oregon (ODE) như là một trường tư thục bất vụ lợi, áp dụng những phương pháp giáo dục thiếu nhi

---

1. <https://www.buddhistdoor.net/features/educating-buddhist-children-in-america>

phù hợp với Phật Giáo, phối hợp những môn học thông thường với những pháp môn của Phật Giáo, như *Tâm Tỉnh Thức* (Mindfulness), *Tứ Vô Lượng Tâm*, và *Bát Chánh Đạo*, v.v.

SCS là trường tiểu và trung-học Phật Giáo đầu tiên trong Tiểu bang Oregon và, cũng là một trong những trường Phật Giáo đầu tiên ở cấp bậc này trên toàn quốc Hoa-Kỳ. SCS đã nhận được nhiều bằng khen và phần thưởng về giáo-dục của tiểu bang Oregon.<sup>2</sup>

Được thành lập năm 2014 trong khuôn viên có phong cảnh sơn lâm ngoạn mục, rộng 2.5 mẫu Anh, của Viện Phật Giáo Saraha Ninh-Mã (Saraha Nyingma Buddhist Institute).

Mỗi buổi sáng, trong giờ học đầu tiên, toàn thể học sinh tụ tập trên tầng lầu của Chùa Saraha để tọa thiền, và học giáo-lý Phật Giáo nhập môn bằng ngôn ngữ Tây Tạng và những bài học về Phật Pháp bằng Anh ngữ. Sau đó, các em ăn bữa trưa trên tầng lầu của Chùa Saraha.

Những giờ còn lại trong ngày các em đi xuống tầng dưới của ngôi chùa để được giảng huấn những môn học phổ thông giống như các trường công lập, tùy theo lứa tuổi và trình độ lớp học.

Sau giờ học, với sự giám sát của nhân viên nhà trường, các em tự do tụ tập với nhau để vui chơi trong sân chơi rộng rãi của khuôn viên Viện Phật Giáo Saraha Ninh-Mã.

---

2. <https://www.sarahaschool.org/>

## Mục Tiêu Chủ Yếu

Mục tiêu chủ yếu của SCS là cung ứng cho trẻ em và gia đình một cơ sở giáo-dục toàn diện, phối hợp sự rèn luyện những đức hạnh của Phật-tử chân chánh, như tinh thần tự-kỷ-luật (self-discipline), tỉnh-thức (mindfulness), từ, bi, hỷ xả, song song với những môn học thông thường trong hệ thống giáo dục phổ thông của Hoa-Kỳ.

Để đạt được mục tiêu đó, SCS tổng hợp truyền thống tâm linh Phật Giáo với những phương thức giáo-dục phổ thông hiện đại. SCS hoan nghênh đón nhận những học sinh và gia đình thuộc mọi thành phần xã hội và giáo phái, đồng thời phụng sự cho phúc lợi của cộng đồng xã hội nói chung.

Kể từ khi thành lập cho tới nay, SCS đã đạt tới những kết-quả mong đợi và thành công như sau:

**Năm 2015:** được Bộ Giáo Dục Oregon chính thức cấp Chứng Chỉ Giáo-Dục Tư Thục.

**Năm 2016:** sĩ số của SCS tăng gấp hai lần so với năm 2015.

**Năm 2016:** xuất bản Tuyển Tập Thơ do học sinh của trường sáng tác tạp chí văn chương *Stepping Stones Literary Magazine*

**Năm 2017:** sĩ số tăng gấp hai lần so với năm 2016. Cũng trong năm 2017, SCS đứng hạng nhì trong cuộc thi đua về Kiến Thức Khoa Học của Tiểu Bang Oregon dành cho những lớp 7 và 8 bậc trung-học.

**Năm 2018:** Được Bộ Giáo Dục Oregon cấp bản Phúc Trình Lượng Giá Giáo-Dục với kết quả tốt.

Những kết quả trên đây là bằng chứng cho thấy SCS đã thành công trong lãnh vực giáo-dục, nhờ phối hợp những phương pháp giáo dục phổ thông hiện đại với những phương thức rèn luyện nhân cách và đức-tánh phù hợp với Phật Giáo; phối hợp những môn học truyền thống của Tây Phương, như: tập đọc, tập viết, toán học, khoa học, song song với sự huấn luyện những bộ môn truyền thống chủ yếu của Phật Giáo, gồm các môn nghệ thuật, những đức tánh từ bi hỷ xả, yêu chuộng hòa-bình, thực hành thiền quán và phát triển trí-huệ. Mục tiêu là giáo dục để giúp các học sinh ở tuổi niên-thiếu chuẩn bị theo học những bậc giáo dục cao hơn và, sau đó tìm việc làm thích hợp, đồng thời cung cấp cho các em một nền tảng đạo đức vững chắc trong đời sống tâm linh.

## **Giáo Dục Thiếu Nhi Phù Hợp Với Truyền Thống Tâm Linh của Phật Giáo**

Khi trẻ em bắt đầu có khả năng quan sát và biết nói, chúng ta có thể dần dần vun trồng hạt giống của những thói quen tốt, bằng những phương tiện thích nghi và sự nhẫn nại, trong thời gian trường kỳ. Hãy hướng dẫn cho các em thực hành những phương cách phát triển tâm thức với triển vọng đạt giác ngộ trong tương lai. Một điều quan trọng là hãy giúp các em vun trồng những hạt giống phát triển tâm thức ngay từ tuổi thơ ấu.

Nếu không được rèn luyện thì hầu hết những người bình thường không thể suy nghĩ, hoặc hành động, ở

trình độ cao hơn khả năng của họ. Ngoại trừ những trẻ em sớm phát triển khả năng tâm trí được coi là “*thiên-phú*”, hoặc là thân đồng và là hóa thân của những bậc thiên tài siêu việt, những trẻ em ở tuổi thơ ấu không thể hiểu những tư tưởng trừu tượng thuộc về tâm linh. Vì vậy, các em cần phải được giáo huấn một cách tiệm tiến về những vấn đề tâm linh, tùy theo lứa tuổi, bằng những phương cách thích nghi với năm giác quan của loài người, trong môi trường vật chất.

Trẻ em ở tuổi thơ ấu cần phải được giáo huấn qua những gì cụ thể mà chúng có thể nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận qua xúc giác, để dần dần suy luận và liên kết những vật cụ thể đó với lãnh vực tâm linh trừu tượng. Tuy nhiên, chúng cần phải có tâm trí ổn định và lành mạnh, không mắc bệnh tâm thần. Đó là những điều kiện để chúng sẽ có thể đạt giác ngộ trong tương lai, nếu chúng kiên nhẫn rèn luyện những phương pháp tu tập trường kỳ, hoặc đạt được những phúc lợi tâm linh đoản kỳ trong đời sống hàng ngày. Rồi sau đó, khi các em đến tuổi trưởng thành thì chúng sẽ cần phải thay đổi một lần nữa, vì tâm trí chúng sẽ phát triển ở trình độ cao hơn. Tâm trí chúng sẽ trở thành vi-tế hơn trước, tới lúc đó chúng sẵn sàng để học hỏi về những ý niệm vi-tế hơn trước. Đến khi chúng trưởng thành cao hơn nữa ở tuổi trung niên thì chúng học hỏi thêm những vấn đề và quan điểm cao siêu hơn để tiếp tục phát triển tâm linh.

## Học Phí Mỗi Niên Khóa

SCS chủ trương rằng, mục tiêu của họ là sẵn sàng và cung cấp một nền giáo dục thượng đẳng cho học sinh. Để đạt mục tiêu đó, họ cần phải tuyển dụng những thầy giáo giàu khả năng giáo huấn; đồng thời có những nhân viên quản trị giỏi và những người tình nguyện giàu thiện chí ưa thích phục vụ trong ngành giáo dục để đào tạo những thế hệ tương lai đầy triển vọng và hữu ích cho xã hội. Vì vậy, SCS cần có đủ ngân sách để trả lương cho nhân viên và điều hành cơ sở.

Trong niên khóa 2018-2019, mức học phí trọn niên khóa là 7,000 đô-la cho một học sinh và, 5,000 đô-la cho mỗi học sinh khi có từ 2 anh chị em trở lên cùng một gia đình. Nhà trường kêu gọi các gia đình khá giả hãy tình nguyện trả học phí cao hơn nhằm đóng góp vào quỹ học bổng để trường cấp học bổng cho những học sinh thuộc gia đình nghèo.

## Những Điều Kiện Khả Năng Của Thầy Giáo

Các thầy giáo của SCS được tuyển chọn căn cứ vào một số những thành tích nghề nghiệp, kinh nghiệm và đức hạnh của họ. Theo luật lệ của Tiểu Bang Oregon, tối thiểu 50 phần trăm thầy giáo và nhân viên hành chánh – được coi là thành phần nòng cốt – cần phải được Tiểu Bang Oregon cấp chứng chỉ và ghi danh. Những thầy giáo thuộc thành phần chính yếu đó sẽ hợp tác với những giáo viên phụ tá và những người tình nguyện có kinh nghiệm về giáo dục để giảng dạy cho học sinh.

Theo điều kiện của SCS, các thầy giáo cần phải có kinh nghiệm về sư-phạm, đồng thời những đức-hạnh và phương pháp giáo dục của họ cần phải thích hợp với những tiêu chuẩn của SCS. Các thầy giáo cần phải có những đức tánh như nhân-tử, kiên nhẫn, khoan-dung, và đáng mến đối với tất cả học sinh, phụ huynh và, nhân viên ban quản trị.

### **Thu Nhận Học Sinh Không Phân Biệt Tôn Giáo**

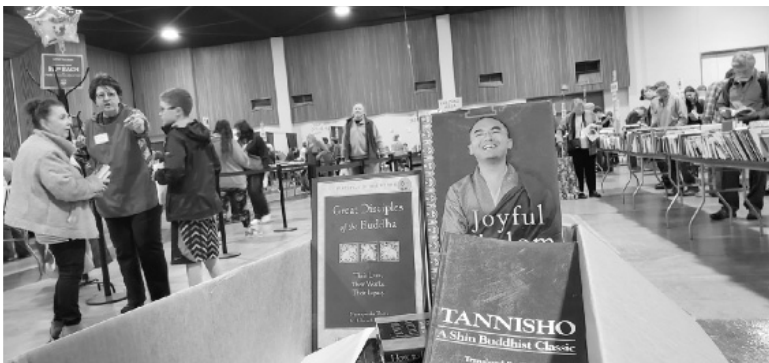
Ngoài Phật Giáo, SCS không giảng huấn hoặc thực hành những tôn giáo khác trong phạm vi khuôn viên của trường và, cơ sở giáo dục Phật Giáo này cũng không bao giờ bài xích những tôn giáo khác. Mỗi buổi sáng học sinh thực hành tụng kinh, cầu nguyện, tọa thiền theo truyền thống Phật Giáo. Nhưng không có học sinh nào bị ép buộc phải tham dự những khóa tu tập cần thiết, nếu chính họ hoặc cha mẹ không muốn họ học hoặc thực hành Phật Pháp; tuy nhiên, trong trường hợp đó họ có thể chịu thiệt thòi vì không thực hành tọa thiền để phát triển tâm thức và có khả năng học giỏi hơn. Và lại, nếu không muốn thực hành những gì thuộc về Phật Giáo thì họ có thể theo học bất cứ trường nào, chứ không cần phải học ở đây...

Phật Giáo là một tín ngưỡng không phủ nhận những điều tốt mà tín đồ của các tôn giáo khác có thể thực hành. Trên căn bản, Phật Giáo thực hành những đức tánh rộng lượng, từ bi hỷ xả, nhẫn nhục, tinh tấn và trí huệ... với mục đích đạt giác ngộ và trở thành hữu ích cho tha nhân. Sự thực hành như vậy không phải chỉ

dành riêng cho các Phật Tử. Lý do duy nhất khiến cho lối sống như vậy được gọi là “Phật Giáo” là vì đó là con đường mà Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đã truyền dạy cho chúng sanh nhằm giúp cho chúng sanh giải thoát mọi khổ đau trầm thống. Những đức tánh nói trên là bản sinh trong loài người, bất kể họ là tín đồ của tôn giáo nào. Người Phật Tử ý thức rõ điều đó nên dễ dàng chấp nhận những dị biệt của các truyền thống văn hóa và tôn giáo khác nhưng không đánh mất niềm tin của mình nơi Phật pháp.



## HÌNH PHỤ CHÚ







## CHƯƠNG 21

# GIỚI THIỆU TRẠI HÈ MẠN-ĐÀ-LA TRÊN NÚI (MANDALA ON THE MOUNTAIN SUMMER CAMP)

***Dẫn Nhập:** Chương này xin giới thiệu Trại hè Mạn-Đà-La Trên Núi (Mandala on the Mountain Summer Camp) được tổ chức mỗi năm một lần vào mùa Hè và kéo dài một tuần lễ, dành cho những nam và nữ thiếu niên từ 9 tới 18 tuổi có ý muốn học hỏi và tìm hiểu về Phật Pháp. Trại Hè này do Trung Tâm Thiền Dharma Rain Zen Center, ở thị xã Portland, tiểu bang Oregon điều hành từ năm 1994. Hầu hết các trại sinh đến đây tham dự là Phật Tử thuộc nhiều Tông phái Phật Giáo, có trình độ khác nhau về kiến thức Phật Pháp và, họ đều muốn đi dự trại hè để học hỏi thêm và thực hành giáo lý. Vì Trung Tâm Thiền Dharma Rain Zen Center có nguồn gốc từ Thiền Tông Tào Động (Soto Zen) Nhật Bản, cho nên phần lớn những bài học và sinh hoạt trong trại hè được căn cứ vào giáo lý của tông phái này; tuy nhiên, trong chương trình giảng huấn cũng gồm có giáo lý của những Tông phái Phật Giáo khác.*

## Trại hè có những mục tiêu chủ yếu sau đây:

1. Thứ nhất là nhằm mục tiêu tạo một bầu không khí thích hợp với lối sống Mỹ, đồng thời cũng phù hợp với Phật Giáo, để chứng tỏ rằng, Phật Tử ở Hoa-Kỳ cũng có lối sống bình thường và không xa cách với đời sống hàng ngày của con em họ.
2. Thứ nhì là yểm trợ, tăng cường và, gia tăng tốc độ học Phật Pháp của Phật Tử thiếu niên, vì các em khó có thể học được nhiều giáo lý nếu chúng chỉ đi học những lớp giảng Phật Pháp ngắn ngủi vào ngày Chủ Nhật (Sunday school class).
3. Thứ ba là những trại hè huấn luyện và thực hành Phật Pháp sẽ giúp con em của Phật Tử hiểu biết về những cách thức hành đạo trong những trung tâm tu học mà cha mẹ chúng thường tham gia và, khuyến khích các em hãy tham dự những khóa tu học như vậy khi trưởng thành.<sup>1</sup>

## Sơ Lược Về Sinh Hoạt Của Trại

Hàng ngày trại sinh tham gia những sinh hoạt truyền thống của những trại hè, gồm các môn nghệ thuật, như thi ca, âm nhạc, hội họa, nghệ thuật viết chữ đẹp, tập chế tạo những đồ vật thủ-công-nghệ, đốt lửa trại và, những môn thể thao, bơi lội, song song với những thực hành Phật Pháp, như thiền-định, tụng kinh, tịnh khẩu

---

1. <chrome-extension://gphandlahdpffmccakmbngmbjnjiiiahp/files-for-website/Dharma+School+Manual+2-06+-+MASTER.pdf>

và, chánh niệm tỉnh thức trong một số sinh hoạt. Các trại sinh được phân chia thành những “tiểu gia-đình Phật Tử” tụ họp với nhau để thảo luận về những đồ-hình mạn-đà-la, học hỏi những yếu tố căn bản trong một số giáo lý quan trọng, thí dụ thuyết duyên khởi...

Trong chương trình học tập cũng có những sinh hoạt đặc biệt như tập diễn kịch, tập chơi trò tung-hứng (juggling), thực tập về mưu-sinh ở nơi hoang-dã (wilderness survival), chế tạo và thả điều (kite-making), tập đánh trống taiko của Nhật Bản. Đồng thời họ cũng có thời gian để kết bạn và tìm hiểu sở thích và khuynh hướng tâm linh của những người bạn mới.

Thêm vào đó, các trại sinh cũng được huấn luyện một số điều căn bản về an-cư Kiết Hạ, học tập cung cách quan tâm săn sóc loài vật và tha nhân, tránh phí phạm đồ dùng và vật chất, bảo vệ môi sinh an toàn cho cộng đồng xã hội.

Những điều thực hành trong thời gian tham gia trại hè, như thiền định, tụng kinh, tịnh khẩu, chánh niệm tỉnh thức, chỉ thủ đắc những gì cần thiết cho bản thân, làm những công tác tập thể, lấy lương thực phẩm vừa đủ ăn và hãy ăn hết những gì đã lấy. Tất cả những bữa ăn trong trại hè đều dùng thực phẩm chay. Đó là sự thực hành lối sống phù hợp với Phật Pháp và đòi hỏi trại sinh phải vận dụng chánh niệm và chánh tinh-tấn. Sau thời gian tham dự trại hè, nhiều trại sinh tự hào rằng, họ đã trải qua những thực hành khó khăn và đã thành công.

Trong mỗi ngày có hai buổi học: Trong buổi thứ nhất, trại sinh được huấn luyện để thực tập khả năng thảo

luận. Các em được phân chia thành nhiều nhóm tùy theo lứa tuổi khác nhau: nhóm thứ nhất gồm tất cả những học sinh trung học (juniors), nhóm thứ nhì gồm những học sinh trung-học đệ nhất cấp (middle school) và, nhóm thứ ba gồm những học sinh trung-học đệ nhị cấp (high school). Đây là lúc để trại sinh trong mỗi nhóm thảo luận với nhau về đời sống và liên kết đời sống với chủ đề của trại hè này là nghiên cứu về Mạn-Đà-La. Trong những cuộc thảo luận đó, trại sinh sử dụng khái niệm Mạn-Đà-La để giải thích sự tương lập (interdependence) giữa tất cả mọi sinh vật trên thế gian. Giáo lý này giúp chúng ta bắt những nhịp cầu để nối kết giữa thế giới vật chất và thế giới tâm linh.

Trong buổi học thứ nhì mỗi ngày, trại sinh phân chia thành năm tiểu gia đình Phật Tử. Mỗi gia đình được chỉ định một màu sắc (tượng trưng cho một trong 5 màu của lá cờ Ngũ Sắc Phật Giáo) và, mỗi trại sinh gắn trên áo màu-sắc của tiểu gia đình mình trong suốt tuần lễ tham dự trại hè. Ban điều hành trại hè cố gắng sắp xếp để mỗi tiểu gia đình bao gồm những lứa tuổi khác nhau và gồm cả nam lẫn nữ trại sinh. Thí dụ như Tiểu Gia Đình màu xanh gồm có 1 trưởng-gia-đình, 1 phụ tá, 3 học sinh trung học đệ nhị cấp, 5 học sinh trung học đệ nhất cấp và sơ cấp; và các thành viên của tiểu gia đình này tụ họp mỗi ngày để cùng nhau sinh hoạt trong suốt tuần lễ. Chủ đích của sự kết hợp những tiểu gia đình như vậy là giúp cho trại sinh kết thân với nhau, tìm hiểu lẫn nhau, để cùng nhau học hỏi về một vấn đề nhân sinh nào đó liên quan tới trí tuệ và vô minh. Thí dụ như trong ngày đầu

tiên, tiểu gia đình màu xanh được chỉ định hãy học hỏi và suy xét về chủ đề “*tức giận*” trong tam độc “*tham-sân-si*”. Sau một tuần lễ tụ họp bên nhau và thảo luận, các thành viên của tiểu gia đình có thể bàn luận với nhau để tìm phương cách chuyển hóa năng lực của tâm trạng tức giận thành khả năng vận dụng trí tuệ để suy xét vấn đề một cách sáng suốt. Đến ngày cuối cùng của tuần lễ trại hè, mỗi tiểu gia đình sẽ viết một bản tường trình để đúc kết những gì họ đã học được trong thời gian tham dự.

Trong một tuần lễ, các trại sinh học hỏi lẫn nhau rất nhiều. Có nhiều trại sinh thường trở lại mỗi năm để hội ngộ với những người bạn mà họ đã gặp trong năm trước. Tình thân gắn bó sẽ kéo dài nhiều năm giữa các trại sinh đã đến đây từ nhiều nơi trên khắp nước Mỹ. Trại hè đã trở thành một cộng đồng thân thiết trong 7 ngày sống quây quần bên nhau, khiến cho các trại sinh cảm thấy buồn khi phải chào từ biệt trong ngày cuối cùng. Sau một tuần lễ, các giám thị của trại hè có thể nhận thấy sự thay đổi của các trại sinh, thí dụ như họ sẽ trở thành tự tin hơn, quan tâm tới những người xung quanh nhiều hơn, khiêm tốn hơn và, lễ phép hơn...

Sau khi khóa trại hè kết thúc, các trại sinh nhận một bản câu hỏi để cho biết ý kiến và nhận xét về những sinh hoạt mà họ vừa trải qua. Hiếm khi có trại sinh nào trả lời rằng họ ưa thích thực hành tịnh khẩu mỗi buổi sáng. Tuy nhiên, ban điều hành của trại tin rằng, thời gian thực hành tịnh khẩu đó rất hữu ích đối với giới thanh thiếu niên. Có những trại sinh nói rằng, thời gian tham gia trại hè giúp

cho tâm trí họ ổn định, bình thản, an lạc để sẵn sàng nhập học niên khóa mới ở trường trung học, hoặc bắt đầu nhập học năm thứ nhất bậc đại học. Đa số trại sinh cảm thấy hãnh diện rằng, họ đã trải qua một thời gian đối phó với những thử thách mà trước đó họ chưa bao giờ gặp.

## **Những Giám Thị Và Thầy Giáo**

Tất cả nhân viên phục vụ ở trại hè Mạn-Đà-La Trên Núi đều là những người tình nguyện được tuyển mộ từ những trung tâm Thiền Định và những tu viện Phật Giáo, với sự giới thiệu của chư Tăng Viện chủ hay Trụ trì. Những nhân viên mới tuyển mộ sẽ giữ những chức vụ phụ tá trong năm đầu tiên để thực tập, trước khi chính thức trở thành những cố vấn, hoặc giám thị và thầy giáo. Thông thường, tỉ lệ giữa con số trại sinh và con số nhân viên là 3 trại sinh cho mỗi nhân viên (3/1).

## **Điều Lệ Tham Dự**

Đa số trại sinh có cha mẹ là Phật Tử và là thành viên của những Tăng-đoàn ở vùng miền bắc tiểu bang Oregon, hoặc miền nam tiểu bang Washington. Một số trại sinh là tân Phật Tử, trong khi có những trại sinh là Phật Tử từ lúc mới chào đời. Một số ít trại sinh chưa có kinh nghiệm gì về Phật Giáo và, ban giám đốc cho biết rằng, họ không quảng cáo để hấp dẫn những người thuộc loại này tham gia.

Có những trại sinh đến từ các tiểu bang California, Minnesota, Montana, Missouri, Louisiana và Florida.

Sau khi thành lập trong năm 1994, tổng số trại sinh đã dần dần tăng thêm mỗi năm. Từ năm 2015, trung bình mỗi năm có 60 trại sinh tham gia, gồm những học sinh từ 9 tới 18 tuổi, với khoảng 20% tới 25% là con em của những gia đình thuộc các sắc dân thiểu số gốc Đông Á, như người Mỹ gốc Nhật Bản, gốc Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn, Thái Lan... Tỷ lệ giữa nam và nữ trại sinh gần ngang nhau.

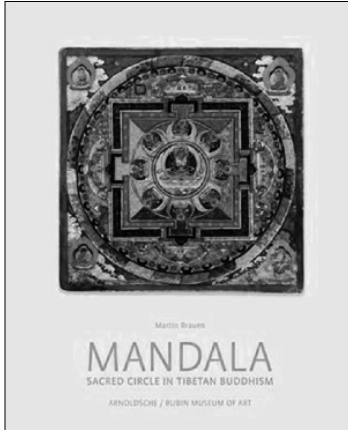
Trại hè này không tiếp nhận phụ huynh tham gia, vì nơi đây không phải là trại hè dành cho gia đình. Trong suốt một tuần lễ, những thiếu niên tham gia Trại Hè Mạn-Đà-La trên núi phải trải qua những thử thách cam go và họ cần cố gắng, cho nên sự vắng mặt của cha mẹ sẽ giúp cho họ bình thản, dễ tập trung nỗ lực, tinh tấn và lòng tự tin. Tuy nhiên, trong ngày cuối cùng, Ban Điều Hành sẽ mời phụ huynh của trại sinh đến dự nghi thức kết thúc khóa học, với một bữa tiệc đơn giản, trong khi các tiểu gia đình trại sinh đọc bản tường trình đúc kết những gì họ đã học được trong thời gian tham dự trại hè và ca hát.

Trại Hè Phật Pháp năm 2019 sẽ được tổ chức từ ngày 7 tới ngày 13 Tháng Bảy tại trung tâm tu học Molalla Retreat ở Thị Xã Molalla, tiểu bang Oregon. Lệ phí tham gia cho mỗi thành viên của Tăng Đoàn Dharma Rain Zen Center là 400 đô-la và, 475 đô-la cho tất cả những người khác.<sup>2</sup>

2 <chrome-extension://gphandlahdpffmccakmbngmbjnjjiah/files/s3-us-west-2.amazonaws.com/files-for-website/Dharma+School+Manual+2-06+-+MASTER.pdf>



HÌNH PHỤ CHÚ



## CHƯƠNG 22

# NỀN GIÁO DỤC CỦA PHẬT GIÁO LÀ NỀN GIÁO DỤC TOÀN GIÁC

Vấn đề giáo dục là vấn đề lớn, là vấn đề lâu dài, trọng đại và là vấn đề thiết cốt của đời sống của xã hội nhân loại. Khi nói đến vấn đề giáo dục, đặc biệt là sứ mệnh giáo dục trong Đạo Phật, quả thật đó là điều bất khả thuyết vì lẽ nó nhiều đến vô lượng. Bản thân của Đạo Phật tự nó chính là giáo dục, Pháp môn mà đức Phật khai thị là *vô lượng* (vô lượng pháp môn); tuy nhiên, vì sự giới hạn của thời lượng, do vậy, có 5 đặc điểm chính chúng tôi muốn được chia sẻ với chư vị, đó là:

### **1. Tiêu đích giáo dục (cứu cánh):**

Nền giáo dục của Phật giáo là nền giáo dục cần được hiểu và đánh giá như là chính nó đang là. Giáo dục phải đào tạo được những con người với tất cả ý nghĩa của NGƯỜI, một con người mà từ đạo đức đến trí tuệ đều

trở thành nghi biểu mẫu mực cho xã hội, ở mọi thời đại và quốc độ. *Một con người sống vì người, cho người, với tất cả ý thức trách nhiệm của một con người.* Khi đề cập đến Nghiệp, đức Phật muốn đặc biệt nhấn mạnh đến tinh thần trách nhiệm do ý thức được mình là người thừa tự của chính những hành tác mà mình đã tạo. Nói cách khác, mình là người chịu trách nhiệm hoàn toàn về những gì mà mình nghĩ, nói và hành động. Chúng ta là kết quả của một chuỗi yếu tố và điều kiện (nhân duyên) hỗn hợp được liên kết trùng điệp qua nhiều thời gian. “*Duy tuệ thị nghiệp*” là tinh thần giáo dục mà ta có thể gọi là một *Nền Giáo Dục Toàn Giác*, một nền giáo dục *Nhất thiết chủng trí*.

Nếu suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ thấy cứu cánh tối hậu hay tiêu đích giáo dục của Đạo Phật được đặt trên nền tảng của hai yếu tính cốt lõi: Thứ nhất: *Tịnh hóa tự ngã*, và, thứ hai: *Lợi tế quần sanh*, nói cách khác, *Tự giác, Giác tha và Giác hạnh viên mãn* là cứu cánh của một nền giáo dục toàn diện và toàn giác mà Đạo Phật luôn hướng đến. Thiếu những yếu tính quan thiết này, Phật giáo không còn là Phật giáo. Vì Đạo Phật là đạo của Hòa bình, của Từ bi, Trí tuệ, Giác ngộ, Giải thoát. Đạo Phật là đạo của sự sống và sức sống, thế nên, trách nhiệm giáo dục con người có được một đời sống đạo đức tâm linh tốt đẹp, thánh thiện, phù hợp với chánh pháp, chính là đường hướng, là tiêu đích giáo dục thuần chánh của Đạo Phật.

Trên phạm trù thế tục, đối với xã hội, để có được một đời sống thật sự tốt đẹp, đức Phật dạy con người xây

dựng sáu mối tương giao giữa Cha mẹ và Con cái; Thầy và Trò; Vợ và Chồng; Cá nhân và Quyển thuộc, Thân hữu, Láng giềng, Đoàn thể; giữa Chủ và Công nhân, giữa Tu sĩ và Cư sĩ.

Nhằm duy trì sự thịnh vượng, vững mạnh của một quốc gia, Ngài dạy 7 nguyên tắc xây dựng và phát triển làm nhục chí những ai muốn cậy vào sức mạnh quân sự để gây hấn, thôn đoạt lãnh thổ và mưu chánh sách để có được một chính phủ xứng đáng mà trong kinh *Pháp Cú Sớ* và *Jātaka* gọi là Thập Vương Tử Pháp.

Ngài cũng dạy về nguyên nhân của nghèo đói và tệ nạn của xã hội đồng thời đề ra phương pháp cải thiện thực trạng xã hội qua việc nâng cao đời sống kinh tế, cải thiện kế hoạch canh tác, cung cấp phương tiện cho giới nông dân, và nguồn vốn đầu tư cho giới thương gia, trả lương xứng đáng cho giới công nhân (*Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống, Trường Bộ Kinh 3 số 26*).

Ngài dạy về cách chăm sóc và xây dựng hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình, có tay nghề vững, có khả năng điều hành, lãnh đạo tốt, siêng năng, cần mẫn. Biết quân bình ngân sách, biết tạo lập tài sản, biết bảo vệ sức khỏe, biết trưởng dưỡng tuệ giác, biết cải tổ đời sống của xã hội trên mặt vật chất lẫn tâm linh v.v...

Với việc bảo vệ chánh pháp, đức Phật dạy “**Thất bất thối pháp**” nhằm giúp cho chánh pháp được trường tồn, bảo vệ được hòa khí, giải quyết tận gốc những nan đề phức tạp; 7 pháp Tỳ ni để hóa giải mọi thị phi tranh

chấp; 6 phép Hòa kính để chung sống hòa hợp, lâu dài và cả một tạng Luật để sách tấn hàng xuất gia và tại gia có một đời sống thanh tịnh, giải thoát, đó là chưa nói đến Kinh tạng, một kho tàng chân lý đồ sộ mà mỗi chữ, mỗi câu đều là những phương pháp giáo hóa vi diệu có khả năng giúp người trút bỏ mọi hệ lụy, ưu não nhằm thăng hoa cuộc sống một cách nhanh chóng và hữu ích.

Với bản thân, đức Phật dạy, cần phải có niềm tin vững chãi vào tự thân mà đừng nương tựa vào một cái gì khác, Đức Phật đã khẳng định:

*“Này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình (atta-dipà viharatha), hãy tự mình y tựa chính mình (attàsaranà) chớ y tựa một cái gì khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một cái gì khác ...*

*“Này Ananda, ở đời, vị Tỷ kheo trú quán trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Trú quán thọ trên các cảm thọ ... trú quán tâm trên các tâm, trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.*

*“Như vậy này Ananda, Tỷ kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một cái gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một cái gì khác.*

*“Này Ananda, những ai, hiện nay hay sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một cái gì khác, dùng*

*chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một pháp gì khác, những vị ấy, này Ananda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.”<sup>1</sup>*

Đức Phật còn dạy, “*tất cả chúng sanh đều có Phật tánh*”, vì có Phật tánh nên mỗi một chúng ta đều có khả năng thành Phật và chắc chắn chúng ta sẽ thành Phật trong một ngày nào đó nếu chúng ta dụng công hành trì chánh pháp. Chúng ta phải tuyệt đối tin tưởng vào khả năng thành Phật của chính mình và tin tưởng vào khả năng đóng góp của mình vào tiến trình thăng hoa của thế giới nhân loại. Ngoài việc tự tin, Đức Phật dạy chúng ta phải tự chủ, tự độ, tự nguyện, vô chấp và vị tha:

*“Không phải chỉ Alara Kalama có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ Alara Kalama có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ Alara Kalama có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ Alara Kalama có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ Alara Kalama có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy ta phải cố gắng chứng cho được pháp mà Alara Kalama, sau khi tự tu, tự chứng, tự đạt đã tuyên bố. Rồi này các Tỷ kheo, không bao lâu, Ta tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú.”<sup>2</sup>*

Kinh Duy Ma Cật dạy rằng, Bồ tát hành đạo cần phải vào nơi chốn bùn nhơ tội lỗi; vì những người xấu ác chính là đối tượng cứu độ của Bồ tát. Lời Đại thế

---

1. Trường III, trang 101, Tương V, 170

2. Trung I, 164b

nguyện của Tôn giả A Nan và Bồ tát Địa Tạng đã xác quyết tinh thần vị tha vô ngã của Phật giáo như thế nào, nhất là qua Tứ Hoàng Thệ Nguyện.

Nói chung, không có bất cứ lãnh vực nào trong đời sống mà không được Đạo Phật hướng dẫn một cách cụ thể, nhất là mặt nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, cải thiện xã hội, giải thoát khổ đau, sanh tử cho toàn thể chúng sinh, từ mặt nhân sinh quan đến vũ trụ luận, từ con người đến tất cả sinh loại, từ hữu tình đến vô tình, từ ảo tưởng đến thực tại siêu việt, từ thế giới nhị nguyên phân biệt đến pháp giới bất nhị bình đẳng vô sai biệt, có thể nói, phương pháp giáo dục của đức Phật là hằng hà sa số thể loại, đó chính là lý do tại sao các nhà học giả tây phương, đặc biệt là những vị giáo sư lỗi lạc tại các trường đại học hiện đại nổi tiếng trên thế giới đã hết sức ngạc nhiên và khâm phục Phật giáo khi nghiên cứu và bắt gặp những điều mà theo họ vượt ngoài sức tưởng tượng của mình. Nói tóm, nền giáo dục của Phật giáo bao gồm cả: *Đạo dục, Tâm dục, Trí dục, Đức dục, Tín dục, Kỹ dục và Thể dục.*

## 2. Phương tiện giáo dục:

Phương tiện giáo dục trước hết phải được hiểu như chính là cứu cánh, vì cứu cánh và phương tiện tuy hai nhưng lại là một. Trong cứu cánh vốn tự có sẵn phương tiện và ngược lại. Phương tiện tốt, cứu cánh tốt, phương tiện xấu, cứu cánh xấu. *Phương tiện ở đây, trước, trên và quan trọng hơn hết phải là bản thân của những nhà làm công tác giáo dục, chứ không phải chỉ thuần là*

*những thiết bị giáo dục, dù thiết bị giáo dục là những phương tiện không kém phần quan trọng.* Người đóng vai trò giáo dục phải nắm vững mục tiêu giáo dục, phải có chính sách giáo dục tốt, phải tự thấy trách nhiệm, tận tụy với chức năng của mình, thấu triệt những nan đề đặt ra cho bản thân. Người đảm trách sứ mệnh giáo dục theo đức Phật phải cần tự trang bị cho mình một cách đúng mức về *Tam Vô Lậu Học* (Giới, Định, Tuệ). Trên căn bản của ba môn học này, người làm công tác giáo dục sẽ có đủ 3 tiêu chuẩn tối thiết đó là: ***Đức năng, Trí năng và Kỹ năng.*** Đây là những tiêu chuẩn quan yếu mà trong vai trò của một nhà giáo dục cần phải được ưu tiên hàng đầu. Người đóng vai trò giáo dục đúng nghĩa theo Đạo Phật là người luôn thể hiện đúng đắn ba chuẩn mực căn bản: *Thân giáo, khẩu giáo và ý giáo*, và cần phải *Khế thời, Khế Lý và Khế Cơ.*

### **3. Ưu tiên hóa giáo dục:**

Đạo Phật đặc biệt quan tâm đến vai trò giáo dục và xem giáo dục như một sứ mệnh ưu tiên hàng đầu. Trong suốt 49 năm rông rã, không ngày nào đức Phật không giáo hóa độ sanh. Ngài đã tuyệt đối trung thành với sứ mệnh giáo hóa đến hơi thở cuối cùng mà pháp hội Niết Bàn tại rừng Kushinagar là pháp hội đặc biệt quan trọng. Châm ngôn “***Hoằng pháp thị gia vụ, Lợi sanh vi sự nghiệp***” đủ nói lên sự quan tâm sâu xa của Đạo Phật đối với sứ mệnh giáo dục như thế nào. Đức Thế Tôn luôn luôn sách tấn đồ chúng là phải nỗ lực tinh cần trong vấn đề tu học, *tu học liên tục, thường xuyên không gián*



*đoạn* (Ngài thường dùng hình ảnh của một người cọ hai thanh cây để lấy lửa ra ví dụ). Điều này có nghĩa là cần sửa đổi, tu nghiệp, cải tổ, cập nhật hóa... một cách miên tục, không gián đoạn; đặc biệt giáo pháp Tứ Chánh Cần đã chứng minh rất rõ thực tế đã đề cập. Do vậy, đối với Đạo Phật người đóng vai trò giáo dục cần thường xuyên quan tâm cải tổ hệ thống giáo dục, xây dựng một nền giáo dục hiện đại, đa dạng, tiên tiến, toàn diện và luôn phù hợp với thời đại. Cần cải thiện kỹ năng và nội dung giáo dục, chấn hưng và thiết định hóa chương trình, tổ chức giáo dục trong tinh thần bình đẳng, cởi mở vì công ích. Chương trình giáo dục phải là một chương trình thù ứng với khả năng của từng đối tượng thụ huấn, phải thực tiễn, khả thi và đáp ứng thỏa đáng nhu cầu xã hội, thời đại; thể hiện cao độ lý tưởng của Bồ tát đạo, đặc biệt giải quyết rốt ráo khát vọng bức thiết của con người: Giải thoát sanh tử, khổ đau, thể nhập Niết bàn an tịnh, hạnh phúc đích thật.

#### **4. Phương Pháp Giáo Dục:**

Phương pháp giáo dục của đạo Phật là phương pháp rất hợp lý, khoa học và hết sức thực tiễn, hữu hiệu. Thường thì mỗi khi đức Thế Tôn thuyết giáo, Ngài kiên nhẫn và bi mẫn phân tích vấn đề một cách tỉ mỉ từ phạm trù của hiện tượng giới đến bản chất của sự vật, từ nguyên nhân đến kết quả, từ tục đế đến chân đế. Ngài không chủ trương bóp méo sự thật, ngược lại, trong tâm lượng của một bậc Đạo Sư, Ngài dạy đệ tử của mình phải khảo sát các pháp, tức mọi hiện tượng một cách

tường tận và khoa học, khách quan (gạt bỏ mọi thủ kiến) để thể nghiệm chân xác và như thật bản thể hay tự tính của thực tại. Đây là phương pháp giáo dục của bậc Điều Ngự Trưởng Phu, bậc Đại Giác.

Đức Phật thường căn cứ vào những sự kiện cụ thể để chỉ dạy, qua những chỉ dẫn của Ngài về giáo pháp Tứ Diệu Đế, Luật Tạng, 12 bộ kinh (chỉ cho thể loại một cách tổng quan chứ nếu nói đủ thì phải nói là vô lượng pháp môn) ta có thể chứng minh được điều đó. Những lời Ngài dạy rất sinh động, cởi mở, đi thẳng vào trái tim của người nghe, nhờ ánh sáng chân lý của bậc tuệ giác siêu việt chiếu vào khiến tâm thức của từng đối tượng tan đi tất cả những vô minh, phiền não. Tác dụng của những lời dạy của đức Phật quả thật rất khó nghĩ bàn, thật cao siêu, màu nhiệm, nhưng luôn luôn có sự tương quan với lịch sử và những chuyển biến mang tính thời sự.

Bốn tiêu chuẩn (nguyên tắc), tức là Tứ Tất Đàn (siddhāntas) mà đức Phật thường xuyên khai thị đã thể hiện rõ điều đó: Thế giới tất đàn, Vị nhân tất đàn, Đối trị tất đàn và Đệ nhất nghĩa tất đàn. Qua bốn Tất Đàn trên, chúng ta thấy rằng:

**1/ Tiêu chuẩn thứ nhất** căn cứ trên những căn bản nhận thức hoàn toàn thù ứng với thế giới. (Trên phạm trù tục đế dù ta biết mọi hiện tượng đều giả hữu, nhưng nếu không có phương tiện thiện xảo được ứng dụng một cách tuyệt hảo nhằm khai dụng trọn vẹn bi nguyện và trí lực thù thắng thì không thể có được hoạt dụng bất khả tư nghì của chánh pháp giữa một thế giới đầy mộng tưởng, điên đảo và khổ đau.)

**2/ Tiêu chuẩn thứ hai** căn cứ trên sự nhận thức của thánh chúng đương cơ, của con người. Phù hợp với hoàn cảnh, trình độ, ngôn ngữ v.v...

**3/ Tiêu chuẩn thứ ba:** Đối trị cả thân bệnh và tâm bệnh, do đó nền giáo dục của Đạo Phật là nền giáo dục có khả năng giải quyết những vấn đề của xã hội hiện thực từ kinh tế, đến y học, khoa học, tâm lý, kỹ thuật v.v... Nói chung là làm cho con người hết khổ, có một đời sống hạnh phúc, an tịnh, giải thoát thật sự.

**4/ Đệ nhất nghĩa** là **tiêu chuẩn thứ tư** đặt căn bản trên chân đế, thắng nghĩa đế, hay xuất thế gian đế. Đây là tiêu chuẩn tuyệt đối, thực tại siêu việt. Tiêu chuẩn hoàn toàn đặt sự nhận thức trên sự thật như thật.

**Bốn nguyên tắc quan trọng khác nữa, đó là Tứ y:**

1. Y pháp bất y nhân;
2. Y nghĩa bất y ngữ;
3. Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa;
4. Y trí bất y thức.

Và, còn cả hàng ngàn pháp môn mầu nhiệm khác mà chúng ta không thể nói hết và nói đủ.

## **5. Hiệu năng giáo dục:**

Đạo Phật đặc biệt nhấn mạnh đến hiệu năng của phương pháp hành trì, hay nói khác hơn dụng lực hay công năng của sự tu tập. Đạo Phật không chủ trương trao cho con người một số kiến thức vô bổ, cũng không nhằm thỏa mãn nhu cầu tri thức thời đại mà chính là đặc

biệt chú trọng đến hiệu năng của tiến trình tu chứng. Đây chính là phương pháp giáo dục đặc thù của Phật giáo.

Nền giáo dục của Phật giáo là nền giáo dục khai phóng, có khả năng giải thoát mọi cá thể ra khỏi mọi phạm trù tri thức ốc đảo. Ở thời đại chúng ta, để kế thừa nền giáo dục siêu xuất đó, trên căn bản của một nhận thức như thật, chúng ta cần phát huy tinh thần giáo dục thù ứng và diệu dụng của Phật giáo, tổng hợp những tinh túy của mọi nền văn hóa để có thể nhiếp hóa nhằm bồi đắp nhưng đồng lúc triển khai đúng mức bản sắc đặc thù và những tinh hoa đặc hữu của dân tộc nhằm đưa dân tộc đến chỗ tự do, dân chủ, phồn thịnh và hạnh phúc chân thật. Đặc biệt nền giáo dục của Phật giáo là phương pháp giáo dục giúp con người trở thành bậc đại giác, toàn trí, toàn đức, có khả năng mang lại sự lợi ích to lớn và lâu dài cho muôn sinh.

Đạo Phật chủ trương lấy con người làm trung tâm điểm để cải hóa và xây dựng xã hội. Con người tốt, xã hội tốt và ngược lại. Giáo dục con người để trở thành một tài bảo của thế giới nhân loại là bước căn bản và hết sức quan yếu mà Phật giáo gọi là Nhân Thừa trong Ngũ Thừa giáo. Con người là tài nguyên lớn vô giá như Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Nhân thị tối thắng - Con người là trên hết*”; do vậy, cần đầu tư vào việc giáo dục con người trên một quy mô quốc gia theo nền giáo dục hiện đại và toàn giác là một nhu cầu bức thiết mà chúng ta cần hướng đến. Suốt 49 năm du phương hóa độ, sứ mệnh trung tâm của đức Phật là tuyên giảng con đường giải

thoát, đề cao khả tính giác ngộ của mọi cá thể một cách bình đẳng và tuyệt đối.

Truyền thống giáo dục của Phật giáo là truyền thống giáo dục toàn giác. Đức Phật được tôn xưng như là một nhà giáo dục vĩ đại và thánh thiện, là bậc đạo sư tiêu biểu, mẫu mực (bậc Điều Ngự, đấng phước trí vẹn toàn), đức Phật chủ trương giáo dục con người giải thoát mọi kiến thủ để đạt được tuệ giác siêu việt. Ta thường nghe nói nhiều về sự Chứng Đạo, Đạt Đạo, Thành tựu đạo quả v.v... đó là cốt ý muốn nhấn mạnh đến thành quả, hiệu quả, cứu cánh tối hậu chứ không là một lý thuyết thuần túy.

Ý thức được sự huyệt hẫng nghiêm trọng của nền giáo dục hiện tại, là những Trưởng tử Như Lai, những Cư sĩ Phật tử trí thức và Huynh trưởng GDPT mang trong mình sứ mệnh giáo dục thiêng liêng cao cả, chúng ta cần tiên phong trong vấn đề cải tổ chính sách và hệ thống giáo dục từ học đường đến gia đình, từ quốc gia đến thế giới nhằm giúp cho sinh loại có được một cuộc sống thật sự an lạc và giải thoát.

## CÙNG TÁC GIẢ - DỊCH GIẢ

### *Sách Đã Xuất Bản*

1. Pháp Tu Quan Âm (dịch)
2. Trung Luận (dịch)
3. Phật Giáo Và Tâm Lý Học Hiện Đại (dịch)
4. Bước Vào Thiền Cảnh (dịch)
5. Đại Cương Triết Học Trung Quán (dịch)
6. Đại Tạng Kinh Nhập Môn (dịch)
7. Cẩm Nan Nhân Sinh (dịch)
8. The Four Sublime States: Doctrine & Practice in Buddhism.
9. Thập Nhị Môn Luận (dịch)
10. Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21 (dịch)
11. Phủ Định Thức & Biện Chứng Pháp Trung Quán (dịch)
12. Thiền Trong Nghệ Thuật Bắn Cung (dịch)
13. Thơ: Giọt Sương Huyền Hóa
14. Thơ: Hoa Nở Trời Tây
15. Lược Sử Thời Gian (dịch)
16. Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc Đích Thực (dịch)
17. Tứ Vô Lượng Tâm

18. Beginning And Development Of Buddhist Education In Vietnam (Luận Án Tiến Sĩ)
19. Dharma Of Leadership: A Journey For Leaders From The Teaching Of The Buddha.
20. Taking Refuge In The Buddha, Dharma, Sangha And Receiving The Five Precepts.
21. Buddhist Meditation Practice
22. Bát Chánh Đạo: Con Đường Dẫn Đến An Lạc Đích Thực.
23. Phật Giáo Và Khoa Học
24. Phật Giáo Và Phân Tâm Học
25. Phật Giáo Và Xã Hội
26. The Key To Happiness: The Buddha way
27. Phật Giáo Và Giáo Dục

### ***Sách Sắp Xuất Bản***

1. Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới
2. Phật Giáo Và Chính Trị
3. Phật Giáo Và Nữ Giới
4. Phật Giáo Và Nghệ Thuật
5. Phật Giáo Và Thiên Nhiên
6. Mindfulness Meditation
7. Kinh “Tứ Thập Nhị Chương Diễn Giảng”





**PHẬT GIÁO VÀ GIÁO  
DỤC. TÁC GIẢ THÍCH  
VIÊN LÝ. BODHI WISDOM  
DN PUBLISHING XUẤT  
BẢN TẠI CALIFORNIA,  
HOA KỲ. IN LẦN THỨ  
NHẤT, 2019. TÁC GIẢ  
GIỮ BẢN QUYỀN /  
COPYRIGHT © 2019 -  
THÍCH VIÊN LÝ.**

**Bodhi**  
**Wisdom**  
DN Publishing